



TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

TOÁN

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)

ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC

ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Toán

Sách giáo viên

1

Chân trời sáng



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Mục lục

Phần một- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN Ở LỚP 1	5
Phần hai- HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG TOÁN 1	27
Lớp 1 của em	27

1. Làm quen với một số hình

• Vị trí	29
• Khối hộp chữ nhật – Khối lập phương	32
• Hình tròn – Hình tam giác – Hình vuông – Hình chữ nhật	33
• Xếp hình	35
• Thực hành và trải nghiệm: Vui Trung thu	37

2. Các số đến 10

• Các số 1, 2, 3	39
• Các số 4, 5	41
• Tách – Gộp số	45
• Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	47
• So sánh các số: bằng, lớn hơn, bé hơn	49
• Các dấu $=$, $>$, $<$	51
• Số 6	56
• Số 7	59
• Số 8	61
• Số 9	63
• Số 0	66
• Số 10	68
• Em làm được những gì?	72
• Thực hành và trải nghiệm: Sông nước miền Tây	76
• Kiểm tra	79

3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10

• Phép cộng	82
• Phép cộng trong phạm vi 10	86
• Cộng bằng cách đếm thêm	89
• Phép trừ	93
• Phép trừ trong phạm vi 10	97
• Trừ bằng cách đếm bớt	100
• Em làm được những gì?	104
• Ôn tập Học kì 1	106
• Thực hành và trải nghiệm: Em đi bộ theo luật giao thông	109
• Kiểm tra Học kì 1	111

4. Các số đến 20

• Các số đến 20	114
• Các phép tính dạng $10 + 4$, $14 - 4$	118
• Các phép tính dạng $12 + 3$, $15 - 3$	120
• Chiếc đồng hồ của em	122
• Em làm được những gì?	124
• Kiểm tra	126

5. Các số đến 100

• Chục – Số tròn chục	129
• Các phép tính dạng $30 + 20$, $50 - 20$	131
• Chục – Đơn vị	133
• Các số đến 40	135
• So sánh các số	137
• Các số đến 100	139
• Bảng các số từ 1 đến 100	143
• Các phép tính dạng $34 + 23$, $57 - 23$	146
• Em làm được những gì?	150
• Kiểm tra	153
• Các ngày trong tuần	155
• Tờ lịch của em	157
• Thực hành và trải nghiệm: Em và các bạn	159
• Độ dài	162
• Đo độ dài	166
• Xăng-ti-mét. Đơn vị đo độ dài	169
• Em làm được những gì?	174
• Ôn tập cuối năm	178
• Thực hành và trải nghiệm: Ong và hoa	186
• Kiểm tra cuối năm	189

Phần một

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN Ở LỚP 1

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1

Môn Toán lớp 1 nhằm giúp học sinh (HS) đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

1. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học, các phẩm chất chủ yếu

– Thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, bước đầu làm quen với việc nêu và trả lời câu hỏi khi lập luận, giải quyết các vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép cộng, phép trừ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; làm quen với việc sử dụng ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

– Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

– Số và phép tính: các số tự nhiên trong phạm vi 100; các phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.

– Hình học và Đo lường: nhận biết hình dạng một số hình phẳng và hình khối đơn giản (hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật; khối hộp chữ nhật, khối lập phương); nhận biết ban đầu về biểu tượng đại lượng và đơn vị độ dài (xăng-ti-mét), tuần lễ và ngày trong tuần, giờ đứng trên mặt đồng hồ.

3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác như Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm, ... vận dụng toán học vào thực tiễn, tạo dựng những nhận biết ban đầu giúp HS hiểu biết về một số nghề nghiệp sau này.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đặc thù

Cùng với các môn học khác, môn Toán hình thành và phát triển những **phẩm chất** chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Các yêu cầu về năng lực đặc thù:

Năng lực tư duy và lập luận toán học

– Thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản. Làm quen với việc quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc; làm quen với việc nói kết quả của việc quan sát (nói theo trường hợp cụ thể, chưa yêu cầu khái quát).

– Bước đầu nêu được lí do để giải thích việc làm của mình.

Năng lực mô hình hoá toán học

– Lựa chọn được hình vẽ, sơ đồ, phép tính, ... để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) các nội dung, ý tưởng.

- Giải quyết được nhiệm vụ từ sự lựa chọn trên.

Năng lực giải quyết vấn đề toán học

HS bước đầu **làm quen** với các việc để giải quyết vấn đề:

- Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.
- Nói (đơn giản) cách thức giải quyết vấn đề.
- Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.
- Kiểm tra được các việc đã làm (giải pháp đã thực hiện).

Năng lực giao tiếp toán học

– Nghe hiểu, đọc hiểu (học kì 2) và ghi chép thông tin trọng tâm (số, phép tính,...) do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản).

– Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) các nội dung, ý tưởng, giải pháp (một cách đơn giản) để người khác hiểu.

– Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

– Thể hiện được sự tự tin khi trả lời, trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

– Nhận biết được tên gọi, tác dụng, cách sử dụng, cách bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản.

– Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

– Bước đầu nhận biết một số ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở lớp 1

a) Số và phép tính

Số tự nhiên

– Đếm đến 100

- Đếm đúng số lượng các phần tử của tập hợp.
- Đếm thêm, đếm bớt 1. Chẳng hạn:

1, 2, 3, ...

10, 9, 8, ...

Đếm thêm 2, 5, 10. Chẳng hạn:

2, 4, 6, ...

1, 3, 5, ...

5, 10, 15, ...

10, 20, 30, ...

– Lập số

- Nhận biết kết quả cuối cùng của phép đếm là số chỉ số lượng các phần tử của tập hợp.

- Các số trong phạm vi 10.
Tạo lập được tập hợp tương đương với số theo yêu cầu (dùng khối lập phương, que tính, hình vẽ,...).
- Các số trong phạm vi 20, trong phạm vi 100.
Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
Tạo lập được tập hợp tương đương với số theo yêu cầu (dùng khối lập phương, que tính, hình vẽ,...), gộp số chục và số đơn vị để lập số có hai chữ số.
- Đọc, viết số
 - Nhận biết được 10 kí hiệu (chữ số) để viết số.
 - Đọc và viết các số trong phạm vi 100.
 - Nhận biết được giá trị theo vị trí của các chữ số trong một số.
- Phân tích, tổng hợp số
 - Các số trong phạm vi 10.
Thực hiện được các thao tác tách – gộp số và thể hiện bằng sơ đồ tách – gộp số.
 - Các số trong phạm vi 100.
Nhận biết cấu tạo thập phân của số.
Tách – gộp số theo cấu tạo thập phân của số.
- Thứ tự các số
 - Nhận biết và mô tả được các quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn” giữa số lượng các phần tử của hai tập hợp qua thao tác thiết lập tương ứng 1 – 1. Sử dụng đúng các thuật ngữ “bằng, nhiều hơn, ít hơn”.
 - Nhận biết và mô tả được các quan hệ “bằng nhau, lớn hơn, bé hơn” giữa các số dựa vào quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”. Sử dụng đúng các thuật ngữ “bằng, lớn hơn, bé hơn” và các kí hiệu “=, >, <”.
 - Nhận biết dãy số (tự nhiên) được xếp thứ tự từ bé tới lớn.
 - So sánh được các số trong phạm vi 10 bằng cách vận dụng:
Quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”.
Thứ tự các số trong dãy số.
 - So sánh được các số có hai chữ số bằng cách:
So sánh số chục, số đơn vị.
Dựa vào thứ tự các số trong dãy số.
 - Xác định được số lớn nhất, bé nhất, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm không quá bốn số).
 - Làm quen khái niệm hai số (tự nhiên) liên tiếp qua ngôn ngữ cuộc sống “sát cạnh nhau, ngay sau,...” (chưa chính thức giới thiệu thuật ngữ “liên tiếp, liền sau, liền trước”).
Tạo lập được dãy năm số liên tiếp bằng cách thêm 1 vào số ngay trước nó.

– Số thứ tự: Sử dụng đúng các từ: thứ nhất (đầu tiên), thứ hai (thứ nhì), thứ ba,..., thứ mười để nói thứ tự các đối tượng trong các tình huống cụ thể.

Phép tính

– Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10

- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng: gộp lại (theo quan điểm lấy hợp hai tập hợp không giao nhau).
- Nhận biết và sử dụng được hai thuật ngữ chính thể hiện ý nghĩa phép cộng: và, thêm.
- Nhận biết được ý nghĩa của phép trừ: tách ra (theo quan điểm tìm phần bù của tập con của một tập hợp).

Nhận biết và sử dụng được hai thuật ngữ thể hiện ý nghĩa phép trừ: bớt đi, còn lại.

- Sử dụng các bảng tách – gộp số, thành lập các bảng cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ; cộng, trừ bằng cách:

Sử dụng sơ đồ tách – gộp số.

Sử dụng các bảng cộng trừ trong phạm vi 10.

Đếm thêm, đếm bớt.

– Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20

- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ dạng $10 + 4$, $14 - 4$ bằng cách dựa vào cấu tạo thập phân của số.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ dạng $12 + 3$, $15 - 3$ bằng cách dựa vào: Các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10.

Đếm thêm, đếm bớt.

– Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100

- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ nhằm các số tròn chục (tổng trong phạm vi 100) bằng cách coi chục là đơn vị đếm.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ dạng $20 + 8$, $28 - 8$ bằng cách dựa vào cấu tạo thập phân của số.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ các số có hai chữ số (không nhớ) qua các thao tác đặt tính, tính trên cơ sở dựa vào:

Các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10.

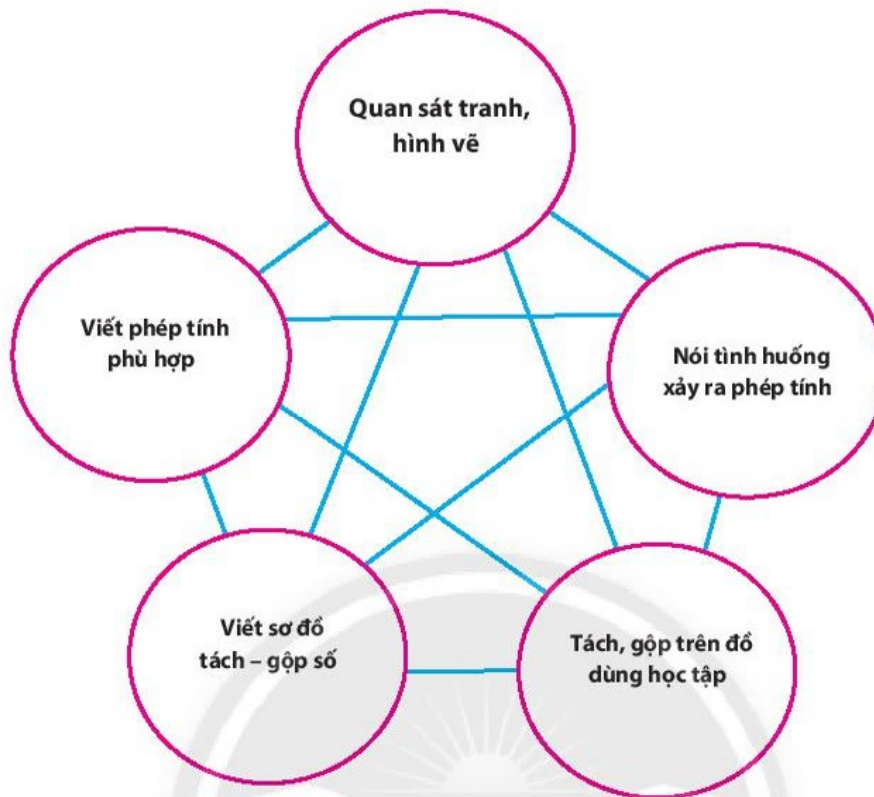
Đếm thêm, đếm bớt.

– Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

– Nhận biết được tính chất giao hoán của phép cộng; quan hệ giữa phép cộng và phép trừ; vai trò của số 0 trong phép cộng, phép trừ qua các trường hợp cụ thể. Vận dụng để tính toán hợp lí.

– Nhận biết và thực hiện được các thao tác có liên quan theo sơ đồ sau:

(Hệ thống sơ đồ này giúp HS phát triển đầy đủ 5 năng lực đặc thù cũng như các kiến thức, kĩ năng cốt lõi cần chuyển tải)



– Bước đầu làm quen bài toán có lời văn (chưa giới thiệu thuật ngữ bài toán có lời văn).

Viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn.

Nhận biết và thực hiện được một số bài toán khác (ngoài bài toán có lời văn), chẳng hạn:

Bài toán chia bánh thành các phần có số lượng liên quan tới quan hệ thứ tự (sách giáo khoa (SGK) trang 37).

– Các bài toán về quy luật (số, hình dạng, màu sắc,...).

...

b) Hình học và đo lường

Hình học trực quan

– Vị trí

- Nhận biết được vị trí, định hướng trong không gian: trên – dưới, phải – trái, trước – sau, ở giữa.
- Vận dụng vào các tình huống cụ thể.

– Hình khối

- Nhận dạng, gọi tên khối hộp chữ nhật, khối lập phương thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật có trong cuộc sống.
- Sử dụng đồ dùng học tập, lắp ghép, xếp hình khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

– Hình phẳng

- Nhận dạng và gọi đúng tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật.
- Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân.
- Làm quen việc phân loại, sắp xếp các hình theo nhiều tiêu chí khác nhau, sử dụng đúng các thuật ngữ: hình dạng, màu sắc, kích cỡ, phương hướng.

Đo lường

– Độ dài

- Làm quen với biểu tượng độ dài qua việc nhận biết “dài hơn”, “ngắn hơn”.
- Nhận biết đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét: độ lớn, tên gọi, cách viết, kí hiệu.
- Đo độ dài:

Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài theo đơn vị đo xăng-ti-mét (ước lượng trong phạm vi 20 cm, đo trong phạm vi 100 cm).

Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...).

Ghi nhớ số đo theo xăng-ti-mét của một số bộ phận thân thể: chiều ngang móng tay, chiều dài ngón trỏ, chiều dài gang tay.

– Thời gian: Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần.

- Nhận biết được giờ đúng trên mặt đồng hồ (loại đồng hồ có kim giờ, kim phút).
- Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên mặt đồng hồ.
- Xác định được thứ, ngày của một ngày nào đó khi xem lịch (loại lịch tờ, bóc hằng ngày).

– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch.

c) Hoạt động thực hành và trải nghiệm

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, có thể tổ chức cho HS hoạt động trong giờ hoặc ngoài giờ chính khoá, nhằm giúp các em ứng dụng các kiến thức, kĩ năng toán học vào thực tiễn; ôn tập, củng cố các kiến thức, kĩ năng cơ bản, ... chẳng hạn:

– Thực hành các hoạt động liên quan đến vị trí, định hướng trong không gian; nhận biết các hình đã học trong thực tế cuộc sống.

– Thực hành đếm, nhận biết số, thực hiện phép tính trong một số tình huống hằng ngày.

– Thực hành đo và ước lượng độ dài một số vật trong thực tế.

...

III. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1

1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Toán ở cấp Tiểu học nói chung và lớp 1 nói riêng

Thống nhất với quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông môn Toán.

a) Đảm bảo tính tính giản, hiện đại, thiết thực

- SGK đề cập tới những nội dung cốt lõi của ba mạch kiến thức; hình thành và phát triển các phẩm chất, các năng lực đặc thù của môn toán.

Nội dung các bài học được cấu trúc nhằm dành thời gian thích đáng cho việc dạy khái niệm, tạo mối liên hệ giữa các khái niệm, đảm bảo cân đối giữa “học” kiến thức và “vận dụng” kiến thức vào giải quyết vấn đề cụ thể.

- Cách tiếp cận của SGK phù hợp với xu hướng giáo dục của thế giới ngày nay.

Hình ảnh sinh động, màu sắc tươi tắn tạo hứng thú cho học sinh.

- SGK cung cấp nhiều nội dung, giúp học sinh giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến các kiến thức, kĩ năng đã học.
- Đặc biệt, bộ sách mang tính nhân văn cao vì đã tạo điều kiện để học sinh có ý thức quan tâm tới đất nước, gia đình, trường học,...

b) Bảo đảm tính thống nhất, sự nhất quán và phát triển liên tục

- SGK thể hiện sự liên kết chặt chẽ hai nhánh, một nhánh mô tả sự phát triển của các mạch nội dung kiến thức cốt lõi và một nhánh mô tả sự phát triển của năng lực, phẩm chất của học sinh.
- Nội dung SGK Toán Tiểu học tiếp nối các nội dung đã học ở bậc giáo dục Mầm non và tạo điều kiện học tốt các nội dung ở các bậc học sau này.

c) Đảm bảo tính tích hợp và phân hoá

- Nội dung môn Toán trong bộ sách được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức: Số và Phép tính, Hình học và Đo lường, Một số yếu tố Thống kê và Xác suất.

Các nội dung trên được giới thiệu theo cấu trúc tuyến tính kết hợp với “đồng tâm xoáy ốc” (đồng tâm, mở rộng và nâng cao dần theo các vòng số).

- SGK Toán chú trọng tính ứng dụng, tích hợp với các môn học khác.

Các hoạt động thực hành, trải nghiệm tạo cơ hội để học sinh thực hiện tích hợp trong giáo dục toán học.

- Các bài tập được sắp xếp theo hệ thống từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Ngoài ra có những bài mang tính thử thách đảm bảo yêu cầu phân hoá trong dạy học.
- SGK Toán giới thiệu nhiều giải pháp để học sinh lựa chọn khi thực hiện một số kĩ năng, quán triệt tinh thần dạy học theo hướng cá thể hoá người học.

d) Bảo đảm tính mở

Bên cạnh những nội dung giáo dục toán học cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, SGK Toán lựa chọn, bổ sung một số nội dung toán học đơn giản, tạo điều kiện cho các em trải nghiệm cuộc sống.

2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Toán

Với quan điểm quán triệt các quy định của chương trình môn học, kế thừa và phát huy ưu điểm SGK hiện hành cũng như các bộ sách SGK trước đó, bộ sách tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học giáo dục của các nước tiên tiến.

– SGK cung cấp đầy đủ các nội dung tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học định hướng **phát triển năng lực, phẩm chất và tích hợp** phù hợp với xu thế chung của giáo dục toàn cầu trong bối cảnh thế giới đang ở ngưỡng cửa của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư – Cách mạng công nghiệp 4.0.

Mỗi đơn vị kiến thức đều được hình thành qua việc sử dụng các phẩm chất và năng lực đặc thù, ngược lại quá trình vận dụng kiến thức kỹ năng đòi hỏi khả năng tổng hợp các phẩm chất và năng lực.

– Bộ sách tiếp cận người học theo **“cách học sinh học toán”** – phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân, quán triệt tinh thần **“toán học cho mọi người”**.

Mỗi bài học, ưu tiên để học sinh tiếp cận, tìm tòi, khám phá, không áp đặt khiên cưỡng. Các hoạt động trong bài học tập trung vào việc hiểu được tại sao làm như vậy, không chỉ dừng lại ở việc tính toán.

SGK cung cấp các giải pháp khác nhau, HS có thể lựa chọn giải pháp phù hợp với sở thích, năng lực để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Ví dụ: Để thực hiện các phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10, HS có thể dựa vào

- Cấu tạo số trong phạm vi 10, thể hiện qua các bảng tách – gộp số.
- Các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10.
- Đếm thêm, đếm bớt.
- Mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

Việc thuộc các bảng cộng, bảng trừ mang tính chất khuyến khích, không ép buộc HS. Tuy nhiên, qua quá trình học tập, HS sẽ dần thuộc các bảng này một cách tự giác.

– Với quan điểm: HS Tiểu học tiếp nhận kiến thức theo cách “mưa dầm thấm đất”, bộ SGK chủ trương giới thiệu các nội dung toán theo cách thức: “lát nền” – Các kiến thức, kỹ năng bộ phận thường được giới thiệu sớm (trước khi chính thức giới thiệu nội dung chính) nhằm mục đích:

- Tạo điều kiện để các kiến thức, kỹ năng được lặp lại nhiều lần.
- Tạo nhiều cơ hội để HS làm quen và thực hành, hình thành các ý tưởng. Khi chính thức học nội dung đó, các ý tưởng sẽ được kết nối một cách hoàn chỉnh. Lúc này bài học mang tính hệ thống và hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng đã học.

– Các nội dung thể hiện trong SGK tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học giáo dục của các nước tiên tiến.

Các lí thuyết học tập giúp người học thành công hiện nay: Lí thuyết kiến tạo (Jean Piaget 1896-1980), Lí thuyết văn hoá xã hội (Lev Vygotsky 1896-1934). Áp dụng các lí thuyết trên, nội dung trong SGK Toán 1 đã đề ra được các chiến lược dạy học hữu ích với chia khoá thành công là **Dạy học giải quyết vấn đề** (GQVĐ). Điều này hoàn toàn phù hợp với nội dung giáo dục mang tính quốc gia và toàn cầu: **Giáo dục vì sự phát triển bền vững**.

– Hình thức thể hiện: màu sắc, hình ảnh gần gũi HS, các tình huống được chuyển tải khéo léo bằng hình ảnh dễ dàng lôi cuốn HS vào hoạt động học tập.

– SGK **kết nối** giữa phụ huynh và học sinh thông qua hoạt động ở nhà, tạo điều kiện để phụ huynh hiểu thêm về con em mình.

– Đặc biệt, mặc dù là một cuốn sách Toán, SGK Toán 1 tạo điều kiện để các em tìm hiểu về quê hương đất nước và bước đầu biết quan tâm, chia sẻ qua hoạt động Đất nước em.

3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

a) Cấu trúc sách

SGK Toán 1 được cấu trúc theo 5 chương, 3 chương đầu (HK1) được viết theo chủ đề, 2 chương còn lại (HK2) được viết dưới dạng tích hợp hai mạch kiến thức Số và phép tính, Hình học và đo lường.

b) Cấu trúc bài học

Mỗi **bài** học thường gồm các phần

- **Cùng học và thực hành**

Cùng học được mặc định trên nền màu hoặc có tranh vẽ chuyển tải nội dung.

Phần này bao gồm cả hoạt động khởi động, xuất hiện tình huống thực tế hay một vấn đề được đặt ra. HS cùng nhau tìm phương án giải quyết dưới sự hướng dẫn, gợi ý của GV. Qua đó HS khám phá và hình thành kiến thức mới.

Thực hành được kí hiệu bởi hình tam giác màu xanh.

Thông qua các hoạt động, vẫn cùng với sự hỗ trợ của GV, giúp HS hiểu rõ hơn về bài mới cũng như hiểu thêm những liên hệ với kiến thức cũ.

Sở dĩ hai mục này ở chung một phần vì tiến trình hình thành kiến thức, kĩ năng mới phần lớn dựa trên việc thực hành của HS.

- **Luyện tập** được kí hiệu bởi hình tròn màu đỏ, giúp HS rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học và vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống.
- Ngoài ra còn các phần Vui học, Thử thách, Khám phá, Đất nước em, Hoạt động ở nhà có các biểu tượng kèm theo. Nội dung ở các phần này thường mang tính **vận dụng nâng cao**.

Vui học: hướng dẫn sử dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện các hoạt động vui chơi đơn giản nhằm tạo niềm vui và kích thích học tập.

Thử thách: các hoạt động thử thách trí thông minh, giúp HS rèn luyện tư duy, phát triển năng lực toán học.

Khám phá: tổ chức các hoạt động gợi mở những vấn đề mới liên quan đến kiến thức vừa học nhằm tạo hứng khởi và kích thích niềm say mê học toán.

Đất nước em: Tích hợp nội dung giáo dục của địa phương, giới thiệu cho HS tìm hiểu về một số địa danh và những giá trị lịch sử – văn hoá, bước đầu giúp các em biết quan tâm và yêu mến quê hương đất nước.

Hoạt động ở nhà: tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của HS ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.

Thỉnh thoảng, trong SGK, HS sẽ gặp **bạn ong vui vẻ** nêu hướng dẫn, gợi ý hoặc làm mẫu trong một số tình huống cụ thể.

SGK Toán 1 được biên soạn để dùng trong nhiều năm, vì vậy HS giữ gìn sách cẩn thận, không nên viết, vẽ vào sách.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ CẦN LƯU Ý VỀ NỘI DUNG

1. Số và phép tính

a) Số

– Kế thừa chương trình giáo dục Mầm non (lớp 5 – 6 tuổi đã biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10, nhận biết các chữ số trong phạm vi 10).

– Tích hợp môn Tiếng Việt (dạy viết chữ số ngay từ tuần đầu).

– Kĩ năng đếm được chú trọng và xuyên suốt trong quá trình học số, đặc biệt thao tác vừa đưa ngón tay (bắt đầu từ ngón út) vừa đếm giúp HS thuận lợi cho việc đếm thêm, đếm bớt.

Thao tác vừa đếm vừa đặt các khối lập phương vào mỗi hình (trang 82, 83 SGK) vừa có vai trò đánh dấu, vừa có tác dụng lấy các khối lập phương tương ứng với số cần thành lập.

– Các kĩ thuật đếm thêm, đếm bớt (bằng nhiều cách) giúp HS ngoài việc đếm nhanh còn bước đầu cho HS nhận biết quy luật của dãy số, đặc biệt trợ giúp các em gặp khó khăn trong việc nhớ các bảng cộng, bảng trừ để dễ dàng thực hiện được các phép tính cộng, trừ.

b) Tách – gộp số

– Ở Mầm non, các em đã bước đầu làm quen với tách, gộp (tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm).

– Nội dung phân tích, tổng hợp số (thể hiện qua các thao tác tách, gộp số) rất được chú trọng trong SGK Toán lớp 1.

- Hình ảnh bàn tay thường xuất hiện gợi ý hoạt động thực hành của HS (hình ảnh các bàn tay theo hướng mũi tên thể hiện gộp hoặc tách).
- Các thao tác gộp, tách (được thực hiện một cách thường xuyên trên bộ đồ dùng học tập) đã tạo dựng cơ sở vững vàng để HS bước đầu hiểu bản chất của phép cộng, phép trừ.

- Các kết quả tách, gộp số (chủ yếu là tách số vì dễ nhớ) với sự trợ giúp của các mô hình (sơ đồ tách – gộp số), tạo điều kiện để HS thực hiện các phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10, dần dần các em thuộc các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 một cách tự nhiên.
- HS thường xuyên được thực hành viết bốn phép tính cộng, trừ từ ba số trong sơ đồ tách – gộp, việc làm này giúp HS nhận biết được tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ một cách tự nhiên.

c) So sánh số

– Từ các quan hệ “bằng nhau”, “nhiều hơn”, “ít hơn” giữa số lượng phần tử của các tập hợp, hình thành các quan hệ “bằng”, “lớn hơn”, “bé hơn” giữa các số.

Ngược lại, có các bài tập dựa vào việc so sánh các số để so sánh số lượng phần tử của các tập hợp. Các bài tập này giúp HS giải quyết các vấn đề đơn giản của cuộc sống (Ví dụ, bài 3, trang 108, SGK).

– HS Tiểu học thường nhầm lẫn khi viết hoặc đọc các dấu so sánh số ($<$, $=$, $>$). Để khắc phục, SGK sử dụng hình ảnh miệng cá sấu đang há (SGK, trang 36) giúp HS dễ dàng khắc phục những sai lầm này (tham khảo SGK bài: Các dấu $=$, $>$, $<$).

– Các kĩ năng so sánh hai số được khái quát hoá trong các bài cụ thể ở SGK bằng các câu ngắn gọn, dễ nhớ (do HS chưa đọc thông viết thạo).

d) Phép tính

– **Ý nghĩa của phép cộng** được giới thiệu qua hai tình huống sử dụng các từ “và”, “thêm” trong hai câu trúc:

Có ... và ... Có tất cả...

Có ... thêm ... Có tất cả...

Bản chất của phép cộng được HS thực hành qua thao tác **gộp** các khối lập phương.

– **Ý nghĩa của phép trừ** được giới thiệu qua hai tình huống: tình huống thứ nhất có chuyển động; tình huống thứ hai không có chuyển động:

Có ... bớt... còn lại...

Có ... trong đó có ... còn lại...

Bản chất của phép trừ được HS thực hành qua thao tác **tách** các khối lập phương.

– **Các kĩ thuật cộng, trừ:** dùng sơ đồ tách – gộp số, bảng cộng – trừ hoặc đếm thêm, đếm bớt được HS vận dụng linh hoạt trong quá trình thực hành, luyện tập.

– **Một số vấn đề khác về phép cộng, phép trừ**

– Tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ cộng – trừ, vai trò số 0 trong phép cộng và phép trừ được ẩn tàng qua các trường hợp cụ thể, không có bài riêng cho các nội dung này. Tuy nhiên, HS nhận biết và bước đầu ghi nhớ những khái quát ngắn gọn, dễ nhớ (SGV).

– Khuyến khích HS sử dụng các tính chất phép tính để tính toán hợp lí.

– Tính nhẩm trong phạm vi 10, cộng trừ nhẩm các số tròn chục nên thường xuyên đề cập để HS có cơ hội vận dụng tính toán trong cuộc sống.

2. Hình học và đo lường

a) Hình học

Ở Tiểu học, HS được học **Hình học trực quan**

– Các nội dung vị trí, hình học trong chương trình lớp 1 nhìn chung đều đã được làm quen ở Mầm non. SGK Toán 1 giúp cho việc tái hiện những kiến thức, kĩ năng của HS; chính xác hoá theo tên gọi ở Tiểu học; hệ thống hoá và bổ sung một số nội dung.

– Các bài tập nhận dạng hình trong thực tế cuộc sống được chú trọng đúng mức.

– Nên tạo nhiều cơ hội để HS tập xếp hình, khuyến khích HS xếp các mẫu hình tự sáng tác.

– Nhiều bài tập giúp HS bước đầu phân loại được nhóm đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau (màu sắc, hình dạng, phương hướng, kích cỡ,...).

b) Đo lường

Đo lường là một nội dung tương đối khó, được giới thiệu từ học kì 2.

Tuy nhiên, ở Mầm non, HS đã được làm quen một số nội dung đáng kể về thời gian, độ dài.

– Thời gian

- Đơn vị giờ: Chủ yếu nhận biết về thời điểm qua thực hành xem giờ đúng, không đặt vấn đề dạy độ lớn đơn vị giờ. Tuy nhiên, nên tạo cơ hội trong thực tế cuộc sống (một cách rất tự nhiên) để HS bước đầu cảm nhận được độ lớn này (Hoạt động ở nhà, trang 93 SGK).
- Xem lịch: Tích hợp môn Tiếng Việt, khuyến khích HS tập đọc lịch (loại lịch bóc hằng ngày) kết hợp nói các hoạt động đi kèm.

– Độ dài

Khi dạy độ lớn của đơn vị xăng-ti-mét, ngoài hình ảnh các băng giấy (SGK, trang 140), GV nên kết hợp gắn với số đo của một số bộ phận cơ thể HS: chiều ngang của bụng ngón trỏ hoặc móng, số đo theo xăng-ti-mét của một số đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân) được ghi nhớ giúp HS có cơ sở để ước lượng, gắn kết các nội dung học với thực tiễn.

3. Giải quyết vấn đề (GQVĐ)

– Quan điểm

- GQVĐ không được coi là một mạch kiến thức riêng (như mạch Giải toán có lời văn ở các chương trình trước).
- GQVĐ là một bộ phận trong cả hai mạch kiến thức (Số và phép tính, Hình học và đo lường) không nên được dạy như một phần tách biệt.

– Nội dung của GQVĐ

- GQVĐ liên quan đến **số, ý nghĩa thực tế của phép tính**. Các vấn đề có thể được trình bày dưới dạng
 - + Hình ảnh (*Vi dụ*: SGK, bài 3 trang 52; thử thách, vui học trang 51;...).
 - + Ngôn ngữ (Bài toán có lời văn).
- GQVĐ thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch.
Vi dụ: SGK, bài 1 trang 129, câu d trang 147,...
- Các bài toán về **quy luật**.
Vi dụ: SGK, bài 2 trang 15, bài 5 trang 87,...

Trong các nội dung trên, giải toán có lời văn là nội dung trọng tâm. Các thuật ngữ “bài toán có lời văn”, “giải toán có lời văn” chưa chính thức giới thiệu ở lớp 1. Tuy nhiên, các ý tưởng về bài toán có lời văn, các thao tác để giải toán có lời văn được chuẩn bị công phu ngay từ đầu năm học.

Tiến trình hình thành các kỹ năng để giải toán có lời văn

Mức độ 1: Quan sát hình ảnh hoặc thao tác với đồ dùng học tập, hoàn thiện sơ đồ tách – gộp số (SGK, trang 29, 30,...)

Mức độ 2: Mức độ 1 kèm theo quan sát tranh, nói một “câu chuyện” đơn giản, tập sử dụng ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường (SGK, bài 4, trang 31; bài 4 trang 50).

Mức độ 3: Mức độ 2 kèm theo viết phép tính (SGK, trang 59, 67, ...).

Mức độ 4: Giải toán có lời văn (SGK, trang 153,...)

V. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Toán

– Phù hợp với tiến trình nhận thức của HS (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó); không chỉ coi trọng tính logic của khoa học mà cần chú ý cách tiếp cận dựa trên vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của HS.

– Quán triệt tinh thần “lấy người học làm trung tâm”, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ ý nhu cầu, năng lực nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân HS; tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, trong đó HS được tham gia tìm tòi, phát hiện, suy luận GQVĐ.

– Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn. Cấu trúc bài học đảm bảo tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa kiến thức cốt lõi, kiến thức vận dụng và các thành phần khác.

– Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học/tổ chức hoạt động

a) Các lí thuyết học tập giúp người học thành công hiện nay

Lí thuyết kiến tạo (Jean Piaget 1896–1980)

Quan điểm: trẻ em không phải là tờ giấy trắng mà là những người sáng tạo trong việc học của chính các em.

Sản phẩm: lược đồ nhận thức (mạng tích hợp)

Nguyên lí cơ bản: con người cấu trúc kiến thức của mình dựa trên kiến thức trước đây của họ.

Lí thuyết văn hoá xã hội (Lev Vygotsky 1896–1934).

Nguyên lí

- Các quá trình tương tác về tinh thần tồn tại giữa những người trong cùng một môi trường học tập. Từ môi trường này, người học chuyển ý tưởng vào lĩnh vực tâm lí của chính mình.
- ZPD (Zone of proximal development)

Phạm vi kiến thức có thể nằm ngoài tầm đối với một người học, nhưng người đó có thể thực hiện được nếu có sự hỗ trợ của bạn học hoặc của người hiểu biết hơn.

Cơ chế: Hiệu ứng điều chỉnh

- Niềm tin, thái độ và mục tiêu cá nhân đồng thời ảnh hưởng và bị ảnh hưởng.
- Công cụ điều chỉnh: ngôn ngữ – sơ đồ – hình ảnh – hành động.

Việc học phụ thuộc vào người học, các tương tác xã hội trong và ngoài lớp học.

Ý nghĩa của các lí thuyết đối với việc học toán

Lí thuyết học tập không là một chiến lược dạy học.

Lí thuyết học tập cung cấp thông tin cần thiết cho việc dạy học. Cả hai lí thuyết trên đều có điểm chung: “Thảo luận trong lớp học dựa trên ý tưởng và giải pháp riêng của từng HS đối với các vấn đề là nền tảng cho việc học của trẻ em”.

Áp dụng các lí thuyết toán học trên, GV sẽ đề ra các **chiến lược dạy học** hữu ích.

- Xây dựng kiến thức mới từ kiến thức cũ.
- Cung cấp cơ hội để HS nói về toán học.
- Xây dựng cơ hội cho tư tưởng phản biện (đánh giá).
- Khuyến khích nhiều phương pháp tiếp cận.
- Coi sai lầm là cơ hội cho việc học.

- Xây dựng dàn giáo (cấu trúc) các kiến thức mới.
- Quý trọng sự khác biệt.

b) Dạy học giải quyết vấn đề (GQVĐ)

Dạy học GQVĐ là chia khoá thành công để thực hiện các chiến lược dạy học.

GQVĐ là một công cụ dạy học hiệu quả vì:

- + GQVĐ là lí do chính để học Toán
- + GQVĐ là một bộ phận trong cả 3 mạch kiến thức (Số và Phép tính – Hình học và Đo lường, Một số yếu tố Thống kê và Xác suất) không nên được dạy như một phần tách biệt.

* Ba cách thức để tích hợp kĩ năng GQVĐ trong dạy và học Toán:

– Dạy Phương pháp GQVĐ (Quy trình giải bài)

(Quy trình 4 bước để GQVĐ của George Polya (1887 – 1985))

Bước 1: **Tìm hiểu vấn đề:**

Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi

Bước 2: **Lập kế hoạch**

Nêu được cách thức GQVĐ

Bước 3: **Tiến hành kế hoạch**

Thực hiện và trình bày được cách thức GQVĐ ở mức độ đơn giản

Bước 4: **Kiểm tra lại**

Xác tín xem câu trả lời ở bước 3 có thực sự GQVĐ như được hiểu ở bước 1.

Ưu điểm của khuôn mẫu Polya: Tổng quát, có thể áp dụng cho nhiều loại vấn đề khác nhau, từ bài tập tính toán đơn giản đến các bài Toán có lời văn phức tạp, không chỉ dừng lại ở việc làm bài tập mà còn dùng để hình thành kiến thức, kĩ năng mới.

– **Dạy các kiến thức, kĩ năng để GQVĐ** (Đa số SGK truyền thống được viết theo cách này):

Dạy các kiến thức, kĩ năng cần thiết, áp dụng vào GQVĐ (GQVĐ là mục đích của việc học các kiến thức, kĩ năng).

– **Dạy học thông qua GQVĐ** (GQVĐ là lí do để học kiến thức, kĩ năng – chủ đề chung của bộ SGK Toán) (có thể tham khảo ở hướng dẫn soạn bài trong phần thứ hai).

* **VẤN ĐỀ LÀ GÌ?**

Vấn đề là bất cứ Bài tập hay Hoạt động nào mà HS không được dạy trước các phương pháp hay công thức giải.

* Việc thay đổi vai trò của vấn đề:

– **Dạy học truyền thống:** Phổ biến dùng cách 2

(Dạy các kiến thức kĩ năng để GQVĐ)

- Cách thức này dựa trên giả thuyết: Mọi HS đều có kiến thức Toán cơ bản để hiểu các giải thích của GV.

- GV thường chỉ trình bày một phương pháp:

Chưa chắc dễ tiếp cận nhất đối với HS

HS nghĩ rằng chỉ có một phương pháp giải

- Đặt HS vào thế bị động
- HS không thấy mối liên hệ của bài tập với các kiến thức kĩ năng cũ, do đó không tự mình giải quyết được các vấn đề mới
- HS quen với các quy tắc giải, được hướng dẫn kĩ từng bước nên không cố gắng tự GQVĐ mới

– Giá trị của dạy học thông qua GQVĐ

Thay đổi quan điểm và triết lí: Trước đây, GV làm trung tâm thì nay HS làm trung tâm.

+ Tập trung sự chú ý của học sinh vào các “kết nối”, đào sâu được sự hiểu biết của học sinh.

+ Phát triển niềm tin của HS vào khả năng làm Toán của bản thân.

+ Giúp HS tiếp cận Toán học tốt hơn qua việc cung cấp một bối cảnh có nền tảng là những kinh nghiệm quen thuộc đối với HS.

+ Tạo được sự đa dạng cùng lợi ích của nó:

Mỗi HS có thể hiểu vấn đề theo cách tiếp cận riêng của mình, có thể mở rộng và phát triển sự hiểu biết khi nghe và rút kinh nghiệm từ những HS khác

+ GV đánh giá thường xuyên: GV định hướng việc dạy học, giúp HS thành công, cập nhật thông tin cho phụ huynh

+ Cho phép mở rộng, nâng cao đáp ứng nhu cầu các trình độ HS khác nhau

+ Kỷ luật lớp tốt hơn, đa số HS muốn được thử thách và được GQVĐ theo cách của các em

+ Phát triển năng lực Toán học: Khi GQVĐ, HS phải dùng cả 5 năng lực

+ Tạo hứng khởi cho cả HS và GV.

VI. GỢI Ý HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Các bài học trong bộ sách giáo khoa môn Toán có thể quy về các dạng sau:

Bài mới (bao gồm cả thực hành và luyện tập).

Ôn tập và hệ thống hoá kiến thức (bao gồm các bài: Em làm được những gì? Thực hành và trải nghiệm. Ôn tập).

Mỗi dạng bài có cách tổ chức hoạt động dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từng dạng bài cụ thể.

1. Hướng dẫn dạy học dạng BÀI MỚI

a) Giúp học sinh tái hiện các kiến thức đã học (các ý tưởng hiện có) sẽ được sử dụng để học bài mới (xây dựng ý tưởng mới).

Bất kì ý tưởng hiện có nào được sử dụng trong việc xây dựng sẽ nhất thiết phải được kết nối với ý tưởng mới vì đó là những ý tưởng giúp ý tưởng mới có nghĩa.

Ví dụ: Bài PHÉP CỘNG (SGK Toán 1, trang 54, 55).

– Các kiến thức cần tái hiện:

- Gộp số, thao tác gộp trên đồ dùng học tập.
- Các cấu trúc câu dùng trong các tình huống cụ thể.

Có...

Có...

Và...

Thêm...

Có tất cả...

Có tất cả...

– Hình thức thể hiện: trò chơi nhỏ, câu đố, câu hỏi,...

– Thời điểm: có thể đầu giờ học (khởi động) hay tại thời điểm thích hợp trong tiết học.

b) Giúp học sinh tìm tòi, phát hiện, suy luận để giải quyết vấn đề của bài học

Ví dụ: vẫn ở bài Phép cộng

– HS quan sát tranh.

– Dùng đồ dùng học tập mô hình hoá tình huống, thao tác gộp trên đồ dùng học tập thể hiện bản chất của phép tính.

– Nói các tình huống sử dụng các từ “và”, “thêm” thể hiện ý nghĩa phép tính theo các cấu trúc câu đã được tái hiện.

– Làm quen phép cộng, dấu cộng qua mô hình phép tính: $3 + 2 = 5$, $5 + 1 = 6$.

c) Giúp học sinh làm chủ kiến thức qua thực hành, luyện tập

Giúp HS nhận ra kiến thức mới học trong các dạng bài tập khác nhau.

– *Thực hành* đề cập đến các nhiệm vụ dựa trên các vấn đề khác nhau, có thể xuất hiện ở các thời điểm khác nhau trong tiết học. Thực hành cung cấp cho HS nhiều cơ hội phong phú để tạo ra những ý tưởng mới thông qua các nhiệm vụ dựa trên vấn đề.

– *Luyện tập* đề cập tới các bài tập lặp đi lặp lại, được thiết kế để cải thiện kĩ năng đã học, ôn lại các kiến thức để tránh bị lãng quên.

Tuy nhiên, một số bài được đánh dấu luyện tập nhưng mang dáng dấp của thực hành.

– Với mỗi bài tập, GV nên dành thời gian thích đáng để đảm bảo HS hiểu những yêu cầu của bài. Nếu HS không nhận ra kiến thức đã học trong các dạng bài tập khác nhau thì GV nên giúp HS dựa vào hình ảnh trong bài hoặc giải thích các từ vướng mắc, hướng dẫn để HS nhớ lại, không nên vội làm thay HS.

– Giúp HS tự thực hành, luyện tập theo khả năng của HS.

- HS làm các bài tập theo thứ tự trong SGK.
 - Không nên bắt HS chờ đợi nhau trong quá trình làm bài. HS nào đã làm xong 1 bài thì tự kiểm tra hoặc GV kiểm tra rồi tiếp tục làm bài tiếp theo.
 - Các bài tập trong các mục vui học, khám phá, thử thách thường mang tính mở rộng, nâng cao. Với các bài này, khuyến khích HS tìm tòi khám phá, không yêu cầu đại trà.
- Tạo ra sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các đối tượng HS.
- Với một số bài, GV nên chủ động giao việc cho các nhóm để HS có cơ hội làm quen với GQVĐ.
 - GV nên hướng dẫn tỉ mỉ các bước tiến hành (tham khảo SGK)
- Khuyến khích HS tự kiểm tra kết quả sau mỗi bài.
- Kiểm tra xem có thực hiện đúng theo yêu cầu của bài.
 - Kiểm tra các số liệu có đúng như đề bài.
 - Kiểm tra cách làm.
 - Kiểm tra kết quả.
- Tập cho HS thói quen không thoả mãn với bài làm của mình, với cách giải đã có.
- Sau mỗi tiết học, GV nên khen ngợi, động viên, tạo cho HS niềm vui vì đã hoàn thành công việc được giao, niềm tin vào sự tiến bộ của bản thân.
 - Khuyến khích HS tham khảo các cách giải khác, nhìn nhận được những cái hay trong mỗi cách giải.

Các “bài tập mở” trong Toán 1 là phương tiện để GV động viên HS tìm nhiều phương án giải quyết một vấn đề và biết tự lựa chọn phương án hợp lí. GV không nên áp đặt HS phải theo phương án chủ quan của GV.

2. Hướng dẫn dạy học dạng bài ÔN TẬP VÀ HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC

Trong SGK Toán 1, các bài ôn tập và hệ thống hoá kiến thức bao gồm:

Em làm được những gì? (mang tính chất của bài luyện tập chung).

Ôn tập.

Thực hành và trải nghiệm (ôn tập và thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn).

Tuy nhiên, do đặc thù tâm lí lứa tuổi, thực chất việc ôn tập đối với HS Tiểu học diễn ra thường xuyên, ngay ở các bài tập thực hành, luyện tập thuộc hệ thống các bài hình thành kiến thức mới.

Các bài EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ và ÔN TẬP

Khi dạy những loại bài này, cần lưu ý chuyển tải đầy đủ các nội dung:

Ôn tập: Tái hiện lại các kiến thức, kĩ năng đã học.

Hệ thống hoá: Quan hệ giữa các kiến thức, kĩ năng.

Nếu có điều kiện, mở rộng, bổ sung các kiến thức, kĩ năng cần thiết.

Ví dụ:

Em làm được những gì? (SGK Toán 1, trang 144)

Bài 1.a.

- HS tự đọc đề bài và thực hiện.
- Khi sửa bài, GV hệ thống hóa các cách đếm phổ biến trong cuộc sống.
Đếm thêm 1, 2, 5, 10.
Phát hiện cách đếm nhanh nhất.
Rút kinh nghiệm, nhắc nhở HS sử dụng kiến thức toán học vào thực tiễn cuộc sống.

Ôn tập cuối năm. (SGK Toán 1, trang 148)

Bài 1.a.

Mẫu.

Hình ảnh những cái bánh

- Phân loại.
- Sơ đồ tách – gộp số.
- Các phép cộng và phép trừ liên quan.

Các bài THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Bộ sách này rất coi trọng tính ứng dụng của môn Toán, gắn kết Toán học với thực tiễn cuộc sống. Điều này được thể hiện trong từng trang sách, đặc biệt ở các bài **Thực hành và trải nghiệm**

- Các bài loại này thường được xây dựng trên một tình huống giả định, mô phỏng tình huống thực của cuộc sống.
- Khi tiến hành, GV có thể linh hoạt tổ chức học tập dưới dạng trò chơi, phân vai phân việc để HS trải nghiệm.
- Luôn khuyến khích HS tự tìm tòi, phát hiện các ứng dụng của Toán học trong thực tiễn cuộc sống.

Ví dụ: Bài “Em và các bạn” (SGK Toán 1, trang 130).

Trong cuộc sống, với nhóm 10 bạn, cần đếm số bạn, số bàn tay, số ngón tay,... khi nào nên đếm thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10?

HS phát hiện thêm các trường hợp đếm nhanh trong cuộc sống: đếm số trứng gà để trong các vỉ 10 quả, đếm số chén (bát) ăn cơm để từng chồng 5 cái,...

Những nội dung mang tính trải nghiệm thường được HS đón nhận, giúp cho việc học toán thực sự có ý nghĩa.

VII. THIẾT BỊ DẠY HỌC

Ngoài các thiết bị tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, để thực hiện các ý đồ của sách Toán 1, giáo viên và học sinh nên dùng:

- Các khối lập phương gắn được với nhau để học số, phép tính, hình học và đo lường.

Giáo viên: 20 khối lập phương cạnh 4 cm có từ tính để gắn trên bảng lớp.

10 thanh chục 4 cm $\times$ 40 cm gắn được trên bảng lớp.

Học sinh: 20 khối lập phương cạnh 1,5 cm.

- Bộ xếp hình 8 miếng, giúp HS lắp ghép, xếp hình, đặc biệt phát triển trí tưởng tượng phong phú.

- Bảng con của HS, một mặt in sẵn sơ đồ tách – gộp số để thuận lợi trong quá trình sử dụng.

Vì các tình huống trong cuộc sống đa dạng và phong phú, tùy theo điều kiện học tập của HS, giáo viên có thể chọn các thiết bị dạy học phù hợp với hoàn cảnh của địa phương mình, của lớp mình.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Mục tiêu kiểm tra đánh giá môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp học, cấp học; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá định kì); nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn,...) và vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá năng lực HS thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của HS.

Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

Chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

- Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập, ... và đòi hỏi HS phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

- Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học.

Từ đó, đòi hỏi HS phải xác định được mô hình toán học (gồm phép tính, sơ đồ, bảng biểu, ...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

– Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

– Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

– Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lý) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi GV lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học HS đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN HIỆU QUẢ

- SGK là tài liệu tham khảo mang tính chất định hướng và gợi ý cho GV trong quá trình dạy học, GV không nhất thiết phải theo các gợi ý này.
- Mỗi tiết Toán thường phát triển đầy đủ các năng lực đặc thù, tuy nhiên mức độ đối với từng năng lực có khác nhau. Tùy bài học, ta nên chú trọng những năng lực có điều kiện phát huy ở bài học đó.
- GV nên lưu ý các động từ thể hiện mức độ được sử dụng trong phần mục tiêu bài học và trong các hoạt động được đề nghị đối với HS.
- Nhiều gợi ý trong các hoạt động chỉ mang tính chỉ báo về mặt nội dung cần đạt được, GV nên chủ động lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức học tập nhằm đạt hiệu quả.
- Số tiết đối với mỗi bài chỉ là dự kiến, tùy tình hình cụ thể của lớp học, GV có thể điều chỉnh cho phù hợp.
- Dựa vào SGK, người dạy nên sáng tạo, lựa chọn các giải pháp phù hợp với HS, điều kiện vật chất cũng như văn hoá vùng miền để hoạt động dạy học thực sự mang lại kết quả tốt đẹp.



Phần hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG TOÁN 1

LỚP 1 CỦA EM (1 tiết – SGK trang 6)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Làm quen:

- Đồ dùng học tập môn toán: tên gọi, chức năng, cách sử dụng.
- Các quy ước lớp học.
- Các hình thức tổ chức lớp học.

2. Năng lực chú trọng: giao tiếp toán học.

B. Thiết bị dạy học

HS và GV: sách Toán 1, bảng con, Bộ thiết bị dạy học toán.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Múa hát tập thể tạo không khí lớp học vui tươi.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Làm quen với hình thức tổ chức lớp học

GV có thể hướng dẫn HS chơi “Kết bạn” để giới thiệu các hình thức tổ chức hoạt động học tập (nhóm đôi, nhóm ba, ...).

Ví dụ:

GV: Kết nhóm, kết nhóm

HS: Kết mấy? Kết mấy?

GV: Nhóm đôi, nhóm đôi

HS tìm bạn để tạo nhóm.

Tương tự cho nhóm ba, nhóm bốn,

2. Làm quen với đồ dùng học tập

– HS **xem** sách Toán 1, GV hướng dẫn để HS **nhận biết** cấu trúc thường gặp của các bài trong sách, các kí hiệu và các việc HS thường làm khi sử dụng sách.

– Bảng con: HS **nhận biết** công dụng mỗi mặt của bảng con.

– Bộ đồ dùng học tập toán: HS **nhận biết** tên gọi, công dụng, cách **xếp** vào hộp sau khi sử dụng.

GV có thể hướng dẫn HS chơi “Gió thổi”, để giới thiệu bộ đồ dùng học tập toán gồm: **khối lập phương** – cách lắp ghép các khối lập phương với nhau, **bộ xếp hình** – chơi lắp ghép hình.

Ví dụ:

GV: Gió thổi, gió thổi

HS: Thổi gì? Thổi gì?

GV: Thổi các khối lập phương để trên bàn

HS để các khối lập phương trên bàn

GV: Thổi 2 khối lập phương “sát” vào nhau!

HS ghép 2 khối lập phương ...

Quy ước lớp học:

Giáo viên cùng với học sinh xây dựng một số quy ước lớp học: lấy và cất sách, đồ dùng học tập, cách sử dụng bảng con, ...

Ví dụ:

GV ghi chữ B lên bảng – HS lấy bảng con.

GV lắc trống (hoặc vỗ tay, gõ song loan,...) 1 cái – HS giơ bảng con lên.

...

CỦNG CỐ

GV giới thiệu những lợi ích cơ bản của việc học toán.

HS ghi nhớ những việc cần làm khi **soạn cặp** cho tiết học toán.

1. LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH

VỊ TRÍ

(2 tiết – SGK trang 10)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Nhận biết và sử dụng đúng các thuật ngữ về vị trí, định hướng trong không gian: phải – trái (đối với bản thân), trên – dưới, trước – sau, ở giữa.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm và nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

HS: bảng con, hộp bút (hoặc một dụng cụ học tập tùy ý).

GV: bảng con, 1 hình tam giác (hoặc một dụng cụ tùy ý), 2 bảng chỉ đường (rẽ trái, rẽ phải).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

HS vận động theo hiệu lệnh của GV (Khi thao tác mẫu, GV đứng cùng chiều với HS hoặc chọn 1 em HS nhanh nhạy, đưa tay đúng theo hiệu lệnh): đưa tay sang trái, đưa tay sang phải.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Nhận biết và nói đúng vị trí của người hoặc vật

– Tìm hiểu bài: HS quan sát tranh, GV giúp các em **nhận biết** và chọn đúng từ cần dùng (phải – trái đối với bản thân, trên – dưới, trước – sau, ở giữa) để **mô tả** vị trí giữa các đối tượng.

– Tìm cách làm bài: HS làm việc theo nhóm đôi, **nêu** vị trí một số đối tượng hoặc vị trí của 2 bạn nhỏ trong tranh (dựa vào trái, phải của bản thân).

– Khuyến khích nhiều HS **trình bày**.

Ví dụ:

- Máy bay ở trên, tàu thủy ở dưới.
- Bạn trai đứng bên phải, bạn gái đứng bên trái.
- Xe màu hồng chạy trước, xe màu vàng chạy sau, xe màu xanh chạy ở giữa.
- Kiểm tra: HS **nhận xét**, đánh giá phần trình bày của các bạn.

Lưu ý, HS có thể nói vị trí máy bay và đám mây, ...

* GV chốt (có thể kết hợp với thao tác tay): trái – phải, trên – dưới, trước – sau, ở giữa (Chú trọng phát triển năng lực giao tiếp cho HS).

2. Thực hành – trải nghiệm để khắc sâu kiến thức

– **Đổ em:** (có thể chuyển thành trò chơi “Cô (tôi) bảo”)

- GV dùng bảng con và 1 hình tam giác đặt lên bảng lớp, HS **quan sát** rồi **nói** vị trí của bảng con và hình tam giác (GV có thể dùng viên phấn với cây bút,...).

Ví dụ: GV: Cô bảo, cô bảo

HS: Bảo gì? Bảo gì?

GV: Cô bảo hãy nói vị trí của hình tam giác và bảng con.

HS: Bảng con ở bên trái, hình tam giác ở bên phải.

...

- HS dùng bảng con và hộp bút (hoặc bút chì với bảng con,...) để đặt theo hiệu lệnh của GV.

Ví dụ: GV: Cô bảo, cô bảo

HS: Bảo gì? Bảo gì?

GV: Cô bảo để bảng con ở phía dưới, hộp bút ở phía trên.

HS đặt theo yêu cầu của GV.

.....

- HS hoạt động theo nhóm đôi (HS tiếp tục **đặt** đồ dùng để **đổ** bạn **nói** vị trí, hoặc ngược lại).

– **Vào vườn thú** (tích hợp an toàn giao thông)

- GV đưa biển báo hiệu lệnh và giới thiệu tên gọi (rẽ trái, rẽ phải) – HS lặp lại.
- GV thao tác mẫu (vừa chỉ tay, vừa nói) và hướng dẫn HS thực hiện.

Ví dụ: Rẽ phải đến chông voi trước,...

- HS tiếp tục chơi theo nhóm đôi.
- GV kiểm tra.

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

HS tập phân biệt rõ ràng bên trái, bên phải trên cơ thể mình (Ví dụ, tập nói: chân trái, chân phải, mắt trái, mắt phải, ... của mình).

LUYỆN TẬP

HS làm việc theo nhóm đôi. HS chỉ vào tranh vẽ rồi tập nói theo yêu cầu của từng bài tập. (Chú trọng phát triển năng lực giao tiếp toán học cho HS).

Bài 1:

– GV giúp HS **xác định** bên trái – bên phải (bằng cách yêu cầu HS giơ tay theo lệnh của GV).

– GV giúp HS **nhận biết** cần dùng từ ngữ nào để mô tả vị trí.

a) HS **tập nói** theo nhóm đôi.

– HS **trình bày**.

Ví dụ: Bên phải của chú hề màu đỏ, bên trái màu xanh.

Tay phải chú hề cầm bóng bay, tay trái chú hề đang tung hứng bóng.

Quả bóng ở trên màu xanh, quả bóng ở dưới màu hồng.

...

– HS **nhận xét**.

b) HS có thể trình bày

– Con điều ở giữa: màu xanh lá.

HS có thể trình bày thêm:

– Con điều ở bên trái: màu vàng.

– Con điều ở bên phải: màu hồng.

Bài 2: HS có thể trình bày

a) Con chim màu xanh ở bên trái – con chim màu hồng ở bên phải.

b) Con khỉ ở trên – con sói ở dưới.

c) Con chó phía trước (đứng đầu) – con mèo ở giữa (đứng giữa) – con heo phía sau (đứng cuối).

d) Gấu nâu phía trước – gấu vàng phía sau.

CỦNG CỐ

GV có thể dùng trò chơi **Xếp hàng 3**.

HS tạo nhóm ba, một vài nhóm lên thực hiện trước lớp theo yêu cầu của GV:

– **Xếp** hàng dọc rồi tự **giới thiệu** (ví dụ: A đứng trước, B đứng giữa, C đứng sau).

– Mở rộng:

Xếp hàng ngang quay mặt xuống lớp, bạn đứng giữa **giới thiệu** (ví dụ: bên phải em là A, bên trái em là C).

Nếu đúng, cả lớp vỗ tay.

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

Mỗi HS sưu tầm 1 đồ vật có dạng khối chữ nhật (khối hộp chữ nhật) và 1 đồ vật dạng khối vuông (khối lập phương). Ví dụ: vỏ hộp bánh, hộp thuốc, hộp sữa, ...

Lưu ý: ở mẫu giáo các em gọi tên khối hộp chữ nhật là khối chữ nhật và khối lập phương là khối vuông.

KHỐI HỘP CHỮ NHẬT – KHỐI LẬP PHƯƠNG

(1 tiết – SGK trang 14)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Nhận dạng, gọi tên khối hộp chữ nhật, khối lập phương thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật có trong cuộc sống.

Sử dụng bộ đồ dùng học tập môn Toán để nhận dạng hình khối hộp chữ nhật – khối lập phương thông qua việc ghép đôi mô hình với vật thật.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

B. Thiết bị dạy học

– HS: 5 khối lập phương, 5 khối hộp chữ nhật, 2 hộp (sữa, bánh, kẹo,...) có dạng khối hộp chữ nhật và khối lập phương.

– GV: mô hình mẫu có dạng khối hộp chữ nhật (3 hình) và khối lập phương (3 hình) (có màu sắc, chất liệu và độ lớn khác nhau).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

HS ghép 1 khối vuông (khối lập phương) và 1 khối chữ nhật (khối hộp chữ nhật) với nhau, để ôn tập về vị trí: trái – phải, trên – dưới.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Nhận dạng khối hộp chữ nhật – khối lập phương

– GV có thể tham khảo: HS hoạt động nhóm 4, dùng các vỏ hộp đã sưu tầm.

- HS **xếp nhóm** đồ vật theo dạng khối chữ nhật và khối vuông.
- GV dùng các mô hình khối hộp chữ nhật đặt ở các **vị trí khác nhau** rồi giới thiệu: Đây là các khối hộp chữ nhật. HS gọi tên.

Làm tương tự với khối lập phương.

- HS gọi tên các đồ vật. Ví dụ: hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật, xúc xắc có dạng khối lập phương,....

– HS dùng SGK trang 14, chỉ vào các hình vẽ khối hộp chữ nhật, khối lập phương ở phần bài học và gọi tên.

2. Thực hành

– **Nhận dạng đồ vật:**

Hoạt động nhóm đôi.

GV hướng dẫn HS **dùng** 5 khối lập phương và 5 khối hộp chữ nhật (như SGK trang 15) rồi chơi.

Mẫu: GV đặt câu hỏi – HS trả lời và đặt hình khối tương ứng vào đồ dùng trong tranh.

Ví dụ:

GV hỏi: “Cái giường có dạng gì?”

HS trả lời: “Cái giường có dạng khối hộp chữ nhật.”

(GV yêu cầu HS đặt khối hộp chữ nhật vào hình cái giường và **nói**: “Cái giường khối hộp chữ nhật.”)

HS luân phiên chơi lần lượt với những đồ vật khác ở trong tranh (mỗi đồ vật đều được đặt một khối lập phương hoặc một khối hộp chữ nhật, mỗi loại có 5 hình).

CÙNG CỐ

GV hướng dẫn HS sử dụng các khối đã dùng ở bài 1 để **xếp** dãy hình theo bài 2 SGK trang 15 rồi **nói** thứ tự các hình được sắp xếp (quy luật). Ví dụ: khối hộp chữ nhật – khối lập phương – khối hộp chữ nhật – (GV có thể giới thiệu: Các khối hộp chữ nhật và khối lập phương được sắp xếp **xen kẽ** nhau).

HÌNH TRÒN – HÌNH TAM GIÁC HÌNH VUÔNG – HÌNH CHỮ NHẬT (2 tiết – SGK trang 16)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Nhận dạng và gọi đúng tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật.

Làm quen với việc phân loại, sắp xếp các hình theo các cách khác nhau, sử dụng đúng các thuật ngữ: hình dạng, màu sắc.

Làm quen với việc xếp hình.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Toán học và cuộc sống.

B. Thiết bị dạy học

– HS: bộ xếp hình.

– GV: các hình mẫu (như SGK trang 16), 3 hộp sữa – hộp bánh (kẹo) hình khối trụ, khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

- GV làm mẫu:  GV vòng tay lên đầu và nói: “tròn”.
-  GV để 2 tay lên mặt bàn (như hình vẽ) và nói: “tam giác”.
- GV có thể tổ chức cho HS chơi theo dạng trò chơi “Cô bảo”.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật

- **Chính xác hoá biểu tượng và tên gọi.**
GV dùng các mô hình.
- **Nhận dạng và gọi tên qua hình vẽ.**
HS dùng SGK trang 16.
- **Tìm các vật trong thực tế có hình dạng là hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.**

Ví dụ: • Huy hiệu, đĩa,...

- Cờ thi đua, biển báo giao thông,...
- Đồng hồ, bức tranh, ...
- Bảng lớp, cửa ra vào,...

- **Nhận dạng hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật ở các hình khối**

Ví dụ: • Trái cam cắt đôi, khúc mía chặt ngang, vành nón lá,...

- Mái nhà, kim tự tháp,...
- Khối rubik (đã xoay màu hoàn chỉnh), xúc xắc,...
- Vỏ hộp sữa, quyển sách dày,...

2. Phân loại hình

- **Sử dụng bộ xếp hình, phân loại theo hình dạng.**
- **Giới thiệu hai hình thức phân loại: màu sắc, hình dạng.**
(lưu ý, ở bài này chỉ yêu cầu HS nhìn hình vẽ, nói được cách phân loại).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS có thể **gọi tên** các đồ vật có hình tròn trong hình. Ví dụ: hình vẽ ông mặt trời hình tròn,...
- Sau khi **xác định** đủ các vật có hình tròn, GV nên cho HS **xác định** hình dạng của các vật còn lại.

Bài 2:

Tiến hành tương tự bài 1.

Bài 3:

- Tìm hiểu bài: GV có thể làm theo trình tự sau:
 - Yêu cầu của bài: Tìm hình theo hình mẫu.
 - Tại sao lại chọn hình tròn màu vàng? (Vì hình mẫu màu đỏ là hình tròn.)
 - Ở hàng đầu còn hình tròn nào nữa không? (Chọn thêm hình tròn màu hồng.)
- HS dựa vào hình mẫu ở mỗi hàng để tìm đủ hình.
- Lưu ý HS, để biết một hình là vuông hay chữ nhật: ta xoay hình đó (nếu là vuông, xoay thế nào cũng vẫn vuông!).

CỦNG CỐ

GV hướng dẫn HS quan sát chiếc xe tải (như SGK trang 19):

- GV hướng dẫn HS quan sát, **nhận biết** các bộ phận cần xếp của xe: thùng xe, đầu xe, bánh xe.
- HS **nhận biết** hình dạng các bộ phận của xe, **suy nghĩ** và tự quyết định cách chọn các hình có trong bộ thiết bị học toán để xếp xe. (Có thể cho HS về nhà làm).

XẾP HÌNH

(1 tiết – SGK trang 20)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- HS gọi đúng tên và màu sắc các hình trong bộ thực hành toán.
- Dùng các hình trong bộ xếp hình (8 hình: 1 hình vuông và 7 hình tam giác) để lắp ghép, xếp thành các hình mới.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

HS & GV: Bộ xếp hình toán.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV yêu cầu HS lấy bộ xếp hình rồi sắp xếp các hình theo hình dạng (cá nhân, cho thi đua giữa các tổ).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu bộ xếp hình

GV giúp HS **nhận biết**:

– Số lượng hình trong bộ xếp hình: 8 hình (1 hình vuông và 7 hình tam giác).

GV có thể cho HS gọi tên hình.

Ví dụ: tam giác đỏ, tam giác cam, vuông lam (xanh dương),...

2. Thực hành lắp ghép

GV lưu ý HS, bài 1 chỉ được dùng hình vuông và 2 tam giác nhỏ.

Bài 1: a) (nhóm bốn)

– HS **thảo luận**, phân việc: mỗi bạn xếp 1 hình

– Khi đã xếp xong, khuyến khích các em **mô tả** hai hình đầu.

Ví dụ: Hình chữ nhật được ghép bởi 2 hình vuông, trong đó 1 hình vuông được ghép bởi 2 tam giác.

Hình tam giác lớn được ghép từ 1 hình vuông và 2 tam giác nhỏ.

b) (nhóm sáu)

– Phân việc: mỗi bạn xếp 1 hình.

– GV giúp HS **nhận biết**, các hình phải xếp giống như hình chữ nhật và hình tam giác ở bài 1.

– GV nhắc các bạn cùng nhóm **giúp đỡ** nhau.

Sau khi ghép hình, HS **phân loại** hình theo hình dạng: nhóm hình chữ nhật – nhóm hình tam giác.

GV lưu ý HS, các hình chữ nhật giống nhau, các hình tam giác cũng vậy. Chúng chỉ khác nhau về vị trí.

Bài 2: (nhóm đôi)

– 1 HS xếp nhà, 1 HS xếp thiên nga.

– Khi đã xếp xong, khuyến khích các em **tưởng tượng** và **mô tả**.

Ví dụ: Đầu, đuôi thiên nga đều là hình tam giác,...

* Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội.

Thiên nga là một loài chim đẹp có “bà con” với ngỗng nhưng đẹp hơn ngỗng. (GV có thể cho HS xem hình thiên nga).

Khuyến khích HS về nhà xếp nhiều hình theo mẫu, có thể sáng tạo xếp theo ý mình.

* Lưu ý: GV có thể cho HS làm việc theo phương pháp “các mảnh ghép”.

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Vui Trung thu

(1 tiết – SGK trang 22)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hành các hoạt động liên quan đến định hướng không gian.
- Thực hành nhận dạng và gọi tên các hình khối, hình phẳng đã học.

2. Năng lực chú trọng: mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

B. Thiết bị dạy học

- HS: Lồng đèn (nếu có).
- GV: Lồng đèn hình khối (như SGK trang 22), đầu lân, chuẩn bị các thẻ có vẽ các hình giao cho các nhóm (trong mục 2) để ôn hình khối và hình phẳng.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHOẢNG ĐỘNG

GV đưa từng lồng đèn yêu cầu HS mô tả hình dạng của lồng đèn, GV có thể giới thiệu thuật ngữ “mặt” của lồng đèn.

Ví dụ: GV đưa lồng đèn màu xanh lá cây – HS mô tả: lồng đèn màu xanh lá cây hình khối lập phương có các mặt là hình vuông.

GV đưa lồng đèn xếp màu đỏ – HS mô tả: lồng đèn có 2 mặt là hình tròn.

GV thực hiện tương tự với lồng đèn màu hồng và ngôi sao.

THỰC HÀNH: VUI TRUNG THU

Tổ chức trò chơi: mỗi lần một tổ chơi, mỗi tổ chọn 3 bạn.

1. Ôn tập vị trí: trước – sau, ở giữa

GV có thể cho HS chơi “Cô bảo”.

GV hướng dẫn luật chơi: GV nêu yêu cầu tổ nào, HS tổ đó thực hiện.

Ví dụ: GV: Cô bảo, cô bảo

HS: Bảo gì? Bảo gì?

GV: Cô bảo bạn A đứng trước, bạn C đứng sau, bạn B đứng giữa.

Tiếp theo GV có thể yêu cầu các bạn trong tổ làm theo hiệu lệnh: “Bên trái, quay”, “Bên phải, quay”.

Lần lượt các tổ còn lại thực hiện.

Tổ làm nhanh và đúng được cả lớp nhận xét, hoan nghênh.

Sau đó, GV tiếp tục nêu yêu cầu cho HS thực hiện nhiều lần rồi sơ kết tính điểm thi đua cho tổ.

2. Ôn các hình khối và hình phẳng đã học

GV có thể dùng trò chơi “Ai tinh mắt thế?”. Có thể cho cả lớp chơi thi đua theo tổ. Tổ nào thực hiện nhanh (mất ít thời gian – GV theo dõi và đánh giá) và đúng thì thắng cuộc.

– GV hướng dẫn luật chơi: GV cho mỗi tổ cử 1 HS bốc thăm thẻ yêu cầu rồi cả tổ thảo luận để chọn đèn và chọn ra 3 bạn thực hiện yêu cầu của thẻ.

Tổ nào thảo luận xong trước được thực hiện trước.

Ví dụ: Tổ 2 nhận được thẻ vẽ hình: ▲ – ● – ■ (nghĩa là 1 bạn cầm đèn có hình tam giác, 1 bạn cầm đèn có hình tròn, 1 bạn cầm đèn có hình vuông). Sau khi thảo luận, các em chọn ra 3 bạn để thực hiện yêu cầu.

Sau khi **chọn đèn** xong, 3 bạn **xếp hàng** trước lớp. Tổ trưởng nói yêu cầu tổ nhận được. Cả lớp nhận xét – hoan nghênh.

(GV có thể vẽ yêu cầu với hình khối xen kẽ hình phẳng đã học).

Lần lượt các tổ còn lại thực hiện.

3. Vui chơi: “Rước đèn”

GV hướng dẫn cách **di chuyển** rước đèn.

Lớp trưởng đội đầu lân đi trước. HS các tổ cầm đèn (nếu có mang theo) và di chuyển theo lớp trưởng.

Ví dụ:

GV hướng dẫn HS đi theo thứ tự: đầu lân – tổ 1 – tổ 2 –

Có thể di chuyển xung quanh lớp học hoặc ra hành lang hay ngoài sân trường,...

GV cho HS rước đèn, vừa đi vừa hát bài “Rước đèn tháng tám”. Em nào không cầm đèn thì vừa đi vừa hát và vỗ tay theo bài hát.

2. CÁC SỐ ĐẾN 10

CÁC SỐ 1, 2, 3

(1 tiết – SGK trang 24)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết các số trong phạm vi 3.
- Làm quen với việc sử dụng ngón tay để đếm và lập số.
- Nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 3.
- Làm quen với tách số và nói được cấu tạo của số trong phạm vi 3.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: 3 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

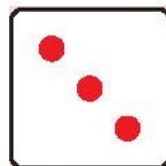
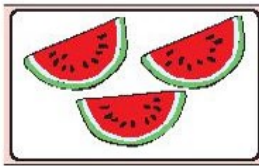
- Hát: “Thi nhau đi bộ” (hát đến “3 cây số mỗi chân rồi” thì dừng lại).
- GV cho cả lớp đếm từ 1 đến 3 (HS biết đếm trước khi học số).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Đếm – Lập số – Đọc số – Viết số trong phạm vi 3

- HS (nhóm đôi) đếm, lập số từ 1 đến 3 theo mẫu:

Ví dụ:



- Một, hai, ba
Có ba miếng dưa
- Có ba miếng dưa, có ba chấm tròn, ta có số ba. HS viết số 3 vào bảng con

...

GV khuyến khích nhiều nhóm **nói** trước lớp.

- GV giới thiệu chữ số, HS đọc số

- Để viết các số: một, hai, ba
ta dùng các chữ số 1, 2, 3

- GV đọc số, HS viết số trên bảng con
- HS đọc xuôi, đọc ngược dãy số vừa viết.

2. Thực hành Đếm – Lập số – Đọc số – Viết số

– GV hướng dẫn HS sử dụng ngón tay để đếm, lập số

- GV **vỗ tay** lần lượt từ 1 tới 3 cái.
HS **bật ngón tay** lần lượt từ 1 tới 3 ngón (như SGK)
vừa đưa ngón tay vừa đếm: một, hai,...
- GV **vỗ tay** lần lượt từ 3 tới 1 cái.
HS đưa ngón tay lần lượt từ 3 tới 1 ngón
vừa đưa ngón tay vừa đếm: ba, hai, một.

– HS (nhóm bốn) thực hành Đếm – Lập số – Đọc số – Viết số

Ví dụ: Bạn điều khiển **vỗ tay** 2 cái:

Hai bạn trong nhóm **đưa ngón tay**, bạn còn lại **viết số** ra bảng con.

Lưu ý, vai trò điều khiển có thể là viết số, đưa ngón tay.

Bạn điều khiển được thay thế luân phiên.

Lưu ý :

- Thực hành **2** ở các bài hình thành số trong phạm vi 10 bao gồm các nội dung:
 - Lập số, có thể dùng số tiếng vỗ tay, số ngón tay, đồ dùng học tập, ...
 - Đếm kết hợp bật ngón tay.
 - Đọc số.
 - Viết chữ số, dùng thẻ chữ số.
- Các nội dung trên có thể theo trình tự bất kì.
- GV hay HS có thể điều khiển.

3. Làm quen tách số, nói cấu tạo số trong phạm vi 3

GV nói tách trên đồ vật rồi khái quát hoá bằng ngôn ngữ.

– Tách 2

GV làm mẫu, HS làm theo.

Lưu ý làm rõ hai thao tác: **Tách** – **Nói**.

– Tách 3

Mỗi HS để 3 khối lập phương trên bàn.

GV ra hiệu lệnh,

HS **tách** 3 khối lập phương thành hai phần bất kì

HS **nói** các kết quả tách (**cấu tạo** của 3).

– HS nói thành thạo cấu tạo của 2 và 3:

- 2 **gồm** 1 và 1
- 3 **gồm** 2 và 1
- 3 **gồm** 1 và 2.

CÙNG CỐ

Tìm các đồ vật xung quanh em có số lượng từ 1 đến 3.

VUI HỌC

– Tích hợp: thức ăn yêu thích của mỗi con vật.

GV có thể dùng hình thức vui: “Cô hỏi” để HS trả lời về thức ăn yêu thích của mèo, voi, thỏ được giấu trong hộp.

– HS làm quen cách xác định “toạ độ” trong bảng vuông 3×3 .

• GV hướng dẫn HS dùng ngón tay trỏ trái đặt vào hình các con vật, ngón tay trỏ phải đặt vào hình thức ăn yêu thích của con vật đó. Sau đó, **kéo rê** ngón tay trỏ trái từ trái sang phải, ngón tay trỏ phải từ trên xuống dưới, sao cho 2 ngón tay gặp nhau tại 1 ô hình, rồi gọi tên hình có trong ô đó.

Ví dụ: ngón tay trỏ trái chỉ mèo, ngón tay trỏ phải chỉ cá. Kéo rê 2 ngón tay, sao cho chúng gặp nhau tại ô khối lập phương màu xanh, rồi HS đọc tên “Khối lập phương màu xanh”.

• HS (nhóm đôi) tiếp tục với các con vật còn lại rồi thông báo kết quả.

ĐẤT NƯỚC EM

• Chùa Một Cột

GV có thể hỏi:

Chùa Một Cột ở đâu? (Thủ đô Hà Nội)

Tại sao lại có tên như thế? (chỉ có 1 cái cột – có thể cho HS quan sát hình trong SGK trang 25).

• GV giúp HS tìm vị trí Hà Nội trên bản đồ (SGK trang 157).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

– Kể tên các bộ phận trên khuôn mặt em và cho biết bộ phận có mấy cái?

Ví dụ: 2 mắt, 1 miệng,...

Kể 3 điều tốt bạn làm cho em, 3 việc em giúp cha mẹ.

CÁC SỐ 4, 5

(2 tiết – SGK trang 26)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Đếm, lập số, đọc, viết các số trong phạm vi 5.

Làm quen với việc sử dụng ngón tay để đếm và lập số.

– Nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 5.

– Lập được dãy số từ 1 đến 5 bằng cách thêm 1 vào số liền trước.

– Làm quen với tách số và nói được cấu tạo của số trong phạm vi 5.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: 4 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

– Hát: “5 ngón tay ngoan”.

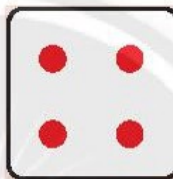
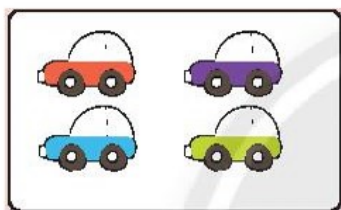
– GV cho cả lớp đếm từ 1 đến 5 (HS biết đếm trước khi học số).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Đếm – Lập số – Đọc số – Viết số trong phạm vi 5

– HS (nhóm đôi) đếm, lập số từ 4 đến 5 theo mẫu:

Ví dụ:



• Một, hai, ba, bốn

Có bốn ô tô

Một, hai, ba, bốn

Có bốn chấm tròn

• Có bốn ô tô, có bốn chấm tròn, ta có số bốn.

GV vừa nói vừa viết số 4 lên bảng lớp.

GV khuyến khích nhiều nhóm **nói** trước lớp.

GV giới thiệu số 5: Tương tự như giới thiệu số 4.

– GV giới thiệu chữ số, HS đọc số

• Để viết các số: một, hai, ba, bốn, năm

ta dùng các chữ số **1, 2, 3, 4, 5**

• GV cho HS viết trên bảng con dãy số từ 1 đến 5

• HS đọc xuôi, đọc ngược dãy số trên.

2. Thực hành Đếm – Lập số – Đọc số – Viết số : Xem bài **Các số 1, 2, 3.**

3. Thực hành nhận biết thứ tự dãy số trong phạm vi 5

GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (Nhóm đôi)

GV giúp HS **nhận biết thứ tự dãy số** trong phạm vi 5.

– HS **quan sát, thảo luận** để **nhận biết**:

a) Số bên dưới mỗi cột chính là số hình tròn có trong cột.

Với những HS còn lúng túng, GV gợi ý: Có thể đếm số hình tròn trong cột rồi chọn thẻ chữ số đặt vào.

Ví dụ: Ở cột thứ hai, có 2 hình tròn, chọn số 2.

b) Thứ tự dãy số, chọn số thích hợp điền vào chỗ còn thiếu để tạo thành những dãy số theo thứ tự từ lớn đến bé.

HS đọc dãy số.

– Lưu ý: GV tổ chức cho HS trình bày bài làm, khuyến khích nhiều em nói.

4. Làm quen tách số, nói cấu tạo số trong phạm vi 5

GV nói tách trên đồ vật rồi khái quát hoá bằng ngôn ngữ.

– Tách 4

Mỗi HS để 4 khối lập phương trên bàn.

GV ra hiệu lệnh, HS **tách** 4 khối lập phương thành hai phần bất kì.

HS **nói** các kết quả tách (**cấu tạo** của 4).

– Gộp 4:

Mỗi HS để 4 khối lập phương trên bàn thành 2 phần bất kì.

GV ra hiệu lệnh, HS **gộp** 4 khối lập phương lại.

HS **nói** các cách gộp khác nhau (**cấu tạo** của 4).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– GV giúp HS **nhận biết**: Số cần điền vào ô trống dưới mỗi hình.

– GV: Tại sao người ta viết số 2 vào ô trống dưới hình thứ hai? (Vì có 2 con mèo).

Như vậy, ta phải **đếm số mèo** ở mỗi hình để tìm được số phù hợp.

– HS: **đếm** số con mèo lần lượt trong từng hình rồi điền số tương ứng vào bảng con: 1, 2, 3, 4, 5.

HS **đọc** dãy số trên.

– GV giúp HS **nhận biết**:

Hình sau **hơn** hình liền trước nó là 1 con mèo.

Trong dãy số này, cứ **thêm** 1 vào một số ta được số ngay sau nó.

Bài 2:

GV yêu cầu HS tìm số thích hợp ở mỗi ô có dấu ?.

HS làm bài cá nhân.

Sửa bài: HS chơi tiếp sức, các em **đếm** nói tiếp từ 1 đến 5 và ngược lại.

Bài 3:

– Phân tích mẫu

GV giúp HS **nhận biết** cần phải làm hai nhiệm vụ:

- **Tìm** số
- **Nói** theo bạn ong.

GV có thể hỏi như sau:

Tại sao chọn số 4 điền vào ô vuông ? (vì có 4 bút chì).

Tại sao ong nói:

4 **gồm** 3 và 1? (3 xanh và 1 hồng) – tách theo **màu sắc**

4 **gồm** 2 và 2? (2 lớn và 2 nhỏ) – tách theo **kích cỡ**.

– HS thảo luận nhóm đôi rồi làm bài.

– GV khuyến khích HS **trình bày** và **giải thích**.

Ví dụ: Có 3 cây kem, 2 sô-cô-la và 1 dâu. 3 gồm 2 và 1

hoặc Có 3 cây kem, 1 dâu và 2 sô-cô-la. 3 gồm 1 và 2.

– GV giúp HS **nói thành thạo** câu tạo số trong phạm vi 5 (có thể dựa vào tranh vẽ).

- 2 **gồm** 1 và 1
- 3 **gồm** 2 và 1
3 **gồm** 1 và 2
- 4 **gồm** 3 và 1
4 **gồm** 1 và 3
4 **gồm** 2 và 2
- 5 **gồm** 4 và 1
5 **gồm** 1 và 4
5 **gồm** 3 và 2
5 **gồm** 2 và 3.

CỦNG CỐ

Tìm các đồ vật xung quanh em có số lượng từ 1 đến 5.

ĐẤT NƯỚC EM

- Chợ Bến Thành

Chợ Bến Thành ở đâu? (Thành phố Hồ Chí Minh)

Chợ có 4 cửa chính: Đông, Tây, Nam, Bắc.

- GV giúp HS tìm vị trí Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ (SGK trang 157).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

– Tập sử dụng 5 từ: thừa, dạ, cảm ơn, xin lỗi, vui lòng.

TÁCH – GỘP SỐ

(2 tiết – SGK trang 29)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

Kết hợp phân tích, tổng hợp số:

- Từ một bức tranh, nhận ra tình huống tách số, tình huống gộp số.
- Nói được cách tách, gộp số.
- Thể hiện tách, gộp số trên cùng một sơ đồ.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: 5 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu sơ đồ tách – gộp số

– Phân tích mẫu:

- HS **quan sát** tranh, nói nhận biết của bản thân về bức tranh.

Ví dụ: Có 1 cáo mẹ và 4 cáo con (dấu hiệu: mẹ – con).

Cáo mẹ bên trái và 4 cáo con bên phải (dấu hiệu: vị trí).

- GV đặt vấn đề

Nếu ta coi đây là gia đình cáo, có 1 cáo mẹ và 4 cáo con thì có thể nói các cách tách, gộp thế nào?

– HS **nói** các cách tách, gộp:

5 **gồm** 1 và 4

gộp 1 và 4 được 5

5 **gồm** 4 và 1

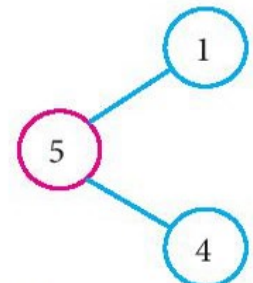
gộp 4 và 1 được 5.

– GV giới thiệu sơ đồ tách – gộp số:

Cả 4 câu nói trên đều có thể **viết vào 1 sơ đồ**, gọi chung là sơ đồ **tách – gộp số**.

– Đọc sơ đồ:

Với sơ đồ, theo hướng chỉ tay của GV, HS **nói** được 4 cách.



2. Tách 5 khối lập phương, lập một sơ đồ tách – gộp số và đọc sơ đồ

– GV cho HS đặt 5 khối lập phương lên bàn, tách thành 2 phần và nói rồi lập sơ đồ vào bảng con.

– Từ 5 khối lập phương vừa tách hãy gộp lại và nói rồi lập sơ đồ vào bảng con (gộp 3 và 2 được 5; gộp 4 và 1 được 5;...)

- HS (nhóm bốn) **thảo luận, làm bài.**
- Khuyến khích các nhóm **trình bày, giải thích.**
GV lưu ý giúp đỡ các em cách dùng từ, diễn đạt.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

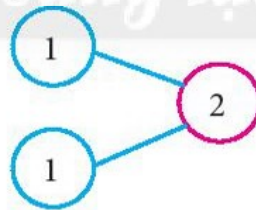
- Tìm hiểu bài: HS **quan sát** hình đầu tiên bên trái, **thảo luận** nhóm đôi, **nhận biết:** 2 khối lập phương **tách** thành 1 khối lập phương và 1 khối lập phương.
Tìm số thích hợp còn thiếu trong sơ đồ.
- HS làm cá nhân.
- Khi sửa bài, HS đọc sơ đồ cấu tạo số:
2 gồm 1 và 1; gộp 1 và 1 được 2
3 gồm 2 và 1; 3 gồm 1 và 2; gộp 2 và 1 được 3; gộp 1 và 2 được 3
4 gồm 3 và 1; 4 gồm 1 và 3; gộp 3 và 1 được 4; gộp 1 và 3 được 4
4 gồm 2 và 2; gộp 2 và 2 được 4.

Bài 2:

- GV hướng dẫn cách làm:
HS đọc sơ đồ bên trái và tìm hình vẽ bên phải phù hợp.
VD: 4 **gồm 3 và 1**; nên chọn hình 4 muống **gồm 3** xanh **và 1** cam.
Tương tự với các sơ đồ và hình vẽ còn lại.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích.**

Bài 3:

- Tìm hiểu bài: GV hướng dẫn mẫu.
HS quan sát, thảo luận nhóm đôi, GV giúp các em nhận biết:
Viết sơ đồ tách – gộp số:

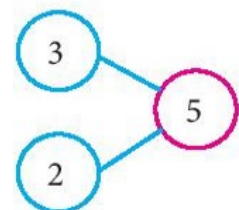
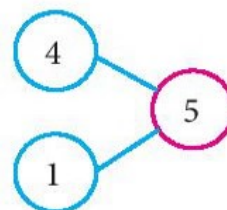
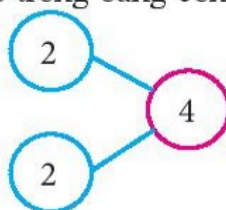
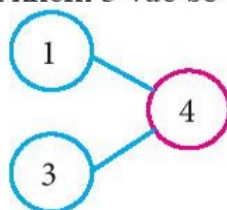
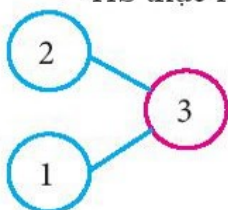


Đọc sơ đồ tách – gộp số:

gộp 1 chấm tròn và 1 chấm tròn được 2 chấm tròn.

gộp một và một được hai (Theo lời chú ong).

- HS thực hiện nhóm 5 vào sơ đồ trong bảng con.



- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** và **nói** theo 4 cách tách – gộp số.

Bài 4:

- HS **quan sát** tranh, **trả lời** các câu hỏi, chẳng hạn:

Bức tranh vẽ gì? (Gà trống, gà mái).

Có mấy con gà trống? mấy con gà mái? (1 con gà trống, 2 con gà mái).

Có tất cả mấy con gà? (3 con).

- GV nói yêu cầu của bài: Hãy **nói** “câu chuyện” về số gà trống, gà mái và số gà có tất cả.

1. Câu chuyện thứ nhất (nói theo mẫu):

Có...

và...

Có tất cả...

2. Câu chuyện thứ hai (nói theo mẫu):

Có tất cả...

gồm...

và...

- HS **tập nói** (nhóm bốn), mỗi nhóm chỉ tập một câu chuyện. (Có thể vận dụng phương pháp mảnh ghép.)

- GV khuyến khích nhiều em **nói** trước lớp.

GV có thể cho HS nêu vài điểm khác nhau giữa gà mái và gà trống (tích hợp Tự nhiên và Xã hội).

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Đố bạn”.

1 HS nêu tình huống, ví dụ: có 2 con chó và 2 con mèo. Tất cả có 4 con.

Cả lớp lập sơ đồ vào bảng con.

Hoặc: 1 HS đưa sơ đồ, mời các bạn nói cách tách – gộp số.

BẰNG NHAU, NHIỀU HƠN, ÍT HƠN

(1 tiết – SGK trang 32)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết quan hệ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn giữa số lượng phần tử của các nhóm đồ vật qua việc thiết lập tương ứng 1 – 1.

- Sử dụng các thuật ngữ “bằng nhau”, “nhiều hơn”, “ít hơn” để so sánh số lượng phần tử các nhóm đồ vật.

- Xác định được nhóm đồ vật có số lượng nhiều hơn (ít hơn).

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV cho cả lớp lần lượt đếm số từ 1 đến 5 (đếm xuôi, đếm ngược).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu quan hệ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn

– Bằng nhau

HS **quan sát** tranh, GV giúp các em **nhận biết**:

- **Mỗi** bạn thỏ có **một** củ cà rốt (**vừa đủ**)

Ta nói: Số bạn thỏ **bằng** số củ cà rốt

Số củ cà rốt **bằng** số bạn thỏ

(Số bạn thỏ và số củ cà rốt **bằng nhau**)

– Nhiều hơn, ít hơn

HS tiếp tục **quan sát** tranh, GV giúp các em **nhận biết**:

- **Mỗi** thỏ **một** củ cà rốt thì **đư** thỏ, **thiếu** củ cà rốt.

Ta nói: Số thỏ **nhiều hơn** số củ cà rốt.

Số củ cà rốt **ít hơn** số thỏ.

- Có mấy thỏ? (4 thỏ).

Có mấy củ cà rốt? (3 củ cà rốt).

Ta nói: Số thỏ **nhiều hơn** số củ cà rốt

Số củ cà rốt **ít hơn** số thỏ.

2. So sánh các nhóm đồ vật (con vật) có số lượng trong phạm vi 5

– HS tiếp tục **quan sát** các tranh, GV có thể cho các em thảo luận để **nhận biết**:

- **Mỗi** nôi (xoong) có **một** nắp (vung).

Ta nói: Số nôi **bằng** số nắp.

Số nắp **bằng** số nôi

(Số nôi và số nắp **bằng nhau**).

- Số đèn **nhiều hơn** số ổ cắm.

Số ổ cắm **ít hơn** số đèn.

- Số bông hoa **ít hơn** số chim
Số chim **nhiều hơn** số bông hoa.
- Số chim mẹ **bằng** số chim con
Số chim con **bằng** số chim mẹ
(Số chim mẹ và số chim con **bằng nhau**).

CÙNG CỐ

Chơi đồ bạn: HS có thể dùng hình trong bộ thực hành để đồ nhau.

Ví dụ: HS để lên bàn 2 tam giác, 1 khối hộp chữ nhật, rồi đồ bạn so sánh.

“Số tam giác **nhiều hơn** số khối hộp chữ nhật”.

SO SÁNH CÁC SỐ: BẰNG, LỚN HƠN, BÉ HƠN

(1 tiết – SGK trang 34)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Nhận biết quan hệ: bằng nhau, lớn hơn, bé hơn giữa các số.
- Sử dụng các thuật ngữ “bằng”, “lớn hơn”, “bé hơn” để so sánh các số trong phạm vi 5.
- Nhận biết dãy số 1, 2, 3, 4, 5 được xếp thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV: 2 bộ thẻ chữ số từ 1 đến 5.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV cho cả lớp chơi “đồ bạn”, thi đua theo tổ, có thể dùng dụng cụ học tập (bút, thước, vở,...) tạo thành 2 nhóm đồ vật rồi đồ các bạn so sánh. Tổ nào nói đúng nhiều lần thì thắng cuộc.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu quan hệ bằng nhau, lớn hơn, bé hơn

– **Bằng nhau**

HS **quan sát** tranh, nêu nhận xét:

- Số ong **bằng** số hoa
3 bông hoa, 3 bạn ong
ba **bằng** ba.

– **Lớn hơn, bé hơn**

HS tiếp tục **quan sát** tranh, nêu nhận xét:

- Số ong **nhiều hơn** số hoa
Số hoa **ít hơn** số ong
- Có mấy ong? (4 ong).
Có mấy hoa? (3 hoa).
Ta nói: bốn **lớn hơn** ba
ba **bé hơn** bốn.

2. So sánh, sắp thứ tự các số

– **Lập dãy số từ 1 đến 5**

- HS **quan sát** các cột hình tròn và các ô tương ứng, GV giúp các em **nhận biết**:

Mỗi số chỉ số hình tròn ở mỗi cột. HS chọn thẻ chữ số tương ứng đặt vào bên dưới các cột hình tròn.

GV có thể hỏi: Tại sao lại chọn

Số 1? (có 1 hình tròn)

Số 3? (có 3 hình tròn)

.....

- HS **đọc xuôi, đọc ngược** dãy số 1, 2, 3, 4, 5.

– **Sắp thứ tự các số trong phạm vi 5**

- HS **quan sát** các cột hình tròn từ 1 đến 5, **nhận biết**:

+ Số hình tròn ở các cột **tăng dần**

+ Các số **lớn dần: số sau lớn hơn số trước.**

+ Dãy số 1, 2, 3, 4, 5 được sắp theo thứ tự **từ bé đến lớn.**

- GV giúp HS nhận biết:

Trong dãy số trên:

Số bên trái bé hơn số bên phải / Số trước bé hơn số sau.

Số bên phải lớn hơn số bên trái / Số sau lớn hơn số trước.

– **Dãy số thứ tự trong phạm vi 5**

- Bên trái: HS **quan sát, nhận biết** thứ tự dãy số, chọn thẻ chữ số còn thiếu đặt vào rồi đọc các dãy số

+ Các số trong một hàng **tăng dần**

+ Các số **lớn dần: số sau lớn hơn số trước**

+ Các dãy số được sắp theo thứ tự **từ bé đến lớn.**

- Bên phải: HS **quan sát, nhận biết** thứ tự dãy số, chọn thẻ chữ số còn thiếu đặt vào rồi đọc các dãy số
- + Các số trong một hàng **giảm dần**
- + Các số **bé dần: số sau bé hơn số trước**
- + Các dãy số được sắp theo thứ tự **từ lớn đến bé**.

– So sánh các số trong phạm vi 5

Dựa vào hình vẽ ở câu 1

- **So sánh** các cặp số kế nhau, HS nhóm đôi **nói** theo mẫu:

Ví dụ: 3 hình tròn ít hơn 4 hình tròn nên 3 **bé hơn** 4, 4 **lớn hơn** 3.

5 hình tròn **nhiều hơn** 4 hình tròn nên 5 **lớn hơn** 4, 4 **bé hơn** 5.

HS **đọc** để hệ thống lại:

1 **bé hơn** 2, 2 **bé hơn** 3, ... , 4 **bé hơn** 5.

5 **lớn hơn** 4, 4 **lớn hơn** 3, ... , 2 **lớn hơn** 1.

- So sánh hai số bất kì trong phạm vi 5

HS **so sánh** vài cặp, theo mẫu:

3 **bé hơn** 5 vì 3 hình tròn **ít hơn** 5 hình tròn.

Trò chơi: So sánh hai số.

Thực hiện nhóm đôi hoặc nhóm bốn. Mỗi em chọn 1 thẻ chữ số úp trên mặt bàn.

Cùng nhau lật lên, ai có số lớn hơn thì thắng.

Ví dụ: xem hình vẽ bài thực hành 3 SGK trang 35.

CỦNG CỐ

Muốn so sánh các số trong phạm vi 5, ta dựa vào đâu? (**thứ tự** dãy số 1, 2, 3, 4, 5).

Cụ thể: **Số bên trái bé hơn số bên phải / Số trước bé hơn số sau.**

Số bên phải lớn hơn số bên trái / Số sau lớn hơn số trước.

CÁC DẤU =, >, <

(2 tiết – SGK trang 36)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Nhận biết, đọc và viết các dấu =, >, <
- Sử dụng được các dấu <, =, > để so sánh các số trong phạm vi 5.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, an toàn giao thông, Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV: Bộ thẻ chữ số và 4 thẻ dấu

Hình vẽ cho phần Thử thách

5 khối hộp chữ nhật, 5 khối lập phương (phần củng cố).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể dùng trò chơi HỎI NHANH ĐÁP GỌN.

– Để so sánh hai số, em dựa vào đâu? (trong dãy số 1, 2, 3, 4, 5 **số sau lớn hơn số trước**, ...)

- So sánh: 4 và 5 (4 bé hơn 5)
- 3 và 1 (3 lớn hơn 1)
- 2 và 2 (2 bằng 2)
- ...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu dấu =

GV có thể thực hiện như sau: GV cho HS quan sát hình vẽ bên trái và yêu cầu:

“Các em hãy so sánh số đĩa và số tách” (mỗi tách đều có đĩa lót bên dưới, số đĩa và số tách bằng nhau).

“Các em tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn” (1 hình vuông nối với 1 hình tròn, số hình vuông bằng số hình tròn).

Có mấy hình vuông? (3) - GV viết 3 lên bảng lớp

Có mấy hình tròn? (3) - GV viết 3 lên bảng lớp

GV chỉ vào cặp số vừa viết trên bảng lớp (3 3) vừa yêu cầu: “Các em hãy so sánh 3 và 3” (ba bằng ba)

Để viết 3 **bằng** 3, ta dùng dấu =. GV viết dấu = vào giữa hai số: (3 = 3)

GV đọc: ba **bằng** ba. HS đọc ba **bằng** ba.

GV viết trên bảng lớp (hoặc đưa bảng con) một vài trường hợp, HS đọc:

$$2 = 2; \quad 4 = 4; \quad 1 = 1$$

2. Giới thiệu dấu >, <

– Dấu >

Thực hiện tương tự như giới thiệu dấu =

“Các em hãy so sánh số đĩa và số tách” (3 tách có đĩa lót bên dưới, 1 tách không có đĩa lót bên dưới. Vậy số tách nhiều hơn số đĩa).

“Các em tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn” (1 hình vuông nối với 1 hình tròn, số hình vuông nhiều hơn số hình tròn).

- GV chỉ vào cặp số (đã viết sẵn trên bảng lớp 4 > 3):
Hãy so sánh 4 và 3 (HS **đồng thanh**: 4 **lớn hơn** 3).
Để viết 4 **lớn hơn** 3, ta dùng **dấu lớn hơn** (GV viết vào giữa hai số: $4 > 3$).
HS **đọc**: 4 **lớn hơn** 3.

- HS **đọc** một vài trường hợp
 $4 > 2$; $5 > 3$; $3 > 1$.

– Dấu <

Thực hiện tương tự như trên.

– Thực hành sử dụng dấu <, >

Có thể tiến hành như sau:

Lần chơi thứ nhất:

- GV gắn sẵn bốn thẻ dấu trên bảng lớp
 $<$ $>$ $>$ $<$
- Mỗi lần bốn HS lên, mỗi HS đứng ở một dấu
 $<$ $>$ $>$ $<$



- Mỗi HS nhận hai thẻ chữ số khác nhau.
Theo hiệu lệnh của GV, mỗi bạn **gắn** hai thẻ vào vị trí thích hợp
Ví dụ: $4 < 5$ $5 > 1$ $3 > 2$ $2 < 4$
- HS dưới lớp **nhận xét, cổ vũ** và đọc: 4 bé hơn 5, ...

Lần chơi thứ hai:

GV gắn sẵn các cặp số trên bảng lớp.

HS dùng thẻ dấu đặt vào vị trí thích hợp.

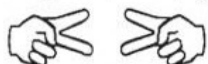
Lần chơi thứ ba:

HS dùng hai thẻ chữ số và một thẻ dấu để so sánh số.

– Vui học: Cách dùng hai dấu > và <

GV có thể làm như sau:

- GV đưa tay làm miệng cá sấu, HS **làm theo** (GV đứng cùng chiều với HS)



GV giới thiệu, tay trái: dấu bé hơn, tay phải: dấu lớn hơn.

Thực hành: GV nói (bé hơn, lớn hơn) – HS đưa tay

GV đưa tay – HS nói.

- GV đặt tay vào giữa hai số (đã viết trên bảng)

3  5 5  3

HS nói: “Hả hòng bên nào bên đó lớn”.

Thực hành: GV viết sẵn một vài cặp số trên bảng lớp.

HS lên bảng, đặt tay vào giữa từng cặp số.

3. Thực hành viết các dấu =, >, <

Với mỗi dấu, GV tiến hành như sau:

- Phân tích các nét, hướng dẫn cách viết.
- HS: Dùng ngón tay **đồ** theo các nét ở miệng cá sấu (SGK trang 36).
Dùng ngón tay **tô khan** trên bảng con.
Dùng bút/phấn **viết** trên bảng con (mỗi dấu ba lần).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– Tìm hiểu mẫu, GV có thể tiến hành như sau:

- Ô bên trái có mấy chấm tròn? (5) – GV viết 5 (bảng lớp).
Ô bên phải có mấy chấm tròn? (4) – GV viết 4.

- HS sử dụng bảng con:

Dùng dấu >, =, < **so sánh** 5 và 4 ($5 > 4$).

Đọc: 5 lớn hơn 4.

GV giúp HS nhận biết: Cần phải viết số chỉ số chấm tròn ở mỗi hình.

So sánh hai số vừa viết.

– GV nhắc HS, khi làm xong một câu, kiểm tra xem có đúng với câu “**Hả hòng bên nào bên đó lớn**” không?

Bài 2:

– Tìm hiểu bài, HS **quan sát** tranh.

GV giải thích: dùng **các dấu** >, =, < **so sánh** các cặp số ở mỗi xe.

– Khi sửa bài, GV có thể dùng các hình thức cả lớp đưa bảng để GV kiểm tra, nhận xét hoặc HS trình bày trước lớp.

HS chơi tiếp sức.

– Mở rộng: giáo dục an toàn giao thông.

Bài 3:

– GV cho HS đọc dãy số từ 1 đến 5 và ngược lại

GV đặt vấn đề: 3 lớn hơn những số nào; những số nào lớn hơn 3.

– Tìm cách làm

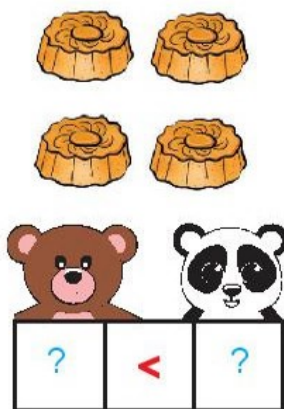
GV giúp HS **hình dung** trong dãy số từ 1 đến 5, số 3 **đứng sau** số nào để tìm những số bé hơn 3 và ngược lại.

– HS làm rồi trình bày cách làm. GV khuyến khích nhiều em nói.

THỬ THÁCH

– Phân tích mẫu:

GV chuẩn bị hình vẽ



- GV đọc yêu cầu của bài: chia bánh cho anh em Gấu.

Gấu nào? (Gấu Xám và Gấu Trúc – mặc dù màu nâu nhưng loại này có tên là Gấu Xám).

GV chỉ tay vào dấu < và hỏi:

Bánh được chia thế nào? (phần bánh của Gấu Xám **ít hơn** Gấu Trúc).

GV giải thích: vì số bánh của Gấu Xám **bé hơn** số bánh của Gấu Trúc.

- GV giúp HS **nhận biết**, cần phải **tách** 4 cái bánh thành hai phần: một phần ít, một phần nhiều.
- HS tự chia, thông báo kết quả.
- GV tách 4 cái bánh thành hai nhóm: 1 và 3, viết 1 và 3 vào ô trống.
- Vậy Gấu Xám 1 cái, Gấu Trúc 3 cái.

– HS có thể chia bằng hai cách:

5 **gồm** 1 và 4

5 **gồm** 2 và 3.

– Khuyến khích HS **trình bày, giải thích** (chú ý vào việc giải thích vì sao phần bánh của Gấu Xám **ít hơn** phần bánh của Gấu Trúc).

CỦNG CỐ

Có thể dùng trò chơi: Ai nhanh hơn?

Ví dụ:

GV gắn lên bảng lớp hai nhóm: 2 khối lập phương và 5 khối hộp chữ nhật.

GV nêu yêu cầu: Dùng các dấu >, =, < **so sánh** số khối lập phương và khối hộp chữ nhật.

HS **ghi** ra bảng con: $2 < 5$ (hoặc $5 > 2$).

GV chọn bảng và khuyến khích HS **nói**:

2 khối lập phương **ít hơn** 5 khối hộp chữ nhật, 2 **bé hơn** 5

hoặc: 5 khối hộp chữ nhật **nhiều hơn** 2 khối lập phương, 5 **lớn hơn** 2.

SỐ 6

(2 tiết – SGK trang 38)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số 6.
- Nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 6.
- So sánh các số trong phạm vi 6.
- Phân tích, tổng hợp số.
- Vận dụng, phân loại nhóm các đối tượng theo dấu hiệu.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: an toàn giao thông.

B. Thiết bị dạy học

- HS: 6 khối lập phương.
- GV: 6 khối lập phương, các thẻ chữ số từ 1 đến 6.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV có thể dùng trò chơi “cô bảo” để tạo nhóm 5, chẳng hạn:

- 5 bạn nam (hoặc nữ)
- 5 bạn đeo kính
- 5 bạn có kẹp tóc
- ...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 6

- Lập số
 - HS **đếm** bướm (có 6 con bướm)
đếm chấm tròn (có 6 chấm tròn)
 - GV nói: Có 6 con bướm, có 6 chấm tròn, ta có số 6.
- Đọc, viết số 6:
GV giới thiệu: số 6 được viết bởi chữ số 6 – **đọc** là: “sáu”.
HS đọc và **viết** số 6 vào bảng con.

2. Thực hành đếm, lập số

- GV hướng dẫn HS sử dụng ngón tay để đếm, lập số
GV **vỗ tay** lần lượt từ 1 tới 6 cái.

HS **bật ngón tay** lần lượt từ 1 tới 6 ngón (bật từng ngón tay, lưu ý khi đã đến 5 thì sẽ đổi tay như SGK trang 38)

vừa bật ngón tay vừa **đếm**: một, hai,...

... (xem bài **Các số 1, 2, 3**)

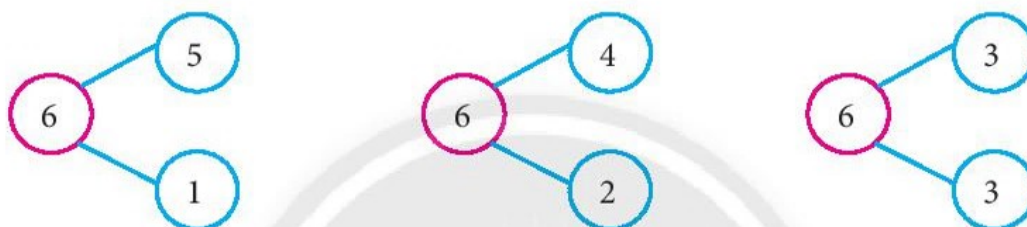
3. Tách – gộp 6 (không dùng SGK)

Mỗi HS để 6 khối lập phương trên bàn.

– GV ra hiệu lệnh

- HS **tách** 6 khối lập phương thành hai phần bất kì.
- HS **viết** trường hợp tách của mình vào sơ đồ tách – gộp số trên bảng con.
- HS **trình bày** (đưa bảng con, nói cấu tạo số. Ví dụ: 6 gồm 5 và 1).

– GV hệ thống lại: đặt 3 bảng con của HS trên bảng lớp



– HS **đọc thành thạo** các sơ đồ tách – gộp 6.

(Mỗi sơ đồ đọc **4 cách**).

LUYỆN TẬP

Bài 1: (GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm)

GV giúp HS **nhận biết thứ tự dãy số và so sánh số** trong phạm vi 6.

– HS **quan sát, thảo luận để nhận biết**:

a) Số bên dưới mỗi cột chính là số hình tròn có trong cột.

Với những HS còn lúng túng, GV gợi ý:

- Có thể đếm số hình tròn trong cột rồi chọn thẻ chữ số đặt vào.

Ví dụ: Ở cột thứ hai, có 2 hình tròn, chọn số 2.

b) Thứ tự dãy số, chọn số thích hợp điền vào chỗ còn thiếu để tạo thành những dãy số theo thứ tự.

c) Dùng thẻ chữ số chơi so sánh số.

d) HS chọn được những số bé hơn 6.

– Lưu ý: GV tổ chức cho HS trình bày bài làm, khuyến khích nhiều em nói.

Bài 2:

– GV giới thiệu các biển báo giao thông:

- Biển màu xanh: “Được phép”

Biển màu đỏ: “Không được phép”

- Tên mỗi biển báo:
Chỉ được phép rẽ trái
Không được phép rẽ trái
 - Biển tròn màu đỏ: “Biển cấm”
 - Biển màu xanh: “Biển chỉ dẫn”
 - Tên mỗi biển báo:
Cấm đi ngược chiều
Đường người đi bộ sang ngang.
- Phân tích mẫu: GV giúp HS
- **Đọc** hai sơ đồ tách – gộp số (4 gồm 2 và 2, 4 gồm 3 và 1).
 - **Giải thích:**
4 biển **gồm** 2 xanh **và** 2 đỏ
2 trên **và** 2 dưới
...
3 tròn **và** 1 vuông
3 không có hình người **và** 1 có hình người
...
- Tìm hiểu bài:
- HS quan sát tranh, **nói nhận biết** của mình về những chiếc xe.
GV có thể gợi ý các từ khoá: **Màu sắc – Kích cỡ** (hoặc loại xe) – **Vị trí, phương hướng**.
GV nói yêu cầu của bài: Viết ba sơ đồ tách – gộp số khác nhau.
Giải thích tại sao làm như vậy.
- HS có thể **thảo luận** nhóm ba, phân công mỗi bạn **viết** một sơ đồ.
– GV khuyến khích và giúp đỡ HS **trình bày, giải thích**.

CỦNG CỐ

- HS **nêu** các tập hợp có số lượng phần tử là 6.
Ví dụ: 6 bạn, 6 cửa sổ,...
- GV có thể cho HS chơi “Đố bạn”:
Gộp 4 và mấy được 6?
Gộp 1 và 3 được mấy?
5 gồm 2 và mấy?
.....

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

Tập nói các cách tách – gộp số từ 2 tới 6.

SỐ 7

(2 tiết – SGK trang 40)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số 7.
- Nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 7.
- Làm quen số thứ tự trong phạm vi 7.
Vận dụng thuật ngữ, nói được câu sử dụng số thứ tự.
- So sánh các số trong phạm vi 7.
- Phân tích, tổng hợp số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

- HS: 7 khối lập phương.
- GV: 7 khối lập phương, các thẻ chữ số từ 1 đến 7.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV có thể dùng trò chơi tạo nhóm 6, chẳng hạn:

- 6 bạn gồm 3 nam và còn lại là nữ;
- 6 bạn gồm 2 cao và còn lại là thấp;
- 6 bạn gồm 1 bạn cột nơ và còn lại không cột nơ;
- ...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 7

- Lập số
 - HS **đếm** kem (có 7 cái kem)
đếm chấm tròn (có 7 chấm tròn)
 - GV nói: Có 7 cái kem, có 7 chấm tròn, ta có số 7.
- Đọc, viết số 7:
GV giới thiệu: số 7 được viết bởi chữ số 7 – **đọc** là: “bảy”.
HS đọc và **viết** số 7 vào bảng con.

2. Thực hành đếm, lập số

- GV hướng dẫn HS **sử dụng ngón tay, khối lập phương để đếm, lập số**
GV **vỗ tay** lần lượt từ 1 tới 7 cái.

HS **bật ngón tay** lần lượt từ 1 tới 7 ngón (bật từng ngón tay như SGK trang 40), vừa bật ngón tay vừa **đếm**: một, hai,...

HS lấy 7 khối lập phương rồi đếm lần lượt từ 1 tới 7.

...

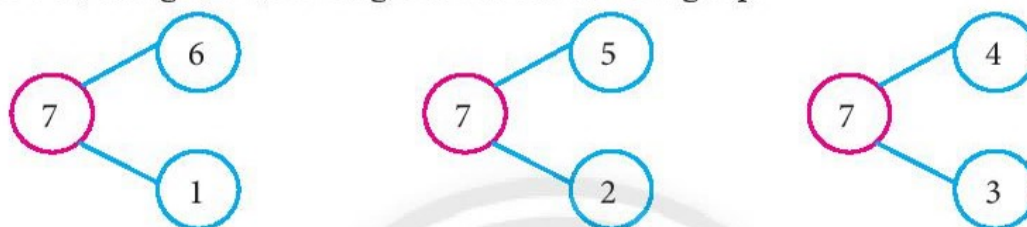
3. Tách – gộp 7 (không dùng SGK)

Mỗi HS để 7 khối lập phương trên bàn.

GV ra hiệu lệnh:

- HS **tách** 7 khối lập phương thành hai phần bất kì.
- HS **viết** trường hợp tách của mình vào sơ đồ tách – gộp số trên bảng con.
- HS **trình bày** (đưa bảng con, nói cấu tạo số. Ví dụ: 7 gồm 6 và 1).

– GV hệ thống lại: đặt 3 bảng con của HS trên bảng lớp.



– HS đọc thành thạo các sơ đồ tách – gộp 7. (Mỗi sơ đồ đọc **4 cách**).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

GV giúp HS **nhận biết** yêu cầu:

a) Mỗi ô vuông có mấy chấm tròn?

Quan sát mẫu, đếm các chấm tròn.

Chọn số phù hợp.

Đọc dãy số.

b) Dãy số được sắp theo thứ tự nào?

Chọn số phù hợp

Đọc dãy số.

c) Ô nào có nhiều chấm tròn nhất? Ô nào ít nhất?...

Đếm, chọn số, nhận xét: số nào bé nhất? số nào lớn nhất? số nào vừa bé hơn 5 vừa lớn hơn 3?

Những số nào vừa bé hơn 7 vừa lớn hơn 4.

– Lưu ý HS, khi làm xong luôn kiểm tra lại. Khuyến khích nhiều em nói cách làm.

Bài 2:

GV có thể tham khảo cách làm sau:

– HS **quan sát** tranh, GV giúp các em nhận biết: Đám mây màu trắng viết các yêu cầu của bài, kẻ bên là hình ảnh cầu vồng.

- HS vừa **gọi tên** vừa **đếm** (bằng cách **đưa ngón tay**) các màu cầu vồng:

Đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím (cầu vồng có 7 màu).

- Tính từ màu đỏ,
Xanh lá là màu thứ mấy? (HS **chỉ tay** vào cầu vòng, **đếm**: 1, 2, 3, 4. **Trả lời**: màu thứ tư)
Màu thứ bảy là màu gì? (màu tím).
GV có thể hỏi thêm các màu khác, tập cho HS dùng quen **số thứ tự**.

CỦNG CỐ

Em có biết, cái gì luôn luôn có 7?

7 màu cầu vòng

7 nốt nhạc (một bạn xướng âm: đô, rê, mi, pha, son, la, si)

7 chú lùn (trong truyện Bạch Tuyết và 7 Chú lùn)

...

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

Giúp bé nói được tên 7 màu sắc cầu vòng.

SỐ 8

(2 tiết – SGK trang 42)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số 8.
- Nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 8.
- So sánh các số trong phạm vi 8.
- Phân tích, tổng hợp số. Giới thiệu bảng tách – gộp 8.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Mỹ thuật, Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

- HS: 8 khối lập phương.
- GV: 8 khối lập phương, các thẻ chữ số từ 1 đến 8, các thẻ chấm tròn theo bài thực hành 3.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể yêu cầu 7 HS đứng trước lớp.

Các bạn dưới lớp nói câu tạo 7, kết hợp ngôn ngữ cuộc sống, phân tích theo các dấu hiệu khác nhau. Ví dụ:

- Giới tính (7 bạn gồm 5 nam và 2 nữ)

- Trang phục
- Kích cỡ (cao – thấp, mập – ốm)

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 8

– Lập số

- HS **đếm** chim (có 8 chú chim)
đếm chấm tròn (có 8 chấm tròn)
- HS nói: Có 8 chú chim, có 8 chấm tròn, ta có số 8.

– Đọc, viết số 8:

GV giới thiệu: số 8 được viết bởi chữ số 8 – **đọc** là: “tám”.

HS đọc và **viết** số 8 vào bảng con.

2. Thực hành đếm, lập số

– GV hướng dẫn HS sử dụng ngón tay để đếm, lập số

GV **vỗ tay** lần lượt từ 1 tới 8 cái.

HS **bật ngón tay** lần lượt từ 1 tới 8 ngón (bật từng ngón tay như SGK trang 42), vừa bật ngón tay vừa đếm: một, hai,...

...

3. Đếm xe và trả lời câu hỏi

Có 8 xe.

Lưu ý: GV có thể hỏi thêm các màu xe, tập cho HS dùng quen **số thứ tự**.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

Mỗi HS để 8 khối lập phương trên bàn.

GV ra hiệu lệnh

- HS **tách** 8 khối lập phương thành hai phần bất kì.
- HS **trình bày** (nói cấu tạo số. Ví dụ: 8 gồm 7 và 1).

– GV hệ thống lại trên bảng lớp theo sơ đồ SGK và giới thiệu: Đây là **bảng tách – gộp 8** thu gọn:

HS mở SGK đọc bảng tách – gộp (mỗi trường hợp đọc 4 cách).

Bài 2:

– GV nêu yêu cầu của bài.

– HS có thể làm bài bằng cách **trả lời**.

– Khuyến khích HS **giải thích** bằng nhiều cách.

Ví dụ: $8 > 5$ vì trong dãy số thứ tự từ bé đến lớn 8 đứng sau 5
(hoặc 8 hình tròn nhiều hơn 5 hình tròn,...)

Bài 3:

– HS làm bài (có thể viết ra bảng con)

2, 4, 6, 8.

– GV khuyến khích để HS **tự nhận ra** tính chất dãy số (giống bài 1).

– Mở rộng, **kể** thêm các con vật có:

2 chân (gà, vịt, chim,...)

4 chân (trâu, chó, mèo,...)

6 chân (gián, bọ rùa, ong,...)

8 chân (bọ cạp; bạch tuộc; con cua 8 càng 2 càng, nếu coi càng là tay,...).

GV có thể nói về ích lợi, tác hại của các con vật này.

CỦNG CỐ

Có thể dùng bảng tách – gộp số.

GV che số, HS đọc bảng (lưu ý đọc theo 4 cách).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

Giúp bé nói được cách tách – gộp 6, 7, 8 bằng cách đặt câu hỏi cho bé trả lời.

Ví dụ: 8 gồm mấy và 1? Gộp 6 và 2 được mấy?

SỐ 9

(2 tiết – SGK trang 44)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số 9.
- Nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 9.
- So sánh các số trong phạm vi 9.
- Phân tích, tổng hợp số. Giới thiệu bảng tách – gộp 9.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Mỹ thuật, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

- HS: 9 khối lập phương.
- GV: 9 khối lập phương, các thẻ chữ số từ 1 đến 9.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi trò gộp số để được 5, 6, 7, 8. Ví dụ:

- GV: Gộp 3 nam và 4 nữ
- HS: Gộp 3 nam và 4 nữ được 7 bạn.

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 9

– Lập số

- HS **đếm** măng cụt (có 9 trái măng cụt)
đếm chấm tròn (có 9 chấm tròn)
- HS nói: Có 9 trái măng cụt, có 9 chấm tròn, ta có số 9.

– Đọc, viết số 9:

GV giới thiệu: số 9 được viết bởi chữ số 9 – đọc là: “chín”.

HS đọc và **viết** số 9 vào bảng con.

2. Thực hành đếm, lập số

– GV hướng dẫn HS sử dụng ngón tay để đếm, lập số

GV **vỗ tay** lần lượt từ 1 tới 9 cái

HS **bật ngón tay** lần lượt từ 1 tới 9 ngón (bật từng ngón tay như SGK trang 44)

vừa bật ngón tay vừa **đếm**: một, hai,...

...

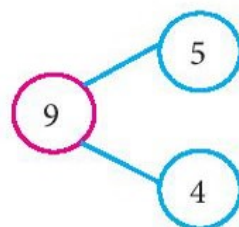
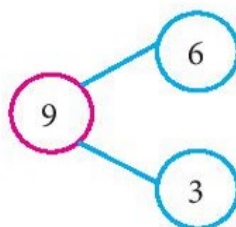
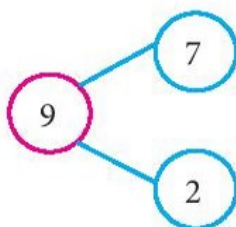
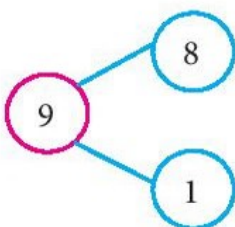
3. Tách – gộp 9 (không dùng SGK)

Mỗi HS để 9 khối lập phương trên bàn.

GV ra hiệu lệnh:

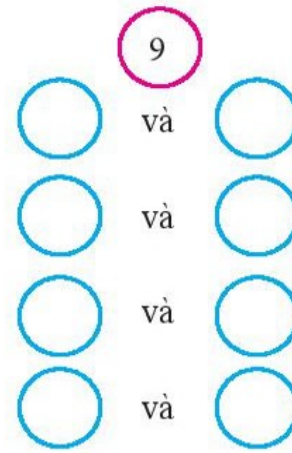
- HS **tách** 9 khối lập phương thành hai phần bất kì.
- HS **viết** trường hợp tách của mình vào sơ đồ tách – gộp số trên bảng con.
- HS **trình bày** (đưa bảng con, nói câu tạo số. Ví dụ: 9 gồm 8 và 1).

– GV hệ thống lại: đặt 4 bảng con của HS trên bảng lớp



– Thành lập **bảng tách – gộp** 9 thu gọn:

HS luân phiên lên bảng **viết** để hoàn thiện bảng.



– HS **đọc** bảng (mỗi trường hợp đọc 4 cách).

ĐẤT NƯỚC EM

GV có thể giới thiệu **Cửu Đỉnh** theo nội dung sau:

Cửu Đỉnh: **chín** cái đỉnh bằng đồng, mỗi đỉnh có một tên của các vị hoàng đế triều Nguyễn. Trên mỗi đỉnh, người ta chạm khắc các họa tiết theo các chủ đề về vũ trụ, núi sông, chim thú, sản vật, vũ khí,... tập hợp thành bức tranh toàn cảnh của đất nước Việt Nam thống nhất thời nhà Nguyễn.

GV cho HS xác định vị trí tỉnh Thừa Thiên – Huế trên bản đồ Việt Nam (SGK trang 157).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS nhận biết cần phải điền số chấm tròn (có thể viết ra bảng con hoặc chọn thẻ chữ số phù hợp)

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

HS **đọc** dãy số trên.

– GV giúp HS tự **nhận biết**:

Ô vuông sau **hơn** ô vuông ngay trước 1 chấm tròn.

Trong dãy số này, cứ **thêm** 1 vào một số ta được số ngay sau nó.

– HS tự **tìm** số thích hợp thay cho “?”, rồi đọc dãy số lên.

Bài 2:

– Tìm hiểu bài

- Bức tranh vẽ gì? (mèo, gà, vịt, ếch)
- Còn gì nữa? (4 ngôi nhà của mèo, ếch, vịt, gà; mỗi ngôi nhà là một sơ đồ tách – gộp)
- Tại sao nhà của mèo lại có số như vậy? (có tất cả 8 con mèo gồm 1 mèo mẹ và 7 mèo con)
- HS đọc yêu cầu và nhận biết hai việc phải làm:

Viết số vào sơ đồ. Giải thích tại sao viết như vậy.

– Đây là bài toán mở, HS có thể viết theo những dấu hiệu khác nhau. GV khuyến khích các em giải thích theo nhiều cách.

GV có thể mở rộng: Vịt, ếch biết bơi; mèo, gà không biết bơi.

Bài 3:

- GV đọc yêu cầu của bài.
- HS có thể thảo luận nhóm, chọn dấu thích hợp đặt vào ô “?”.
- Sửa bài.
- GV cho HS đọc lại bài làm.

CỦNG CỐ

- Cửu Đỉnh có nghĩa là gì? (9 cái đỉnh).
- Em có biết tên con sông nào của nước ta có tiếng Cửu? (Sông Cửu Long – 9 con rồng, con sông rất lớn chảy qua miền Nam nước ta, còn gọi là sông Mê-kông).
- (Sông Cửu Long gồm hai sông chính: sông Tiền và sông Hậu).

SỐ 0

(1 tiết – SGK trang 46)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết biểu tượng số 0.
- Đếm, lập số, đọc, viết số 0.
- Nhận biết được thứ tự dãy số từ 0 đến 9.
- Vận dụng thuật ngữ, nói được câu sử dụng số thứ tự.
- So sánh các số.
- Phân tích, tổng hợp số. So sánh các số với 0.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, có trách nhiệm (với môi trường, xã hội).

B. Thiết bị dạy học

- GV: các thẻ chữ số từ 0 đến 9.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi trò gộp số để được 5, 6, 7, 8, 9. Ví dụ:

- GV: Gộp 3 nam và 5 nữ.
- HS: Gộp 3 nam và 5 nữ được 8 bạn.

...

1. Giới thiệu số 0

- HS **quan sát** tranh, **mô tả**

Thỏ có 3 củ cà rốt

Ăn 1 củ, còn 2

Ăn tiếp 1 củ, còn 1

Ăn nốt, không còn củ nào.

- GV hướng dẫn HS **nói**:

Có 3 củ cà rốt, 3 chấm tròn, ta có số 3

Có 2 củ cà rốt, 2 chấm tròn, ta có số 2

Có 1 củ cà rốt, 1 chấm tròn, ta có số 1

Không có cà rốt, không có chấm tròn, ta có số 0.

- HS **đọc** dãy số 3, 2, 1, 0.

- Đọc, viết số 0:

GV giới thiệu: số 0 được viết bởi chữ số 0 – **đọc** là: “không”.

HS đọc và **viết** số 0 vào bảng con.

2. Thực hành đếm, lập số

- GV hướng dẫn HS **sử dụng ngón tay để đếm, lập số**

GV đưa 2 tay lên vỗ, nhưng 2 tay không chạm vào nhau, không tạo ra tiếng. HS đưa tay nằm lại biểu thị cho số 0

GV **vỗ tay** lần lượt từ 0 tới 9 cái.

HS **bật ngón tay** lần lượt từ 0 tới 9 ngón (bật từng ngón tay như SGK trang 46)

vừa bật ngón tay vừa **đếm**: không, một, hai,...

...

3. Sắp thứ tự số

- HS tự đọc yêu cầu, nhận biết cần phải điền số chấm tròn (có thể viết ra bảng con hoặc chọn thẻ chữ số phù hợp)

0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

HS **đọc** dãy số trên.

- GV giúp HS tự **nhận biết**:

Ô vuông sau hơn ô vuông ngay trước 1 chấm tròn.

Trong dãy số này, cứ **thêm** 1 vào một số ta được số ngay sau nó.

- HS tự **tìm** số thích hợp thay cho “?”, rồi đọc dãy số lên.

4. So sánh số

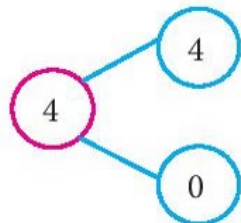
- GV đọc yêu cầu của bài.

- HS có thể thảo luận nhóm, chọn dấu thích hợp đặt vào ô “?”.
 - Sửa bài.
- GV cho HS đọc lại bài làm.

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Tập tầm vông” với khối lập phương (nhóm đôi).
Sau khi một bạn xoay tay ra, bạn kia điền số vào sơ đồ tách – gộp rồi nói.

Ví dụ:



Gộp 4 và 0 được 4; gộp 0 và 4 được 4;
4 gồm 4 và 0; 4 gồm 0 và 4.

SỐ 10

(3 tiết – SGK trang 47)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số 10.
- Nhận biết được thứ tự dãy số từ 0 đến 10.
Vận dụng thuật ngữ, nói được câu sử dụng số thứ tự.
- Phân tích, tổng hợp số. Giới thiệu bảng tách – gộp 10.
Vận dụng, phân loại nhóm các đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau.
- So sánh số, biết xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn (nhóm 4 số), xác định được số bé nhất, số lớn nhất.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Mỹ thuật, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, có trách nhiệm (với môi trường, xã hội).

B. Thiết bị dạy học

- HS & GV: 10 khối lập phương, các thẻ chữ số.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi trò gộp số để được 5, 6, 7, 8, 9. Ví dụ:

- GV: Gộp 2 nam và 5 nữ.
- HS: Gộp 2 nam và 5 nữ được 7 bạn.

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 10

- **Quan sát** tranh, **mô tả** số trứng của gà mẹ.

Gà mẹ đẻ được 7 quả trứng

 để thêm 1 quả được 8 quả trứng

 để thêm 1 quả được 9 quả trứng

 để thêm 1 quả được 10 quả trứng.

- GV hướng dẫn HS **nói**:

 Có 7 quả trứng, 7 chấm tròn, ta có số 7

 Có 8 quả trứng, 8 chấm tròn, ta có số 8

 Có 9 quả trứng, 9 chấm tròn, ta có số 9

 Có 10 quả trứng, 10 chấm tròn, ta có số 10.

- **Đọc** dãy số 7, 8, 9, 10.

- **Viết** số 10.

GV giới thiệu:

Số 10 được viết bởi hai **chữ số**: chữ số 1 và chữ số 0.

 HS đọc và viết số 10 vào bảng con.

2. Thực hành đếm, lập số

- GV hướng dẫn HS **sử dụng ngón tay để đếm, lập số**

GV **vỗ tay** lần lượt từ 1 tới 10 cái.

HS **bật ngón tay** lần lượt từ 1 tới 10 ngón (bật từng ngón tay như SGK trang 47)

 vừa bật ngón tay vừa **đếm**: một, hai,...

 ...

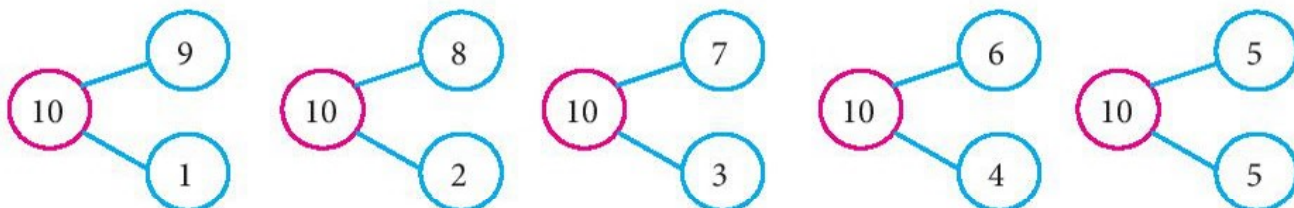
3. Tách – gộp 10 (không dùng SGK)

Mỗi HS để 10 khối lập phương trên bàn.

GV ra hiệu lệnh:

- HS **tách** 10 khối lập phương thành hai phần bất kì.
- HS **viết** trường hợp tách của mình vào sơ đồ tách – gộp số trên bảng con.
- HS **trình bày** (đưa bảng con, nói cấu tạo số. Ví dụ: 10 gồm 9 và 1).

- GV hệ thống lại: đặt 5 bảng con của HS trên bảng lớp



– Thành lập **bảng tách – gộp** 10 thu gọn:

HS luân phiên lên bảng **viết** để hoàn thiện bảng.

	10	
	và	
	và	
	và	
	và	
	và	

– HS đọc bảng (mỗi trường hợp đọc 4 cách).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS tự đọc yêu cầu, nhận biết cần phải điền số chấm tròn (có thể viết ra bảng con hoặc chọn thẻ chữ số phù hợp)

0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

HS **đọc** dãy số trên.

– GV giúp HS tự **nhận biết**:

Ô vuông sau hơn ô vuông ngay trước 1 chấm tròn.

Trong dãy số này, cứ **thêm** 1 vào một số ta được số ngay sau nó.

HS tự **tim** số thích hợp thay cho “?”, rồi đọc dãy số lên.

– HS tự **sắp xếp** các thẻ chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn rồi đọc lên (GV có thể tổ chức chơi tiếp sức, thi đua giữa 2 đội, gắn tiếp thẻ chữ số lên bảng lớp theo thứ tự từ bé đến lớn).

Bài 2:

– GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu bài theo trình tự sau:

– Bức tranh vẽ gì?

Hồ nước: vịt bơi

Lá súng: ếch ngồi

Bờ cỏ: vịt đang tìm ếch, chuồn chuồn đậu

...

– Yêu cầu của bài? (viết số)

Số gì? (nhìn các ô vuông dòng cuối cùng: số vịt, số ếch,...)

Tìm xem có đúng 4 bông hoa súng?

- Sửa bài, GV có thể cho HS nói cách tách – gộp số và giải thích.

Ví dụ: Có 3 bông súng ở gần và 1 bông ở xa, có tất cả 4 bông

Gộp 3 và 1 được 4

Gộp 1 và 3 được 4

4 **gồm** 3 và 1

4 **gồm** 1 và 3.

Bài 3:

GV đọc yêu cầu của bài (GV có thể gợi ý, số bên phải lớn hơn số bên trái,...)

- HS có thể thảo luận nhóm, sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.
 - Sửa bài.
- GV cho HS đọc lại bài làm, nêu số bé nhất, số lớn nhất.

Bài 4:

– Tìm hiểu bài

- GV giúp HS **đọc** yêu cầu của bài (Tìm xe cho bạn)
 - Bạn nào? (chuột, gà, chó, dê, thỏ – mỗi bạn được phát một số).
- HS **quan sát** cách chọn xe của thỏ (theo cấu tạo số) để **chọn** xe cho các bạn khác.
- Sau khi sửa bài, mỗi trường hợp HS **đọc** tách – gộp số (4 cách).

Bài 5:

– Tìm hiểu bài, GV giúp HS **nhận biết**:

Cần **xác định** 3 bạn đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Cúp Vàng, Bạc, Đồng).

– GV khuyến khích HS **nói**, ví dụ:

Thỏ – **giải nhất** vì về đích **trước tiên**

Chó – **giải nhì** vì về đích **thứ hai**

Chuột – **giải ba** vì về đích **thứ ba**.

Bài 6:

– Tìm hiểu bài, GV giúp HS nhận biết:

Hồ cá có 10 con.

Yêu cầu của bài: nói theo mẫu (SGK).

– Lớp cùng xây dựng một mẫu, ví dụ:

- Có 4 con bên trái và 6 con bên phải (nêu dấu hiệu).
 - 10 con cá gồm 4 con bên trái và 6 con bên phải (nói theo mẫu).
 - Viết sơ đồ tách – gộp số và đọc theo 4 cách.
- HS nhóm đôi làm theo mẫu (mỗi nhóm chỉ yêu cầu làm theo một dấu hiệu).
- Lưu ý, đây là bài toán mở, GV không nên gò ép. Cần khuyến khích, giúp đỡ các em nói theo ý của các em.

Các dấu hiệu có thể được sử dụng:

Vị trí (trái – phải: 4 và 6)

Màu sắc (vàng – hồng: 5 và 5)

Kích cỡ (lớn – nhỏ: 1 và 9)

Hình dạng (tròn – tam giác: 3 và 7)

- ...
- Sau khi sửa bài, HS đọc lại bảng tách – gộp 10.

ĐẤT NƯỚC EM

- HS đếm chim (có 10 con chim).
- GV có thể giới thiệu:

Sếu đầu đỏ là một loài chim quý hiếm, cần được **bảo vệ**. Chúng sinh sống chủ yếu ở vùng đầm lầy, vùng đất ngập nước chua phèn có nhiều cỏ năn. Chúng ăn củ cỏ năn. Ngoài ra còn ăn cả côn trùng, cá nhỏ, ếch nhái và đôi khi cả chuột. Vườn quốc gia Tràm Chim – tỉnh Đồng Tháp ở nước ta là nơi cư trú lí tưởng của Sếu đầu đỏ.

GV có thể kết hợp cho HS xác định vị trí tỉnh Đồng Tháp trên bản đồ Việt Nam (SGK trang 157).

Giúp HS làm quen với ý thức bảo vệ môi trường.

CỦNG CỐ

- HS nêu những nhóm thường có 10, ví dụ:
 - Vỉ trứng 10 quả
 - Xâu bánh 10 cái
 - Hộp bút sáp 10 cái
 - ...
- Nếu HS dùng từ “một chục”, GV có thể giới thiệu “một chục là 10” để HS làm quen.

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

(1 tiết – SGK trang 50)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Vận dụng thứ tự các số từ 1 đến 10 để hoàn thiện dãy số.
 - Làm quen với dãy số theo quy luật đơn giản (đếm thêm 2).
- Sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn giữa các số để xác định quan hệ nhiều hơn, ít hơn.
 - Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé (nhóm 4 số).
- Giải quyết vấn đề
 - Giải toán: làm quen với việc kết hợp các thao tác **quan sát** tranh, **nói** tình huống (phù hợp sơ đồ tách – gộp) và **điền** số để hoàn thiện sơ đồ tách – gộp số.
 - Vận dụng cấu tạo số 10, giải quyết vấn đề.
- Ôn tập nhận dạng, gọi tên hình tam giác, hình chữ nhật.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học (sơ đồ tách – gộp), giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: Hình vẽ dùng cho phần Thử thách.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV cho cả lớp lần lượt đếm số từ 0 đến 10 (đếm xuôi, đếm ngược).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– Tìm hiểu bài:

HS **nhận biết**, cần xác định các số còn thiếu để hoàn thiện mỗi dãy số.

– GV nhắc HS, khi đã xác định đủ các số, cần **đọc lại** toàn bộ dãy số xem có đúng không.

– Sau khi sửa bài:

- HS đọc thành thạo dãy số

Đọc **xuôi**, đọc **ngược**

Đọc các số **lẻ**, đọc các số **chẵn** (GV chỉ tay để HS đọc, HS chưa biết thuật ngữ lẻ, chẵn).

- GV giúp HS **nhận xét**: Dãy số được sắp xếp theo thứ tự **từ bé đến lớn**.
- Mở rộng, GV có thể giới thiệu thuật ngữ “liên tiếp” để HS làm quen:

Đây là dãy số liên tiếp từ 1 tới 10.

Bài 2:

– HS **quan sát**, **tìm hiểu** và **hoàn thiện** dãy số.

– Khi sửa bài, GV mở rộng:

Dãy nhà số lẻ: 1, 3, 5, 7, 9

Dãy nhà số chẵn: 2, 4, 6, 8, 10.

Giúp HS **nhận biết**, đây là các dãy số đếm thêm **cách 2**.

Bài 3:

GV đọc yêu cầu của bài (GV có thể gợi ý, số bên phải bé hơn số bên trái,...)

- HS có thể thảo luận nhóm, sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé.
 - Sửa bài.
- GV cho HS đọc lại bài làm, nêu số lớn nhất, số bé nhất.

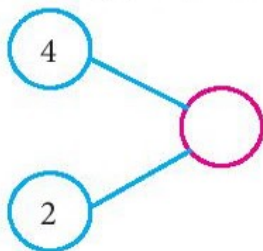
Bài 4:

a) – Tìm hiểu bài

- HS quan sát tranh, nói xem bức tranh vẽ gì

Chim, lá, cành,...

- Quan sát tiếp sơ đồ tách – gộp số, HS nhận biết: gộp 4 và 2, được một số nào đó



- GV giúp học sinh dựa vào bức tranh và sơ đồ, **nói** một “**câu chuyện**” có gộp 4 và 2 (HS nhóm đôi thảo luận).

Ví dụ: Trên cành **có** 4 con chim,

thêm hai con chim bay tới đậu

Có tất cả 6 con chim.

- HS **viết** sơ đồ, **đọc** sơ đồ (theo bốn cách).

b) – HS tự **tìm hiểu**, GV lưu ý HS:

Các việc cần làm: **nói** “câu chuyện”, **viết và đọc** sơ đồ.

Kết thúc câu a, trên cành có mấy con chim?

- HS **thảo luận** và **làm** bài.

- Đây là bài toán mở, khi sửa bài: khuyến khích các em **nói** nhiều câu chuyện.

Ví dụ: Trên cành có 6 con chim đậu,

Có 6 con chim

3 con bay đi

3 con đang bay

Còn lại 3 con đậu

3 con đậu trên cành.

Bài 5:

- GV đọc câu hỏi.

- HS **thảo luận** rồi **trả lời**.

- HS **trình bày** trước lớp: nói kết quả và trình bày cách làm.

HS có thể làm theo 2 cách:

- Dùng tương ứng 1–1 (nối từng cặp; đặt ngón trỏ, ngón cái vào từng cặp;...)
- Đếm: 7 tam giác, 4 hình chữ nhật, $7 > 4$ nên số tam giác nhiều hơn.

- GV chốt: để biết số hình nào nhiều hơn, ta có thể:

Bắt từng cặp (chữ nhật và tam giác), hình tam giác còn dư nên số tam giác nhiều hơn.

Đếm số hình mỗi loại, so sánh số để biết loại nào nhiều hơn.

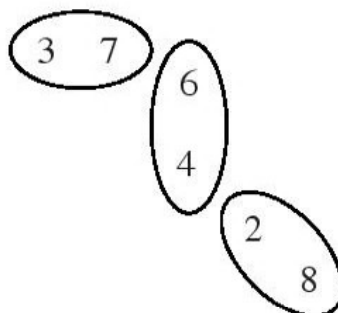
Bài 6:

HS quan sát hình ảnh nhận biết tấm thảm chưa được trải ra hết (phần cuộn nhiều hơn phần trải ra), GV giúp HS tưởng tượng nếu trải ra hết thì tấm thảm sẽ có hình gì (hình chữ nhật). Nếu có thể được, GV minh họa bằng một tấm thảm thật.

VUI HỌC

– GV đọc yêu cầu của bài, HS quan sát hình vẽ, GV giúp các em phân tích mẫu.

- Thỏ muốn đi đâu? (kiếm thức ăn: cà rốt)
- Vườn cà rốt bị sói rình
- Tìm đường giúp thỏ
- Dựa vào đâu tìm đường?



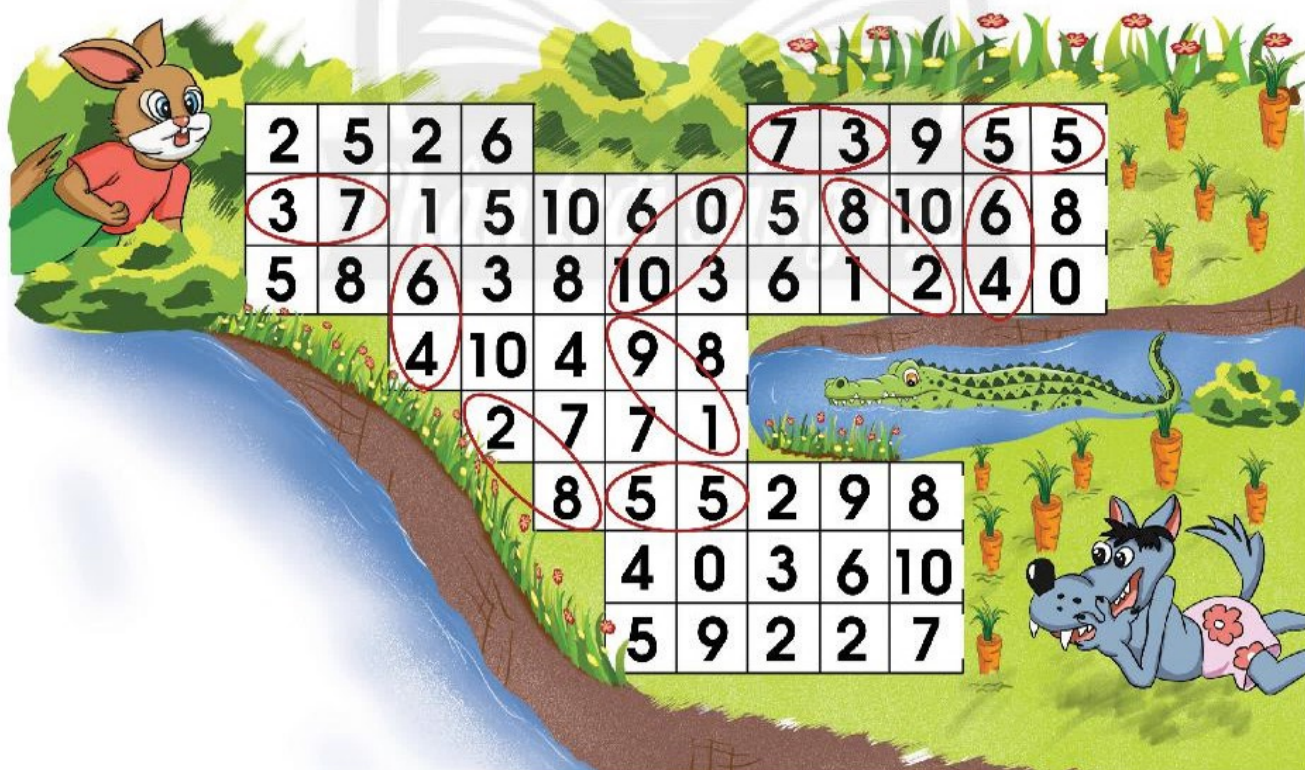
- Những cặp số này có gì đặc biệt? (không yêu cầu HS trả lời).

– HS thảo luận theo nhóm đôi:

- Gộp lại được 10
- Các cặp nổi đuôi

– HS làm bài.

– HS nói kết quả – Cả lớp nhận xét xem có thoả hai ý ở bước 2.



THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Sông nước miền Tây

(1 tiết – SGK trang 52)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Ôn tập:

- Đếm, đọc, viết, nói câu tạo số, so sánh, sắp thứ tự các số trong phạm vi 10.
- Giải toán: kết hợp hình ảnh và sơ đồ tách – gộp số (chưa hoàn chỉnh), nói một tình huống thích hợp và hoàn thiện sơ đồ tách – gộp số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

- HS: 1 trái cây / em (nếu có).
- GV: 4 cái rổ nhỏ; 4 loại trái cây, quả, củ nhựa (10 quả/loại).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

KHỞI ĐỘNG

- GV yêu cầu HS viết số vào bảng con rồi đọc bạn, ví dụ:

Đố bạn, đố bạn.

Đố gì? Đố gì?

Số mấy? Số mấy?

Số 6, số 6.

- Nói câu tạo số 6 (6 gồm 5 và 1, 6 gồm 4 và 2, 6 gồm 3 và 3)
- Nói các cách gộp để được 6 (gộp 5 và 1 được 6, gộp 4 và 2 được 6, gộp 3 và 3 được 6).

LUYỆN TẬP

GV cho HS quan sát tranh rồi giới thiệu (**chợ nổi, cây bèo, ghe (thuyền), ...**)

Chợ nổi là chợ họp trên sông, nét văn hoá đặc thù của vùng sông nước miền Tây. Chợ họp cả ngày, nhưng thường nhộn nhịp nhất vào buổi sáng. Người ta buôn bán trên **ghè**. Các cửa hàng hay các **ghè** thường không có bảng hiệu, bán sản vật gì người ta treo sản vật đó lên cây sào. Cây sào này gọi là "**cây bèo**". Chẳng hạn như bán cam thì người ta treo lên vài quả cam; bán xoài thì treo vài trái xoài;... Với cách tiếp thị độc đáo này, những người mua có thể nhìn thấy từ xa.

1. Ôn tập các số trong phạm vi 10: đếm – đọc – viết – so sánh số

Bài 1: – GV có thể cho HS chơi: “Ai nhanh hơn?”.

HS làm việc theo nhóm bốn.

– GV yêu cầu HS xác định:

- số cây bẹo
- số lượng trái cây, quả, củ trên mỗi cây bẹo; kể tên các loại
- sắp xếp số mặt hàng trên các ghe từ ít tới nhiều.

(có thể giao mỗi em đếm số mặt hàng trên 1 cây bẹo, viết số vào bảng con. Sau đó, 4 em trong nhóm chia sẻ với nhau. Nhóm nào nhanh nhất được lên trình bày trước lớp).

– GV khuyến khích các em trình bày:

- có 4 cây bẹo (xanh lá, đỏ, tím, xanh biển)
- Cây bẹo xanh lá có 5 mặt hàng (mãng cụt, xoài, chuối, thanh long, dưa hấu)
Cây bẹo đỏ có 2 mặt hàng (đu đủ, dứa)
Cây bẹo tím có 4 mặt hàng (cam, sầu riêng, bí xanh/bí đao, bí đỏ/bí rợ)
Cây bẹo xanh biển có 7 mặt hàng (ớt, hành, cà chua, cà tím, cà rốt, củ cải trắng, thơm/ dứa).
- Ghe đỏ bán ít mặt hàng nhất. Rồi tới ghe tím, ghe xanh lá.
Ghe xanh biển bán nhiều mặt hàng nhất.

Bài 2:

– Tìm hiểu bài: HS quan sát tranh và sơ đồ, nhận biết nhiệm vụ cần làm.

- Nói một câu chuyện phù hợp nội dung tranh và sơ đồ
- Hoàn thành sơ đồ tách – gộp số.

– HS thảo luận và làm bài.

– Khi sửa bài, khuyến khích các em nói nhiều câu chuyện.

Ví dụ:

Mua tất cả 9 trái

Có 4 trái ở ghe bên trái

Đã nhận được 4 trái

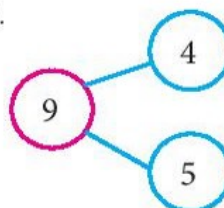
5 trái ở ghe bên phải

Còn 5 trái nữa

Tất cả là 9 trái

...

Khi HS trình bày, GV chỉ vào sơ đồ để minh họa.



2. Trò chơi: Đi chợ nổi

GV làm những lá thăm có ghi số bất kì (trong phạm vi 10), đại diện các nhóm lên bốc thăm và nhận 1 cái rô.

Các nhóm đi chợ: đọc số lượng trái cây ghi trong phiếu thăm (gồm hai loại trái cây), cả nhóm thảo luận sẽ mua gì rồi viết sơ đồ tách – gộp số vào bảng con.

Có thể tiến hành như sau:

– Ghe ơi! Ghe ơi!

– Mua gì? Mua gì?

– Mua 3 trái xoài và 4 trái cà tím (thăm của nhóm ghi số 7).

Người bán giao hàng.

Nhóm mua đưa sơ đồ tách – gộp trái cây đã mua trước lớp và trình bày.

– Mua 7 trái gồm 3 trái xoài và 4 trái cà tím, hay

Mua 3 trái xoài và 4 trái cà tím, tất cả là 7 trái.

...

Cả lớp nhận xét, hoan nghênh.

Mở rộng : GV có thể cho HS chơi “Tìm bạn”.

GV yêu cầu mỗi HS lấy bảng con và viết một số tùy thích (từ 0 đến 10).

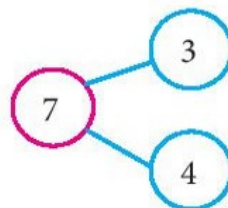
Sau đó, HS tìm thêm 2 hoặc 3 bạn nữa, sao cho 3 – 4 em có thể kết lại thành một sơ đồ tách – gộp.

Ví dụ: $7 - 2 - 5$ (7 gồm 2 và 5; 7 gồm 5 và 2; gộp 2 và 5 được 7; gộp 5 và 2 được 7);

$7 - 1 - 2 - 4$ (7 gồm 1 và 2 và 4 hoặc gộp 2 và 4 và 1 được 7...)

Nhóm nào kết nhanh nhất được thưởng.

GV có thể cho HS hát, vừa hát vừa tìm bạn, ...



KIỂM TRA

A – TRẮC NGHIỆM

I – Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1: Hình vẽ bên dưới có mấy biển báo hình tam giác?

A. 2

B. 4

C. 5



Câu 2: Có tất cả mấy cái li (cái cốc)?

A. 1

B. 5

C. 6



II – Đúng ghi đ, sai ghi s vào ☐.

Câu 1:

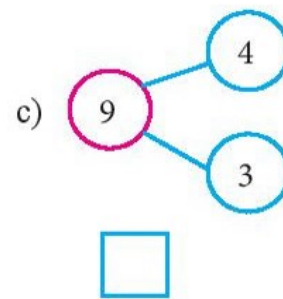
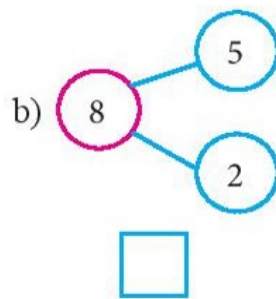
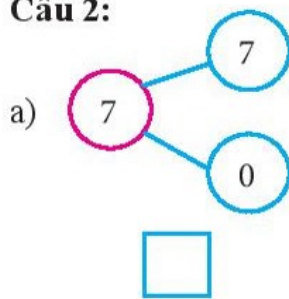


a) Thỏ ở dưới khối lập phương. ☐

b) Chó ở trên khối hộp chữ nhật. ☐

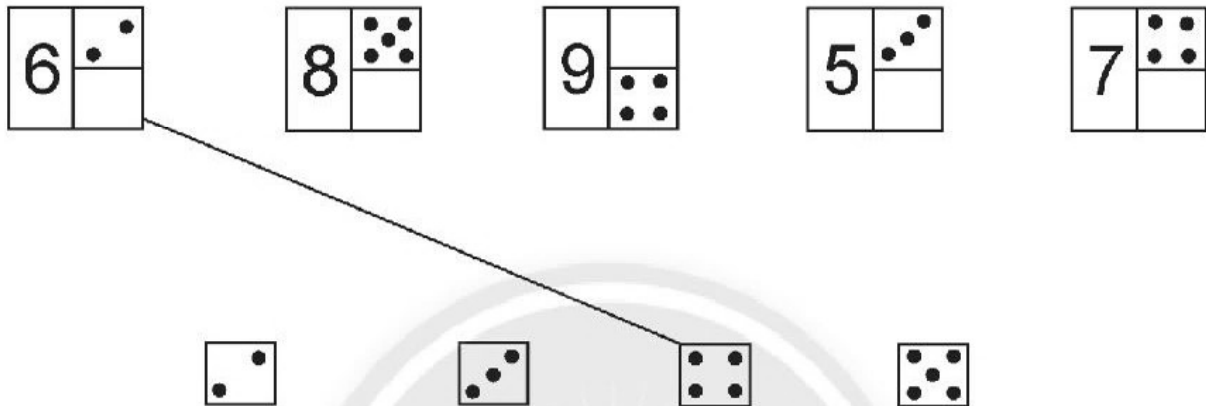
c) Gấu ở trên khối lập phương. ☐

Câu 2:

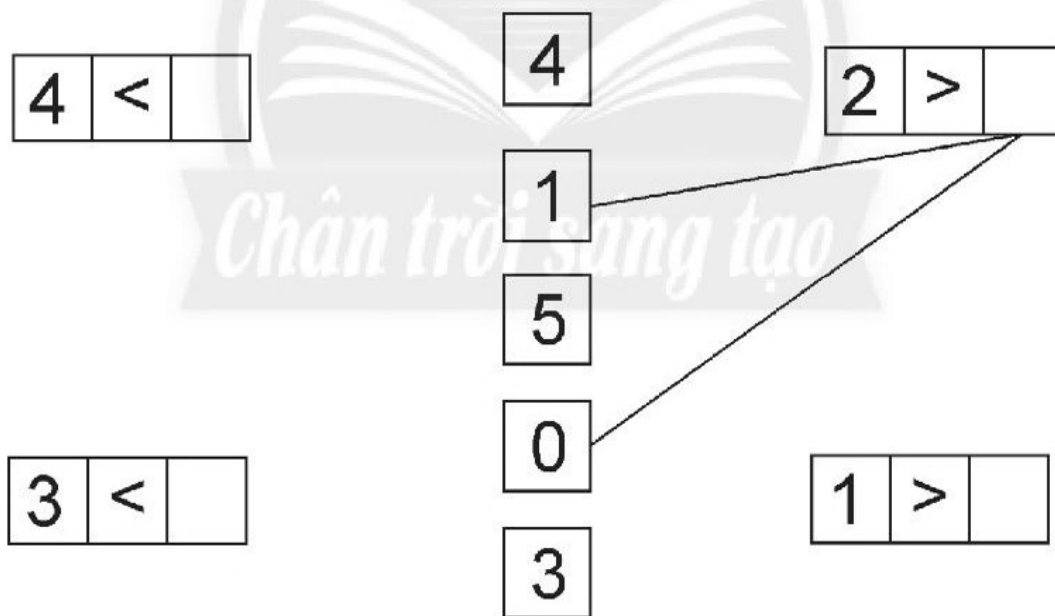


III – Nối (theo mẫu).

Câu 1:

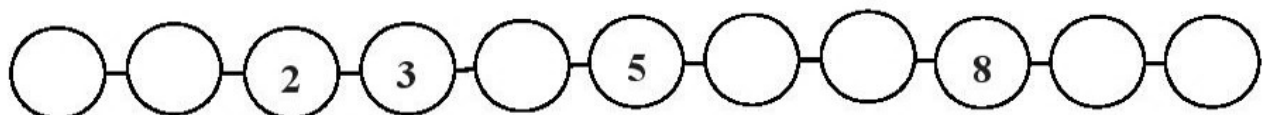


Câu 2:



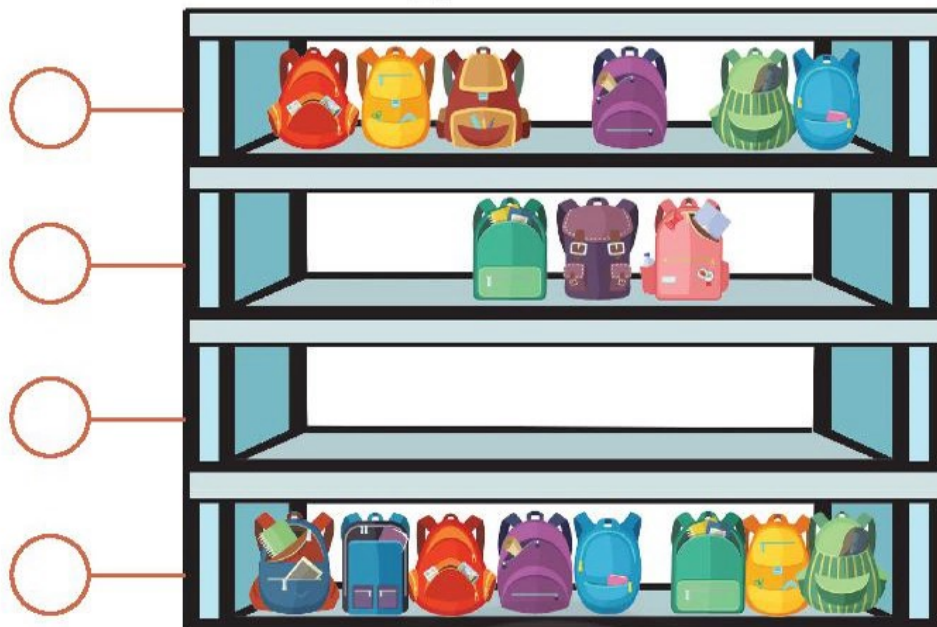
B – TỰ LUẬN

Câu 1: Sô?



Câu 2: Quan sát hình vẽ dưới đây.

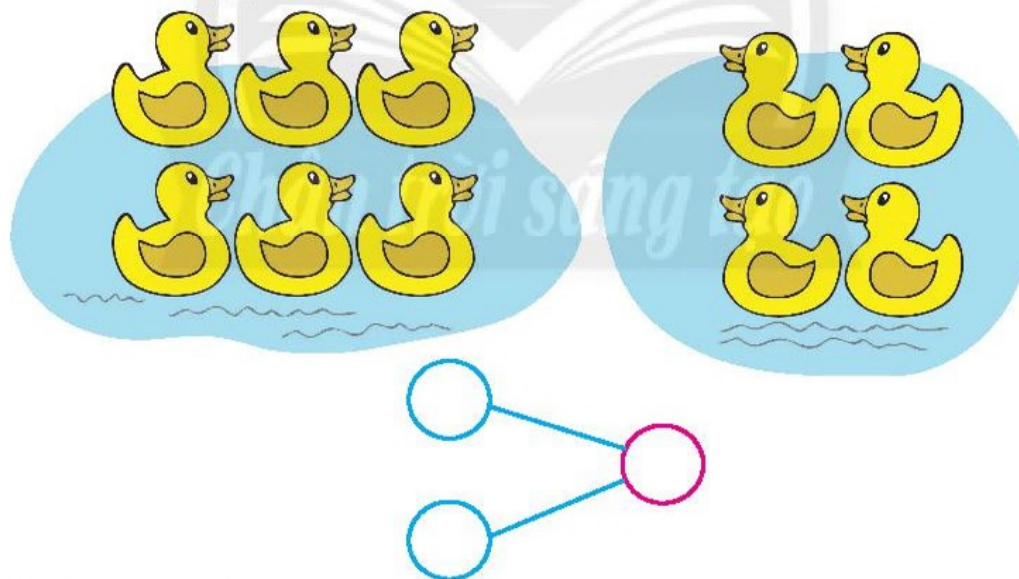
a) Viết số cặp ở mỗi ngăn vào .



b) Viết các số 6, 3, 0, 8 theo thứ tự từ lớn đến bé.

.....

Câu 3: Viết số vào cho phù hợp với hình vẽ.

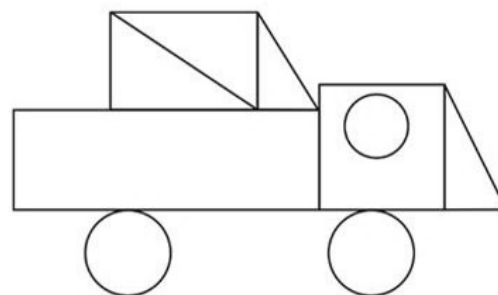


Câu 4: Viết số vào chỗ trống.

Hình vẽ bên có:

..... hình tròn

..... hình tam giác



3. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

PHÉP CỘNG

(2 tiết – SGK trang 54)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Nhận biết:

- Dấu cộng.
- Ý nghĩa của phép cộng: **gộp** lại.
- Hai thuật ngữ thể hiện ý nghĩa phép cộng: **và**, **thêm**.

– **Quan sát** tranh, **nói** được tình huống xuất hiện phép cộng, thao tác trên đồ dùng học tập thể hiện **gộp**, **viết** được phép cộng thích hợp.

– Làm quen tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể.

2. Năng lực chú trọng: mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. Thiết bị dạy học

– HS: 6 khối lập phương.

– GV: 7 khối lập phương (2 màu: 5 + 2).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

Có...

Và...

Có tất cả...

– 8 HS đứng trước lớp thành hai nhóm: bên trái 3 bạn, bên phải 5 bạn

(HS có thể đóng vai: HS ở các tỉnh thành gặp nhau,

Bò mẹ gặp bê con, trâu mẹ gặp nghé con, ...).

– GV ra hiệu lệnh, hai nhóm HS chạy lại, nhập làm một nhóm.

HS dưới lớp nói, ví dụ:

Có 3 bạn ở Thành phố Hồ Chí Minh

Và 5 bạn ở Long An

Có tất cả 8 bạn.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Hình thành phép cộng ở tình huống dùng từ “và”

a) Giới thiệu phép cộng:

- HS (nhóm đôi) **quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng theo cấu trúc câu:

“Có ...

và ...

Có tất cả”

Ví dụ: **Có** 3 bạn nữ

Và 2 bạn nam

Có tất cả 5 bạn.

- GV hướng dẫn HS dùng các khối lập phương thay số bạn, thực hiện thao tác **gộp** (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn)

Có 3 bạn nữ (đặt 3 khối lập phương bên trái)

Và 2 bạn nam (đặt 2 khối lập phương bên phải)

Có tất cả 5 bạn (hai tay gộp các khối lập phương thành một nhóm).

- GV giới thiệu phép cộng:

Có 3 bạn nữ **và** 2 bạn nam, **có tất cả** 5 bạn.

Ta **nói**: “gộp 3 và 2 được 5. ”

Ta **viết**: $3 + 2 = 5$

Đây là phép tính cộng, **đọc** là: “ba cộng hai bằng năm”.

HS **nói** và đọc trôi chảy:

Gộp 3 và 2 được 5

Ba cộng hai bằng năm.

b) Viết dấu cộng, viết phép tính cộng:

- GV giới thiệu dấu +

GV hướng dẫn cách viết.

HS viết trên bảng con.

- GV hướng dẫn viết phép tính

$$3 + 2 = 5$$

HS viết trên bảng con.

c) Thực hành thành lập các phép cộng, viết phép cộng:

- **Thực hiện mẫu**

GV giúp HS **nhận biết** và **thực hiện** được các việc theo trình tự:

- **Quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng đồng thời thực hiện **thao tác gộp** các khối lập phương.

Ví dụ: **Có 3** con bọ rùa màu đỏ (đặt 3 khối lập phương bên trái)
Và 1 con màu tím (đặt 1 khối lập phương bên phải)
Có tất cả 4 con (hai tay gộp các khối lập phương thành một nhóm).
Hoặc: **Có 1** con bọ rùa màu tím **và 3** con màu đỏ, **có tất cả 4** con.

- Thành lập phép cộng:

HS **nói**: Gộp 3 và 1 được 4

Ba cộng một bằng bốn

HS **viết**: $3 + 1 = 4$ (hoặc $1 + 3 = 4$)

HS **đọc** đồng thanh: Ba cộng một bằng bốn.

- **Làm quen** tính chất giao hoán của phép cộng:

GV lưu ý HS: viết $3 + 1 = 4$ hay $1 + 3 = 4$ đều được ($3 + 1$ cũng giống $1 + 3$ vì đều có kết quả bằng 4).

– HS thực hành bài 1 theo trình tự mẫu.

– GV khái quát:

$3 + 2 = 5$ tức là **Gộp 3 và 2** được 5.

* **Thư giãn**

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

Có...

Thêm...

Có tất cả...

– 4 HS đứng trước lớp đang chơi chung một trò chơi nào đó (chơi xe lửa, chơi kéo – búa – bao...).

– GV ra hiệu lệnh, 2 HS chạy từ dưới lên chơi cùng.

HS dưới lớp nói, ví dụ:

Có 4 bạn

Thêm 2 bạn

Có tất cả 6 bạn.

2. Hình thành phép cộng ở tình huống dùng từ “thêm”

a) Giới thiệu phép cộng:

– HS (nhóm đôi) **quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng theo cấu trúc câu:
“**Có ... thêm ... có tất cả**”

Ví dụ: **Có 5** bạn

Thêm 1 bạn

Có tất cả 6 bạn.

– GV và HS dùng các khối lập phương thay số bạn, thực hiện thao tác **gộp** (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn)

Có 5 bạn (đặt 5 khối lập phương bên trái)

Thêm 1 bạn (đặt 1 khối lập phương bên phải)

Có tất cả 6 bạn (tay phải gộp 1 khối lập phương vào nhóm 5 khối lập phương).

– GV giới thiệu phép cộng:

Có 5 bạn **thêm** 1 bạn, **có tất cả** 6 bạn.

Ta **nói**: 5 **thêm** 1 được 6, tức là **Gộp** 5 và 1 được 6.

Ta **viết**: $5 + 1 = 6$

đọc là: “năm cộng một bằng sáu”.

HS **nói** và đọc trôi chảy:

5 **thêm** 1 được 6

năm cộng một bằng sáu.

– HS **viết** $5 + 1 = 6$.

b) Thực hành thành lập các phép cộng, viết phép cộng:

HS thực hành bài 2 theo trình tự trên.

* Mở rộng: giáo dục HS an toàn khi chơi dưới nước, khi bơi, khi chơi ở công viên nước,...

CỦNG CỐ

Dùng các khối lập phương thể hiện phép tính $6 + 3 = 9$.

Nói một “câu chuyện” phù hợp phép tính trên. Có thể tổ chức thi đua giữa các tổ:

Các tổ thảo luận

Mỗi tổ cử hai bạn lên thể hiện trên bảng lớp (bảng chia thành các khu vực cho các tổ):

- Xếp các khối lập phương, thể hiện thao tác gộp
- Nói một “câu chuyện” phù hợp

(Khuyến khích các tổ nói theo hai câu trúc: Có...và...có tất cả

Có...thêm...có tất cả).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

Em tập nói phép cộng.

Ví dụ:

Nhà có 2 nữ và 1 nam, có tất cả 3 người: $2 + 1 = 3$.

Có 3 cái chén, lấy thêm 2 cái chén, có tất cả 5 cái chén: $3 + 2 = 5$.

...

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

(3 tiết – SGK trang 56)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép cộng bằng cách dùng sơ đồ tách – gộp số.
Thành lập các bảng cộng trong phạm vi 5, 6, 7, 8, 9, 10.
- Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép cộng, lập sơ đồ phù hợp, viết phép tính liên quan.
- Làm quen tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: 8 thẻ từ viết 2 bộ phép tính trong bài 4.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Có thể cho các tổ luân phiên đọc các bảng tách – gộp số từ 6 tới 10.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu cách dùng sơ đồ tách – gộp số để thực hiện phép cộng

- GV giúp HS nhận biết nhiệm vụ cần làm: $4 + 3 = ?$
- HS (nhóm đôi) **quan sát** bức tranh, GV giúp các em **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng theo cấu trúc:

Có...

Và...

Có tất cả...

- HS **thực hiện** phép cộng, **viết** vào bảng con ($4 + 3 = 7$) và **trình bày** cách làm (có thể đếm ngón tay, đếm trực tiếp trong hình, nhớ lại sơ đồ tách – gộp số, ...).
- GV hướng dẫn HS dùng sơ đồ **tách – gộp số**.

GV vừa nói, vừa viết số vào sơ đồ tách – gộp (bảng lớp), HS **viết** (bảng con):

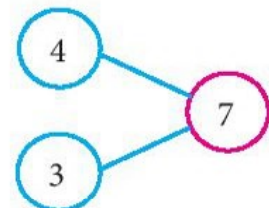
Có 4 chú ếch vàng (viết 4)

Và 3 chú ếch xanh (viết 3)

Có tất cả 7 chú ếch (viết 7).

GV và HS viết phép tính (bảng lớp,

bảng con): $4 + 3 = 7$.



HS **nói** trôi chảy:

- **Gộp 4 và 3 được 7.**
- **Bốn cộng ba bằng bảy.**

2. Thực hành dùng sơ đồ tách – gộp số để thực hiện phép cộng

– Thực hiện mẫu, GV giúp HS làm các việc theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ cần làm: $7 + 3 = ?$
- **Xem tranh**, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng
- **Lập** sơ đồ tách – gộp số
- **Viết** phép tính, **đọc** phép tính.

– HS thực hiện bài 1 và bài 2 theo trình tự mẫu.

- GV khái quát:
- * gộp 4 và 4 được 8
→ $4 + 4 = 8$ (bốn cộng bốn bằng tám)
 - * gộp 2 và 7 được 9
→ $2 + 7 = 9$ (hai cộng bảy bằng chín).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

a) GV hướng dẫn HS dựa vào sơ đồ tách – gộp số để **lập** bảng cộng trong phạm vi 5.

– GV yêu cầu HS lần lượt đọc sơ đồ gộp 5 và viết phép tính tương ứng vào bảng con:

Nói: gộp 4 và 1 được 5

Viết: $4 + 1 = 5$

$1 + 4 = 5$.

GV lưu ý HS:

- $4 + 1$ cũng giống như $1 + 4$ vì cùng bằng 5
- Nếu HS đọc theo sơ đồ tách: 5 **gồm 4 và 1**

GV hỏi: vậy **gộp 4 và 1 được** mấy?

– HS tiếp tục **hoàn thiện** sơ đồ và **viết** các phép tính còn lại vào bảng con.

b) Lập bảng cộng trong phạm vi 6: HS thực hiện theo câu a.

Lưu ý: GV có thể yêu cầu HS **che** các bảng cộng mới thành lập, dựa vào bảng tách – gộp số, **đọc** trôi chảy bảng cộng.

Bài 2:

GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép, tổ chức cho HS (nhóm 3) thực hiện các phép tính vào bảng con.

- Mỗi HS **thực hiện** 1 cột phép tính. Sau đó, 3 em **chia sẻ** cho nhau.
- HS **trình bày** theo nhóm – cả lớp **nhận xét**.

Lưu ý, trước khi làm bài GV có thể hỏi HS, ví dụ:

Đề biết $1 + 3 = ?$ ta dựa vào đâu? (**gộp 1 và 3 được 4**).

Bài 3:

– HS làm cá nhân.

– Khi sửa bài:

Có thể chia hai đội sửa thi đua, tiếp sức.

GV khuyến khích các em **giải thích** tại sao tìm được kết quả như vậy.

Bài 4:

– HS **xác định** nhiệm vụ phải làm (viết dấu $>$, $=$, $<$ vào ô trống).

– Sửa bài:

GV gắn các thẻ phép tính lên bảng lớp (như SGK), chia lớp thành 2 đội rồi tổ chức cho HS chơi tiếp sức: Nối toa xe lửa.

HS lần lượt **điền** dấu vào ô trống. Đội nào làm xong trước và đúng hết thì thắng cuộc.

GV cho HS **nói** lí do chọn dấu để điền.

Có thể thực hiện lần lượt từng phép tính rồi so sánh kết quả.

Bài 5:

– GV hướng dẫn HS **tìm hiểu** mẫu:

- 7 là tổng được viết ở thân xe, các kiện hàng là các phép tính có tổng bằng 7.

- HS **đọc** bảng tách – gộp 7, với mỗi trường hợp tách – gộp **viết** phép cộng tương ứng:

Ví dụ: **Đọc:** gộp 6 và 1 được 7 – **Viết:** $6 + 1$.

HS tiếp tục thực hiện với các phép tính còn lại.

– Tương tự với xe số 8, số 9 và số 10.

– GV giới thiệu các bảng cộng thu gọn trong phạm vi 7, 8, 9, 10.

HS đọc thành thạo các bảng cộng.

Lưu ý, với mỗi phép cộng đọc hai trường hợp.

Ví dụ: $6 + 1$

Đọc: Sáu cộng một bằng bảy

Một cộng sáu bằng bảy.

Bài 6: Thực hiện giống bài 2.

Bài 7:

– HS quan sát hình vẽ và mô tả (chim đà điểu, trứng, số, phép tính).

Xác định nhiệm vụ: Giúp đà điểu tìm trứng.

Những quả trứng có tổng là 7 thì thuộc về con đà điểu mang số 7, tương tự con đà điểu mang số 10 là chủ nhân của những quả trứng có tổng là 10.

– HS làm bài.

– Sửa bài: HS đọc chữ số trên đà điểu, đọc các phép tính trên trứng

$$7 = 2 + 5 = 3 + 4 = 1 + 6$$

$$10 = 1 + 9 = 3 + 7 = 2 + 8 = 5 + 5 = 4 + 6.$$

Bài 8:

- HS **thảo luận** nhóm bốn, **nhận biết** yêu cầu của bài:

Nêu hai câu chuyện rồi **viết** hai phép tính cộng thích hợp trong phạm vi 10.

Ví dụ:

- **Có** 7 con chim đậu trên cành

Và 2 con chim đang bay

Có tất cả 9 con chim

$$7 + 2 = 9$$

- **Có** 3 con gà trống

Và 5 con gà mái

Có tất cả 8 con gà

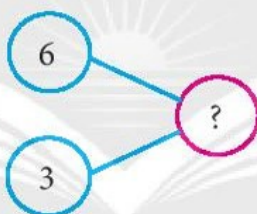
$$3 + 5 = 8$$

- Lưu ý, đây là bài toán mở, khuyến khích HS quan sát tranh dưới nhiều góc độ khác nhau (màu sắc, vị trí, hình dạng, kích cỡ,...)

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn?” (chia lớp thành 2 đội)

- GV đưa ra sơ đồ tách – gộp số chưa hoàn chỉnh:



- GV yêu cầu:

- 1 đội **nêu** câu chuyện và **hoàn thiện** sơ đồ vào bảng con.
- 1 đội **nêu** câu chuyện và **viết** phép tính thích hợp vào bảng con.

- Đội nào có tất cả HS làm xong trước thì thắng cuộc.

CỘNG BẰNG CÁCH ĐẾM THÊM

(2 tiết – SGK trang 60)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép cộng bằng cách đếm thêm.
- Hình thành thao tác đếm thêm bằng các ngón tay.
- Sử dụng đếm thêm để tìm “tất cả”.
- Sử dụng mẫu câu: “...thêm...được...” để thông báo.

- Thực hiện phép cộng một số với 0 và ngược lại.
- Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.
- Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép cộng, viết phép tính liên quan.
- Vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng, tính hợp lý (đếm thêm từ số lớn).

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV: 8 khối lập phương (2 màu: 5 + 3).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi “Đố bạn”.

Ví dụ: 4 thêm 2

6 thêm 3

5 thêm 5

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu cách thực hiện phép cộng bằng đếm thêm

– HS hoạt động nhóm bốn theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ ($5 + 2 = ?$)
- **Quan sát** tranh, nói “câu chuyện” phù hợp phép cộng trên theo câu trúc:

Có...

Thêm...

Có tất cả...

- **Giải thích** cách thể hiện phép tính bằng các khối lập phương trong SGK.
 - **Viết** phép tính ($5 + 2 = 7$) và **giải thích** cách tìm kết quả (HS có thể đếm kiến, khối lập phương, dùng sơ đồ tách – gộp số,...).
- GV hướng dẫn HS thực hiện phép cộng bằng cách đếm thêm:
- **Có 5 con kiến** (GV và HS **lấy** ra 5 khối lập phương – GV gắn lên bảng lớp; HS để trên bàn)

Thêm 2 con nữa (**Lấy** tiếp 2 khối lập phương để cách khối nhóm 5 khối – GV dùng 2 khối khác màu).

Có tất cả mấy con kiến?

- GV hướng dẫn cách đếm

+ Sử dụng khối lập phương:

GV chỉ vào cả thanh 5 khối lập phương xanh (HS chỉ vào nhóm 5 khối và **nói** 5).

GV chỉ lần lượt các khối lập phương đỏ (HS **đếm** 6, 7).

HS **nói**: 5 **thêm** 2 được 7.

+ Sử dụng ngón tay:

GV làm mẫu (vừa nói, vừa minh họa bằng tay): **Năm**, sáu, bảy (bật từng ngón)



Nói: 5 **thêm** 2 được 7

Viết: $5 + 2 = 7$

GV giúp HS **nhận biết**, thêm 2 thì bật 2 ngón tay.

HS **làm** theo (nhiều lần).

HS **thực hành** đếm thêm một số trường hợp (cả lớp đưa tay).

2. Thực hành dùng cách đếm thêm để thực hiện phép cộng

Bài 1: Đếm thêm trên các khối lập phương

– GV cùng HS thực hiện mẫu theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ ($4 + 2 = ?$).
- **Quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” phù hợp phép tính.
- **Đếm thêm** tìm kết quả.

HS 1: đếm thêm trên khối lập phương

GV và HS **lấy** ra 4 khối lập phương.

Lấy tiếp 2 khối lập phương để cách khối nhóm 4 khối

(GV gắn trên bảng lớp, HS để trên bàn).

GV và HS cùng **đếm** (kết hợp thao tác tay)

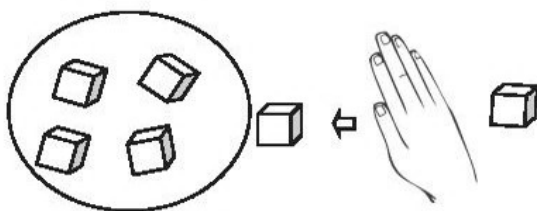
Bốn,

Năm, (tay **gạt 1 khối** vào nhóm 4 khối),

Sáu (**gạt tiếp 1 khối** còn lại vào nhóm 5 khối).

Nói: 4 **thêm** 2 được 6.

Viết: $4 + 2 = 6$



HS 2: dùng các ngón tay để đếm thêm (4), **viết** phép tính.

- Hai HS **so sánh** kết quả. Cả lớp **đọc** phép tính.

– HS (nhóm đôi) cùng thực hành các câu của bài.

Bài 2:

– GV cùng HS thực hiện mẫu theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ ($8 + 2 = ?$).
- **Quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” phù hợp phép tính.
- **Đếm thêm** tìm kết quả.
- **Viết và đọc** phép tính.

– HS **thực hành** $6 + 3 = ?$ theo trình tự mẫu.

– Khái quát:

$8 + 2 = 10$ vì 8 thêm 2 được 10

$6 + 3 = 9$ vì 6 thêm 3 được 9.

Mở rộng: GV có thể nói về những điều tốt đẹp của kiến:

Mạnh khoẻ (tranh thứ nhất)

Siêng năng (tranh thứ hai)

Tốt bụng (giúp đỡ nhau khi hoạn nạn – tranh thứ ba)

...

LUYỆN TẬP

Bài 1:

HS dùng cách **đếm thêm** để thực hiện phép tính.

- HS làm việc theo nhóm bốn: mỗi em **thực hiện** ba phép tính. Sau đó, các em **chia sẻ** với nhau.
- HS **nêu** kết quả và cách làm.
- GV lưu ý HS “đếm thêm từ số lớn thì dễ hơn”.

Bài 2:

– Mẫu: HS **quan sát** tranh, **nêu** từng “câu chuyện” phù hợp với phép tính, rồi **thực hiện** phép tính ($3 + 2$, $5 + 1$).

– GV giới thiệu một “câu chuyện” và cách tính toán thể hiện nội dung bức tranh:

Có 3 bạn đang đọc sách

Thêm 2 bạn rồi lại **thêm** 1 bạn nữa

Tất cả có bao nhiêu bạn?

$$3 + 2 + 1 = ?$$

GV hướng dẫn làm từ trái qua phải, HS **chỉ cần viết kết quả cuối cùng**

$$3 + 2 + 1 = 6.$$

* Mở rộng:

$$3 + 2 + 1$$

Thêm 2, thêm 1 tức là thêm 3.

Ta có thể tính $2 + 1 = 3$

$$3 + 3 = 6.$$

– HS tiếp tục **thực hiện** các phép tính còn lại từ trái sang phải.

Bài 3:

- a) – HS **nêu** từng câu chuyện phù hợp với phép tính, rồi **thực hiện** phép tính.
– GV khái quát:
Một số cộng với 0 (hoặc 0 cộng với một số) thì bằng chính số đó.
- b) – HS **thực hiện** các phép tính.
– Khi sửa bài, khuyến khích HS **nói** cách tìm kết quả (theo nhận xét khái quát trên).

CỦNG CỐ

Chơi: Ai nhanh tay?

GV đọc phép tính.

HS **thực hiện** và **viết** phép tính vào bảng con rồi **nêu** cách tính.

Ví dụ: $6 + 2 = ?$

$6 + 2 = 8$

...

PHÉP TRỪ

(2 tiết – SGK trang 62)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết:
 - Ý nghĩa của phép trừ: tách ra.
 - Hai thuật ngữ thể hiện ý nghĩa phép trừ: **bớt đi, còn lại**.
- **Quan sát** tranh, **nói** được tình huống xuất hiện phép trừ, thao tác trên đồ dùng học tập thể hiện **tách, viết** được phép trừ thích hợp.
- Bước đầu nhận biết mối quan hệ cộng trừ qua sơ đồ Ven.

2. Năng lực chú trọng: mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

- HS & GV: 10 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

Có...

Bớt...

Còn lại...

- 8 HS đứng trước lớp.
- GV ra hiệu lệnh, 3 HS chạy ra ngoài.
- HS dưới lớp nói, ví dụ:
Có 8 bạn
Bớt 3 bạn
Còn lại 5 bạn.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Hình thành phép trừ ở tình huống dùng từ “bớt”

a) Giới thiệu phép trừ:

– HS (nhóm đôi) **quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ theo cấu trúc câu: “**Có... bớt... Còn lại...**”

Ví dụ: **Có 5 con sóc**

Bớt 2 con sóc

Còn lại 3 con sóc

– GV hướng dẫn HS dùng các khối lập phương thay số sóc, thực hiện thao tác tách (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn)

Có 5 con sóc (đặt 5 khối lập phương)

Bớt 2 con sóc (gạt 2 khối lập phương sang một bên)

Còn lại 3 con sóc (tay chỉ vào 3 khối lập phương còn lại).

– GV giới thiệu phép trừ:

Có 5 con sóc, bớt 2 con sóc, còn lại 3 con sóc.

Ta **nói**: “5 bớt 2 còn 3”.

Ta **viết**: $5 - 2 = 3$.

Đây là phép tính trừ, **đọc** là: “năm trừ hai bằng ba”.

HS **nói** và đọc trôi chảy:

5 bớt 2 còn 3

năm trừ hai bằng ba.

b) Viết dấu trừ, viết phép tính trừ:

– GV giới thiệu dấu –.

GV hướng dẫn cách viết. HS viết.

– GV hướng dẫn viết phép tính

$$5 - 2 = 3$$

HS viết.

c) Thực hành thành lập các phép trừ, viết phép trừ (bài 1):

– **Thực hiện mẫu**: GV giúp HS **nhận biết** và **thực hiện** được các việc theo trình tự:

- **Quan sát tranh, nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ, đồng thời thực hiện thao tác tách các khối lập phương.

Ví dụ: **Có** 2 con bướm (đặt 2 khối lập phương)
Bớt 1 con bướm (gạt 1 khối lập phương sang một bên)
Còn lại 1 con bướm (tay chỉ 1 khối lập phương còn lại).

Thành lập phép trừ:

HS **nói**: 2 bớt 1 còn 1

Hai trừ một bằng một.

HS **viết**: $2 - 1 = 1$

HS **đọc** đồng thanh: Hai trừ một bằng một.

- HS **thực hành** các câu a, b theo trình tự mẫu.
- GV khái quát: $5 - 2 = 3$ tức là **có 5, tách bớt 2, còn lại 3**.

* **Thư giãn**

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

Có...

Trong đó có...

Còn lại...

– 5 HS đứng trước lớp (GV khéo léo thu xếp để có cả nam và nữ, cao và thấp, tóc dài và tóc ngắn,...)

– HS dưới lớp nói, ví dụ:

Có 5 bạn

Trong đó có 2 bạn nam

Còn lại 3 bạn nữ

...

2. Hình thành phép trừ ở tình huống “tách” để tìm phần “còn lại”

a) **Giới thiệu phép trừ:**

– HS (nhóm đôi) **quan sát tranh, nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ theo cấu trúc câu: “**Có ... trong đó ... còn lại**” (GV yêu cầu nói về số gà trống, số gà mái).

Ví dụ: **Có** 6 con gà

Trong đó có 1 gà trống

Còn lại 5 gà mái.

– GV và HS dùng các khối lập phương thay số gà, thực hiện thao tác **tách** (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn).

Có 6 con gà (đặt 6 khối lập phương)

Trong đó có 1 gà trống (gạt 1 khối lập phương sang một bên)

Còn lại 5 gà mái (tay chỉ 5 khối lập phương còn lại).

– GV giới thiệu phép trừ:

Có 6 con gà, trong đó có 1 gà trống, còn lại 5 gà mái

Ta **nói**: **6 tách 1 còn 5**

Ta **viết**: $6 - 1 = 5$

đọc là : “sáu trừ một bằng năm”.

HS **nói** và đọc trôi chảy:

6 tách 1 còn 5

sáu trừ một bằng năm.

– HS **viết** $6 - 1 = 5$.

b) Thực hành thành lập các phép trừ, viết phép trừ (bài 2):

– Thực hiện mẫu

GV giúp HS **nhận biết** và **thực hiện** được các việc theo trình tự:

- **Quan sát tranh, nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ, đồng thời thực hiện **thao tác tách** các khối lập phương.

Ví dụ: **Có 4 trái táo (đặt 4 khối lập phương)**

Trong đó có 1 trái xanh (gạt 1 khối lập phương sang một bên)

Còn lại 3 trái táo đỏ (tay chỉ 3 khối lập phương còn lại).

- Thành lập phép trừ:

HS **nói**: **4 tách 1 còn 3**

Bốn trừ một bằng ba.

HS **viết**: $4 - 1 = 3$

HS **đọc** đồng thanh: Bốn trừ một bằng ba.

– HS **thực hành** các câu a, b theo trình tự mẫu.

Lưu ý câu b, HS có thể thành lập $4 - 3 = 1$ hay $4 - 1 = 3$, tuy nhiên phải phù hợp “câu chuyện”.

– GV khái quát: $6 - 1 = 5$ tức là **có 6, tách 1, còn lại 5**.

3. Sơ đồ Ven

GV vẽ sơ đồ Ven lên bảng lớp, GV vẽ, HS đếm.

Ví dụ: GV vẽ 1 chấm tròn, HS đếm 1.

GV vẽ thêm 1 chấm tròn, HS đếm 2.

GV khoanh 2 chấm tròn và hỏi: có mấy chấm tròn, HS trả lời: 2 chấm tròn, GV viết (hoặc gắn thẻ) số 2.

Tương tự với 1 chấm tròn.

GV khoanh và hỏi có tất cả mấy chấm tròn, HS trả lời: 3 chấm tròn.

GV yêu cầu HS viết phép tính từ sơ đồ Ven vào bảng con (1 HS/phép tính).

GV tổng hợp chọn đủ 4 phép tính viết lên bảng lớp.

GV giới thiệu mối quan hệ cộng trừ.

CỦNG CỐ

Dùng các khối lập phương thể hiện phép tính $9 - 3 = 6$.

Nói một “câu chuyện” phù hợp phép tính trên.

Có thể tổ chức thi đua giữa các tổ:

Các tổ thảo luận.

Mỗi tổ cử hai bạn lên thể hiện trên bảng lớp (bảng chia thành các khu vực cho các tổ):

- Xếp các khối lập phương, thể hiện thao tác tách
- Nói một “câu chuyện” phù hợp

(Khuyến khích các tổ nói theo hai cấu trúc: **Có ... bớt ... còn lại ...**

Có ... trong đó ... còn lại ...

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

(3 tiết – SGK trang 64)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Thực hiện được phép trừ bằng cách dùng sơ đồ tách – gộp số.
- Thành lập các bảng trừ trong phạm vi 5, 6, 7, 8, 9, 10.
- Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép trừ, lập sơ đồ phù hợp, viết phép tính liên quan.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: 8 thẻ từ viết 2 bộ phép tính trong bài 4.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Có thể cho các tổ luân phiên đọc các bảng tách – gộp số từ 6 tới 10.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu cách dùng sơ đồ tách – gộp số để thực hiện phép trừ

- GV giúp HS nhận biết nhiệm vụ cần làm: $7 - 3 = ?$

– HS (nhóm đôi) **quan sát** bức tranh, GV giúp các em **nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ theo câu trúc:

Có...

Trong đó có...

Còn lại...

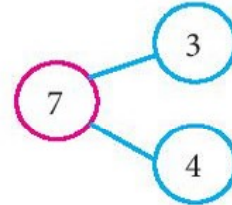
- HS **thực hiện** phép trừ, **viết** vào bảng con ($7 - 3 = 4$) và **trình bày** cách làm (có thể đếm ngón tay, đếm trực tiếp trong hình, nhớ lại sơ đồ tách – gộp số, ...).
- GV hướng dẫn HS dùng sơ đồ **tách – gộp** số.

GV vừa nói, vừa viết số vào sơ đồ tách – gộp số (bảng lớp), HS **viết** (bảng con):

Có 7 chú ếch (viết 7).

Trong đó có 3 chú ếch xanh (viết 3).

Còn lại 4 chú ếch vàng (viết 4).



GV và HS viết phép tính (bảng lớp,

bảng con): $7 - 3 = 4$.

HS **nói** trôi chảy:

- **7 tách 3 còn 4**
- **Bảy trừ ba bằng bốn.**

2. Thực hành dùng sơ đồ tách – gộp số để thực hiện phép trừ

– Thực hiện mẫu, GV giúp HS làm các việc theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ cần làm: $10 - 3 = ?$
- **Xem** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ.

Ví dụ: Có 10 con chuồn chuồn

Trong đó có 3 con chuồn chuồn đỏ

Còn lại 7 con màu xanh.

- **Lập** sơ đồ tách – gộp số.
- **Viết** phép tính, đọc phép tính.

– HS thực hiện bài 1 và bài 2 theo trình tự mẫu.

- GV khái quát:
 - * 8 tách 4 còn 4 (hoặc 8 bớt 4 còn 4)
→ $8 - 4 = 4$ (tám trừ bốn bằng bốn).
 - * 9 tách 7 còn 2
→ $9 - 7 = 2$ (chín trừ bảy bằng hai).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

a) GV hướng dẫn HS dựa vào sơ đồ tách – gộp số để **lập** bảng trừ trong phạm vi 5.

– GV yêu cầu HS lần lượt đọc sơ đồ tách – gộp 5 và viết phép tính tương ứng vào bảng con:

Nói: 5 gồm 4 và 1

Viết: $5 - 1 = 4$

$5 - 4 = 1$.

– HS tiếp tục **hoàn thiện** sơ đồ và **viết** các phép tính còn lại vào bảng con.

b) Lập bảng trừ trong phạm vi 6: HS thực hiện theo câu a.

Lưu ý: GV có thể yêu cầu HS **che** các bảng trừ mới thành lập, dựa vào bảng tách – gộp số, **đọc** trôi chảy bảng trừ.

Bài 2:

GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép, tổ chức cho HS (nhóm ba) thực hiện các phép tính vào bảng con.

– Mỗi HS **thực hiện** 1 cột phép tính. Sau đó, 3 em **chia sẻ** cho nhau.

– HS **trình bày** theo nhóm – Cả lớp **nhận xét**.

Lưu ý, trước khi làm bài GV có thể hỏi HS, ví dụ:

Để biết $4 - 3 = ?$ ta dựa vào đâu? (**4 gồm 3 và 1**).

Bài 3:

– HS làm cá nhân

– Khi sửa bài:

Có thể chia hai đội sửa thi đua, tiếp sức.

GV khuyến khích các em **giải thích** tại sao tìm được kết quả như vậy.

Bài 4:

– HS **xác định** nhiệm vụ phải làm (viết dấu $>$, $=$, $<$ vào ô trống).

– Sửa bài:

GV gắn các thẻ phép tính lên bảng lớp (như SGK trang 65), chia lớp thành 2 đội rồi tổ chức cho HS chơi tiếp sức: Nói toa xe lửa.

HS lần lượt **viết** dấu vào ô trống. Đội nào làm xong trước và đúng hết thì thắng cuộc.

GV cho HS **nói** lí do chọn dấu để điền.

- Có thể thực hiện lần lượt từng phép tính rồi so sánh kết quả.

Bài 5:

– GV hướng dẫn HS **tìm hiểu** mẫu:

- Số 7 ở trên đầu cánh bướm để chỉ bảng trừ thu gọn trong phạm vi 7.

Phía dưới gồm các phép tính trong bảng này.

- HS **đọc** bảng tách – gộp 7, với mỗi trường hợp tách – gộp **viết** phép trừ tương ứng:

Ví dụ: **Đọc:** 7 gồm 6 và 1. **Viết:** $7 - 1 = 6$.

HS tiếp tục thực hiện với các phép tính còn lại.

– Tương tự với thuyền số 8, số 9 và số 10.

– GV giới thiệu các bảng trừ thu gọn trong phạm vi 7, 8, 9, 10.

HS đọc thành thạo các bảng trừ.

Lưu ý, với mỗi phép trừ đọc hai trường hợp.

Ví dụ: $7 - 1 = 6$

Đọc: Bảy trừ một bằng sáu

Bảy trừ sáu bằng một.

Bài 6: Thực hiện giống bài 2.

Bài 7:

– HS quan sát hình vẽ và xác định nhiệm vụ: Tìm bóng cho cá heo.

Quả bóng số 1, quả bóng số 2.

Những con cá heo ghi phép tính có kết quả là 1 chơi quả bóng số 1. Tương tự, những con cá heo ghi phép tính có kết quả là 2 chơi quả bóng số 2.

– HS làm bài.

– Sửa bài: HS đọc chữ số trên quả bóng, đọc các phép tính trên cá heo:

$$1 = 9 - 8 = 10 - 9 = 8 - 7$$

$$2 = 10 - 8 = 8 - 6 = 9 - 7.$$

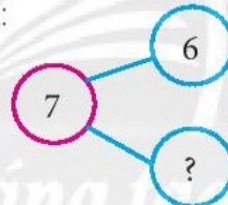
Bài 8:

Cho HS quan sát tranh rồi viết các phép tính thích hợp.

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn?” (chia lớp thành 2 đội).

– GV đưa ra sơ đồ tách – gộp chưa hoàn chỉnh:



– GV yêu cầu:

- 1 đội nêu câu chuyện và hoàn thiện sơ đồ vào bảng con.
- 1 đội nêu câu chuyện và viết phép tính thích hợp vào bảng con.

– Đội nào có tất cả HS làm xong trước và đúng thì thắng cuộc.

TRỪ BẰNG CÁCH ĐẾM BỚT

(2 tiết – SGK trang 68)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

– Thực hiện được phép trừ bằng cách đếm bớt.

– Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng và trừ.

– Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép trừ, viết phép tính liên quan.

– Làm quen với quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trên các trường hợp cụ thể.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV: 8 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi “Đố bạn”.

Ví dụ: 7 bớt 2

10 bớt 3

9 bớt 3

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu cách thực hiện phép trừ bằng cách đếm bớt

– HS hoạt động nhóm bốn theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ ($8 - 2 = ?$)
- **Quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” phù hợp phép trừ trên theo cấu trúc:

Có...

Bớt...

Còn lại...

- **Giải thích** cách thể hiện phép tính bằng các khối lập phương trong SGK trang 68.
- **Viết** phép tính ($8 - 2 = 6$) và **giải thích** cách tìm kết quả.
(HS có thể đếm hũ mật, khối lập phương, dùng sơ đồ tách – gộp số, ...).

– GV hướng dẫn HS thực hiện phép trừ bằng cách đếm bớt:

- **Có** 8 hũ mật (đưa thanh 8 khối lập phương cùng màu)

Bớt 2 hũ mật (che lấp 2 khối như SGK)



Còn lại mấy hũ mật?

GV viết phép tính: $8 - 2 = ?$

- GV hướng dẫn cách đếm
+ Sử dụng khối lập phương :

GV chỉ vào cả thanh 8 khối lập phương rồi chỉ lần lượt (từ phải sang trái) 2 khối lập phương bị che “lấp ló”.

HS **nói** (theo tay chỉ của GV):

8 bớt 1 còn 7

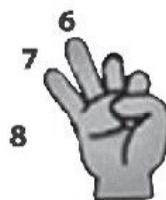
bớt 1 còn 6

8 **bớt 2 còn 6.**

+ Sử dụng ngón tay

GV làm mẫu (vừa nói, vừa minh họa bằng tay):

Tám, bảy, sáu (bật từng ngón)



Nói: 8 **bớt 2 còn 6.**

Viết: $8 - 2 = 6$.

GV giúp HS **nhận biết**, bớt 2 thì bật 2 ngón tay.

HS **làm** theo (nhiều lần).

HS **thực hành** đếm thêm một số trường hợp (cả lớp đưa tay).

2. Thực hành dùng cách đếm bớt để thực hiện phép trừ

– GV cùng HS (nhóm đôi) thực hiện mẫu theo trình tự:

- **Xác định** nhiệm vụ ($7 - 3 = ?$)
- **HS 1:** đếm **bớt** trên các **khối lập phương**, **viết** phép tính.

GV và HS **lấy** ra 7 khối lập phương

(GV gắn trên bảng lớp, HS để trên bàn)

GV và HS cùng đếm (kết hợp thao tác tay)

Bảy,

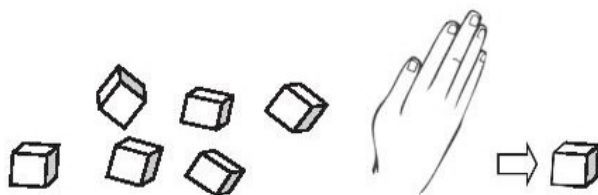
Sáu, (tay **gạt 1 khối** ra khỏi nhóm),

Năm, (gạt tiếp **1 khối** ra khỏi nhóm),

Bốn (gạt tiếp **1 khối** ra khỏi nhóm).

Nói: 7 **bớt 3 còn 4.**

Viết: $7 - 3 = 4$





- **HS 2: đếm bớt** trên **ngón tay** (7), **viết** phép tính.
- Hai HS **so sánh** kết quả. Cả lớp **đọc** phép tính.
- HS **thực hành** theo trình tự mẫu, lưu ý hai HS luân phiên đổi vai.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

HS dùng cách **đếm bớt** để thực hiện phép tính.

– HS làm việc theo nhóm ba: mỗi em **thực hiện** hai phép tính. Sau đó, các em **chia sẻ** với nhau.

– HS **nêu** kết quả và cách làm.

Bài 2:

– HS **quan sát** hình vẽ, **nêu** từng “câu chuyện” phù hợp với phép tính, rồi **thực hiện** phép tính ($6 - 2, 4 + 1$).

– GV giới thiệu một “câu chuyện” và cách tính toán thể hiện nội dung cả hai hình ảnh:

Có 6 chấm tròn

Bỏ bớt 2 chấm tròn rồi lại vẽ **thêm 1** chấm tròn

Bây giờ có bao nhiêu chấm tròn?

$$6 - 2 + 1 = ?$$

– GV hướng dẫn làm từ trái qua phải, HS **chỉ cần viết kết quả cuối cùng**

$$6 - 2 + 1 = 5.$$

– HS tiếp tục **thực hiện** các phép tính từ trái sang phải.

Bài 3:

a) GV giúp HS **thực hiện** theo trình tự:

– **Mô tả** hình vẽ theo ngôn ngữ của sơ đồ tách – gộp số.

Ví dụ: 5 miếng dưa **gồm** 3 miếng chưa ăn **và** 2 miếng đã ăn.

– **Lập** sơ đồ tách – gộp số phù hợp.

– **Viết** bốn phép tính liên quan.

b) HS **thực hiện** theo trình tự câu a.

Khi sửa bài, theo tay chỉ của GV trên sơ đồ, HS đọc bốn phép tính.

CỦNG CỐ

Chơi: Ai nhanh tay?

GV đọc lần lượt một số phép tính (cả phép cộng và phép trừ), HS **thực hiện** và **viết** phép tính vào bảng con rồi **nêu** cách tính.

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

- Có 3 kẹo đỏ và 4 kẹo xanh, có tất cả 7 cái kẹo.
- Có 4 kẹo xanh và 3 kẹo đỏ, có tất cả 7 cái kẹo.

Vậy: $3 + 4$ và $4 + 3$ có kết quả bằng nhau.

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

(3 tiết – SGK trang 70)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập:

Thực hiện được các phép tính cộng – trừ nhằm trong phạm vi 10 bằng cách đếm thêm – đếm bớt, dùng sơ đồ tách – gộp số, dùng các bảng cộng – trừ.

Thực hành tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ.

– Nhận biết vai trò của số 0 trong các phép tính cộng, trừ (qua các trường hợp cụ thể).

Thực hiện các phép cộng, trừ có liên quan tới số 0.

– Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ (qua các trường hợp cụ thể).

Làm quen với việc tìm thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ.

– Sử dụng ngón tay để trừ bằng cách đếm thêm.

– Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép tính (cộng, trừ), viết phép tính liên quan.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. Thiết bị dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi “Đố bạn”.

HS thực hiện một vài phép tính (cộng, trừ).

Giải thích cách tìm kết quả (khuyến khích nói nhiều cách).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

a) GV giới thiệu bảng cộng: gồm các bảng cộng trong phạm vi từ 2 tới 10, HS thực hiện các việc:

– Tìm và đọc thành thạo các bảng cộng (theo màu).

Ví dụ: Bảng cộng trong phạm vi 10

$$9 + 1 = 10$$

$$8 + 2 = 10$$

...

$$1 + 9 = 10$$

- Nhóm bốn thảo luận về các phép cộng theo cột, theo hàng
 - Các kết quả lớn dần: 2, 3, 4, ..., 10 (từ trên xuống dưới, từ trái sang phải)
 - Tại sao? (cột đầu: số thứ nhất đều là 1, số thứ hai lớn dần; ...).

b) Bảng trừ: thực hiện tương tự bảng cộng.

c) HS đọc bốn phép tính từ sơ đồ đã cho.

HS thực hiện một vài phép tính và giải thích cách tìm kết quả.

Ví dụ: $7 + 3 = 10$ (dùng sơ đồ tách – gộp số, đếm thêm hay bảng cộng)

$10 - 3 = 7$ (dùng sơ đồ tách – gộp số, đếm bớt, bảng trừ hay dựa vào phép cộng trên).

Bài 2:

- HS làm bài.
- Sửa bài: GV có thể cho HS đọc kết quả, hoặc tổ chức cho HS chơi tiếp sức.

Lưu ý HS:

- Chỉ nên đếm thêm, đếm bớt với số từ 1 tới 5.
- Đếm thêm bắt đầu từ số lớn thì dễ hơn.

Bài 3:

- Giúp HS nhận biết yêu cầu của bài: Chọn thẻ số thích hợp thay cho thẻ “?”.
- HS hoàn thiện các phép tính theo nhóm đôi.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách tìm các số trong phép tính, đặc biệt với những phép tính tìm số hạng chưa biết (dựa vào sơ đồ tách gộp, đếm thêm, bảng cộng, ...)

KHÁM PHÁ

- GV giới thiệu thực hiện phép trừ bằng cách đếm thêm, HS làm theo

$$10 - 7 = ?$$

Đếm thêm từ số bé (7) tới số lớn (10)



Số ngón tay đếm chính là kết quả (3)

$$10 - 7 = 3$$

So sánh kết quả ở bảng trừ, khẳng định cách làm đúng.

- GV và HS cùng thực hiện $8 - 6 = ?$



- HS thực hiện các phép trừ còn lại bằng cách đếm thêm.

Bài 4:

a) HS (nhóm bốn) quan sát tranh, nói bài toán thích hợp rồi thực hiện phép tính vào bảng con.

b) Sau khi sửa bài, GV có thể khái quát vai trò số 0 trong phép cộng, phép trừ để HS làm quen:

Một số cộng với 0 bằng chính số đó.

Một số trừ đi 0 bằng chính số đó.

Một số trừ đi chính nó thì bằng 0.

HS không cần học thuộc những câu này, chỉ cần nói trên các trường hợp cụ thể.

Bài 5:

– GV đọc câu hỏi.

– HS thảo luận rồi trả lời.

– HS trình bày trước lớp: nói kết quả và trình bày cách làm (thực hiện phép tính, hai phép tính có kết quả bằng nhau là đuôi và đầu của một con rắn).

– GV chốt: $10 - 3 = 2 + 5$; $3 + 6 = 10 - 1$; $3 + 7 = 2 + 8$.

Bài 6: Thực hiện tương tự bài 5.

Bài 7:

HS quan sát tranh, nói “câu chuyện” rồi thực hiện phép tính cộng thích hợp vào bảng con (thảo luận nhóm bốn).

Lưu ý, HS có thể thực hiện phép tính $4 + 6 = 10$ hay $6 + 4 = 10$.

GV chốt: $4 + 6 = 6 + 4$ (vì cùng bằng 10).

Bài 8:

Thực hiện tương tự bài 7.

Mở rộng: GV nói về cây rơm (ụ rơm, đồng rơm) ở thôn quê.

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

(3 tiết – SGK trang 74)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Hệ thống kiến thức, kĩ năng trong HK1:

– Số và phép tính:

- Đếm, lập số, đọc, viết các số trong phạm vi 10.
- So sánh các số trong phạm vi 10, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10 (nhóm bốn số).
- Sơ đồ tách – gộp số.
- Cộng, trừ trong phạm vi 10.

Tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ, vai trò của số 0 trong phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.

- Quan sát tranh, nói được “câu chuyện” xảy ra phép tính (cộng, trừ), lập sơ đồ tách – gộp số, viết phép tính liên quan.
 - Làm quen quy luật dãy phép tính (cộng, trừ).
- Hình học:
- Nhận dạng, gọi tên các hình phẳng đã học.
 - Phân tích, tổng hợp, tưởng tượng hình qua thực hành xếp hình.

2. Năng lực chú trọng: phát triển cả 5 năng lực: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học (bộ xếp hình), giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. Thiết bị dạy học

- GV & HS: Bộ thẻ số & bộ xếp hình.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Có thể cho HS hát bài: “Những ngón tay ngoan”.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- Tìm hiểu bài, HS (nhóm đôi) quan sát tranh:
- Nhận biết tên các loài vật trong tranh: Trâu, bò (bò vàng: kéo cày và lấy thịt, bò sữa), gà (gà trống, gà mái, gà con), sáo.
 - Xác định nhiệm vụ: đếm số con vật mỗi loại.
- Sau khi sửa bài, GV có thể yêu cầu HS nêu một số nhận xét, chẳng hạn:
- Số gà nhiều nhất (10 con).
Số trâu ít nhất (1 con).
Có tất cả 10 con gà gồm ba loại: gà trống 1 con, gà mái 2 con, gà con 7 con
- ...

* Mở rộng: GV có thể nói về ích lợi của các con vật trong tranh.

Bài 2:

- * Câu chuyện thứ nhất (câu a): GV giúp HS **nhận biết** yêu cầu của bài và **thực hiện**.
- HS **quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” theo mẫu thứ nhất.
- **Viết** sơ đồ tách – gộp số.
- **Viết** phép tính thích hợp và **giải thích** tại sao chọn phép tính đó (**gộp 2 và 2 được 4**).
- * Câu chuyện thứ hai (câu a) và **các câu còn lại**:
- HS **làm** bài theo trình tự trên (có thể chia nhóm bốn, mỗi em làm 1 câu, sau đó chia sẻ cùng nhau hoặc dùng phương pháp mảnh ghép).
- Khi sửa bài, GV khuyến khích các nhóm **nói thêm** các câu chuyện khác và từ một sơ đồ tách – gộp số, **viết** 4 phép tính liên quan.

– Lưu ý:

Câu b): Các con vật có 2 chân, bay không giỏi

Câu c): Các con vật có 2 chân, bay rất giỏi

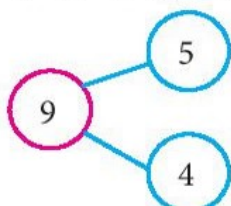
Câu d): Các con vật có 4 chân.

Bài 3:

– HS dùng thẻ chữ số hoặc thực hiện phép tính vào bảng con (nhóm đôi).

– Sau khi sửa bài, GV có thể giới thiệu:

- Từ ba số 5, 4, 9 ta lập được một sơ đồ tách – gộp số, chẳng hạn:



Từ một sơ đồ tách – gộp số trên, ta viết được bốn phép tính:

$$5 + 4 = 9 \quad 9 - 4 = 5$$

$$4 + 5 = 9 \quad 9 - 5 = 4$$

Bài 4: GV giúp HS nhận biết yêu cầu của từng câu rồi thực hiện theo nhóm đôi, có thể dùng thẻ chữ số và dấu đặt trên bàn (hoặc gắn vào bảng cài hay viết trên bảng con).

a) HS sắp dãy số theo thứ tự từ 0 đến 10 và ngược lại

- HS sắp dãy số
- HS đọc dãy số để kiểm tra

b) HS xếp dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn: 0; 3; 6; 9.

c) HS so sánh các cặp số: $5 > 2$; $7 < 8$; $10 = 10$; $8 > 6$.

d) GV hướng dẫn mẫu:

– Chọn 3 số sao cho hai số cộng lại bằng số kia.

– Dùng 3 số đó để thực hiện 1 phép cộng và 1 phép trừ.

HS thảo luận để chọn 3 số rồi viết phép tính.

Vui học:

– Trò chơi THÊM – BỚT.

GV có thể cho HS chơi thêm GỘP – TÁCH. Ví dụ: **Gộp 5 và 4 rồi tách bớt 3.**

Bài 5:

– GV cho HS gọi tên các hình trong bộ xếp hình.

– HS quan sát hình gia đình gà, xác định: gà bố (trống), gà mẹ (mái) và gà con.

– HS tạo nhóm bốn xếp hình gia đình gà gồm có: gà bố, gà mẹ và 2 gà con.

Thi đua nhóm nào xếp xong trước thì thắng cuộc.

– HS quan sát các hình mới xếp, nhận dạng các hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác được ghép từ nhiều hình.

Ví dụ: Nếu che bớt những phần nhô ra, mình gà con là hình vuông

...

– Trong ba con gà: gà trống, gà mái, gà con, con gà nào liên quan tới hình tròn màu đỏ vào lúc sáng sớm? (Gà trống gọi ông mặt trời tròn và đỏ)

...

* Mở rộng: HS mô tả đuôi gà để phân biệt gà trống, gà mái, gà con.

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Em đi bộ theo luật giao thông

(1 tiết – SGK trang 78)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Ôn tập:

- Vị trí, số thứ tự.
- Các hình phẳng và hình khối đã học:
Sử dụng tên gọi các hình đã học, mô tả một số vật.
Lắp ghép, xếp hình.
- Nói câu chuyện và viết phép tính thích hợp.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học (bộ xếp hình); giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, An toàn giao thông, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

- GV: Bộ xếp hình; 20 khối lập phương.
- HS: Bộ xếp hình; 10 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Có thể cho HS chơi: “Tôi bảo” để ôn tập về phương hướng, vị trí (phải – trái, trên – dưới, trước – sau, ở giữa).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS (nhóm đôi) quan sát tranh, đọc yêu cầu và thảo luận.
- Sửa bài: HS trình bày kết quả làm việc của nhóm trước lớp, cả lớp nhận xét.
- Các nhóm có thể đồ nhau về vị trí các bạn trong hàng.
- * Mở rộng: An toàn giao thông
 - Đi bộ trên lề đường bên phải (GV giúp HS nhận biết lề đường bên phải).

- Khi băng qua đường:

Phải theo tín hiệu của đèn báo giao thông (HS mô tả hình dạng, màu sắc của đèn báo giao thông cho người đi bộ, cho xe cộ).

Phải đi đúng làn đường dành cho người đi bộ (HS mô tả vạch “ngựa vằn”).

Bài 2:

– HS (nhóm đôi) quan sát và đọc tên các biển báo, thực hiện các yêu cầu bài tập (GV khuyến khích HS sử dụng các hình đã học để mô tả).

– GV giúp HS nhận biết, nếu gặp những biển báo đó trên đường đi thì cần phải làm gì.

Bài 3:

– HS quan sát tranh trang 78, mô tả hình dạng hai toà nhà bán kem và bán gà rán (hình dạng cả toà nhà, hình dạng cửa sổ, cửa ra vào,...); mô tả xe hơi, xe tải.

– HS (nhóm bốn) thực hiện lắp ghép, xếp hình.

– Sửa bài: HS nói cách làm và cho cả lớp xem hình xếp được (khuyến khích HS lắp ghép sáng tạo), cả lớp nhận xét.

– GV lưu ý HS, thường các toà nhà có hình dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

Vui học:

– HS **thảo luận** nhóm bốn, **nhận biết** yêu cầu của bài:

Nêu hai câu chuyện rồi **viết** hai phép tính (1 phép tính cộng và 1 phép tính trừ trong phạm vi 10 thích hợp).

Ví dụ:

- **có** 10 quả táo ở trên cây

rớt 2 quả

còn lại 8 quả ở trên cây

$$10 - 2 = 8$$

- **có** 7 con nhím

và 2 con nai

có tất cả 9 con vật

$$7 + 2 = 9$$

– Lưu ý, đây là bài toán mở, khuyến khích HS quan sát tranh dưới nhiều góc độ khác nhau (màu sắc, vị trí, hình dạng, kích thước,...).

CỦNG CỐ

GV cho HS thi đua lần lượt tìm những vật trong cuộc sống xung quanh có dạng:

– Khối hộp chữ nhật – Hình chữ nhật

– Khối lập phương – Hình vuông

– Hình tròn

– Hình tam giác

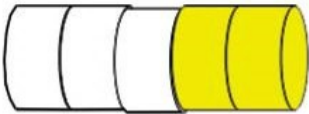
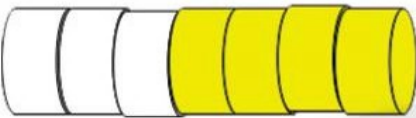
Tổ nào tìm được nhiều nhất thì thắng cuộc.

KIỂM TRA HỌC KÌ 1

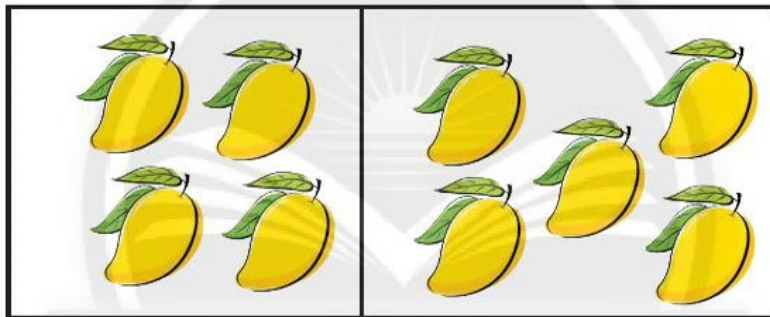
A – TRẮC NGHIỆM

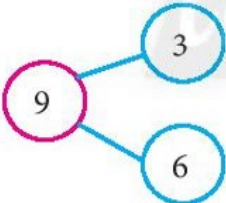
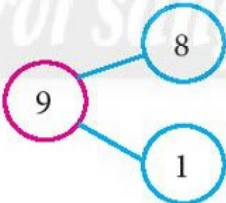
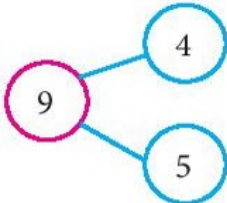
I – Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1: Hình nào đúng với phép tính: $2 + 3 = 5$?

- A. 
- B. 
- C. 

Câu 2: Chọn sơ đồ đúng với hình vẽ sau:



- A. 
- B. 
- C. 

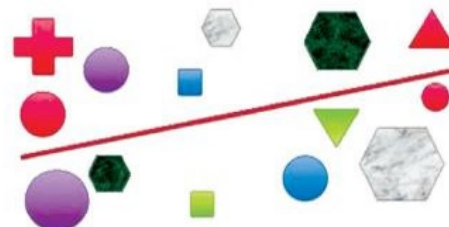
Câu 3: Có mấy con cá bơi về phía bên trái?

- A. 3
B. 4
C. 5



Câu 4: Có bao nhiêu hình tròn ở dưới đường kẻ?

- A. 2
B. 3
C. 4



Câu 5: Hình bên có bao nhiêu khối lập phương?

- A. 3
- B. 4
- C. 5



Câu 6: Phép tính nào cho kết quả đúng?

- A. $2 + 7 = 9$
- B. $5 + 3 = 7$
- C. $3 + 0 = 0$

II – Nối (theo mẫu).

Câu 1:

a) $6 + 2 + 1$	• 2 •	• chín •
b) $8 + 2 - 3$	• 9 •	• hai •
c) $7 - 3 - 2$	• 10 •	• bảy •
d) $9 - 2 + 3$	• 7 •	• mười •

Câu 2:

$2 > \square$

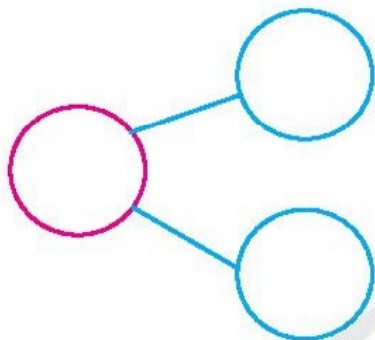
$0 + 5 = \square$



$7 - 0 < \square$

B – TỰ LUẬN

Câu 1: Số?



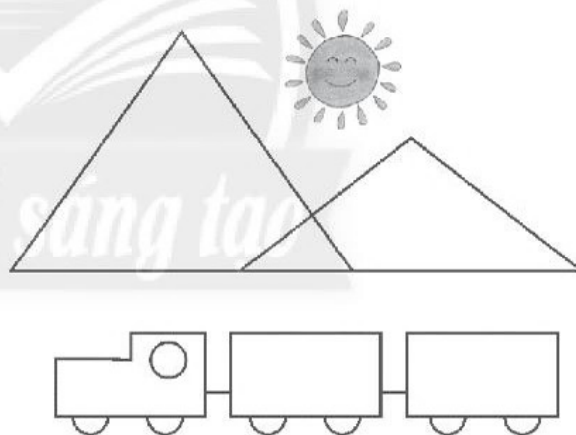
$$\begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \end{array}$$
$$\begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \end{array} - \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \end{array}$$

Câu 2: Số?

Hình vẽ bên có:

..... hình chữ nhật;

..... hình tam giác.



4. CÁC SỐ ĐẾN 20

CÁC SỐ ĐẾN 20

(3 tiết – SGK trang 82)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Lập số, đếm, đọc, viết các số từ 10 đến 20.
- Phân tích cấu tạo số, tổng hợp số trong phạm vi 20.
- So sánh các số trong phạm vi 20 (trên cơ sở mở rộng cách so sánh các số trong phạm vi 10).
- Vận dụng thứ tự các số trong dãy số từ 1 đến 20, dự đoán quy luật, viết dãy số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

3. Tích hợp: Tiếng Việt, Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: yêu nước (kính trọng, biết ơn 18 vị vua Hùng).

B. Thiết bị dạy học

GV & HS: 20 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Đếm từ 1 tới 20 (HS biết đếm trước khi học số).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 12, số 17 (SGK trang 82, 83)

Số 12:

– **Đếm** xe (vừa đếm vừa làm dấu bằng cách đặt 1 khối lập phương vào 1 chiếc xe).

Nói: có 12 chiếc xe.

– **Xếp** 10 khối lập phương vào một cột
2 khối lập phương vào một cột khác.

Nói: Gộp 10 và 2 được 12.

12 gồm 10 và 2.

– GV giới thiệu cách viết số 12:

Số 12 được viết bởi hai chữ số: chữ số 1 và chữ số 2 (vừa nói vừa viết).

HS **viết** 12 (bảng con).

– HS đọc: mười hai.

Số 17:

- Dựa vào trình tự các thao tác của số 12, HS tự thao tác với số 17.

2. Giới thiệu các số từ 10 đến 20

- GV hướng dẫn đọc các số từ 10 tới 20 (lưu ý cách đọc số 15).
- HS **nhận biết** sự giống nhau khi viết các số từ 10 tới 19.
- HS **viết** dãy số từ 10 tới 20.

– Thực hành Lập số – Đọc, Viết số – Phân tích, tổng hợp số:

GV có thể dùng trò chơi “Tôi là số mấy?”.

- Cả lớp **điểm danh** từ 10 tới 20.
- Mỗi HS **xác định** số của mình.
- Dùng các khối lập phương **lập số** đó (như SGK).

Viết số ra bảng con.

- Khi GV gọi tên bạn nào, bạn đó đứng lên giới thiệu, chẳng hạn:

Tôi là số mười bốn (đưa bảng con 14).

Tôi **gồm** 10 **và** 4 (chỉ tay: một tay thanh 10 khối, một tay thanh 4 khối).

Gộp 10 **và** 4 **được** tôi (thể hiện thao tác gộp 2 thanh).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- Khi sửa bài, khuyến khích HS **nói** theo cách **tách – gộp số** (theo tranh).

Ví dụ: 11 người **gồm** 10 cầu thủ **và** 1 thủ môn.

Gộp 10 cầu thủ **và** 1 thủ môn **được** 11 người.

- Tích hợp:

Tiếng Việt: **làm quen** các từ *cầu thủ, thủ môn, đội bóng, vĩ trủng, que tính*.

- Toán học và cuộc sống: Tác dụng của việc để 10 trứng vào 1 vỉ (khó vỡ, dễ đếm).

Bài 2:

- Phân tích mẫu: **Xác định** đủ 10, **đếm** tiếp 11, 12, ..., 16. **Viết, đọc** số.

- Khi sửa bài, GV có thể hỏi một vài trường hợp.

Ví dụ: Tại sao viết số 19?

HS có thể trả lời theo nhiều cách:

Em đếm được 19 hình chữ nhật.

Có 10 hình chữ nhật và 9 hình chữ nhật nên có 19.

ĐẤT NƯỚC EM: Đền Hùng

– Đền Hùng là quần thể đền chùa thờ kính **18 vị Vua Hùng** và tôn thất của các vua trên núi Nghĩa Lĩnh, tỉnh Phú Thọ. Hằng năm tại đây, vào **ngày 10 tháng 3 âm lịch**, đều tổ chức Lễ hội Đền Hùng kính nhớ các vị tổ tiên đã có công dựng nước.

– Nơi em ở có đường phố, thôn xã, ... nào mang tên Hùng Vương?

(Nếu có thời gian, HS xác định vị trí tỉnh Phú Thọ trên bản đồ SGK trang 157).

Bài 3:

– Học sinh **đếm, viết** số ô vuông ở mỗi hình

7 10 12 15 18 20

Mở rộng: nếu có thời gian, GV có thể cho HS so sánh các số trong phạm vi 20:

Học sinh **nhận xét:** Số ô vuông hình sau **nhiều hơn** hình trước, nên số sau **lớn hơn** số trước, số trước **bé hơn** số sau.

Học sinh **nói:** 7 bé hơn 10; 10 bé hơn 12; ... ; 18 bé hơn 20.

20 lớn hơn 18; 18 lớn hơn 15; ... ; 10 lớn hơn 7.

Giáo viên viết trên bảng dãy số từ 0 tới 20:

0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14 ; 15 ; 16 ; 17 ; 18 ; 19 ; 20.

Học sinh **nhận xét:** Các số được sắp xếp từ bé đến lớn.

Giáo viên nói: Trong dãy số trên

Số bên trái bé hơn số bên phải, số bên phải lớn hơn số bên trái.

Số có một chữ số bé hơn số có hai chữ số.

– Học sinh so sánh một vài cặp số (nói).

Ví dụ: 9 và 11 (9 bé hơn 11); 20 và 17 (20 lớn hơn 17);

* Thư giãn:



Giáo viên đưa tay giả làm miệng cá sấu.

Học sinh đồng thanh: “Hả họng bên nào, bên đó lớn”.

Ví dụ: $7 < 12$ vì:

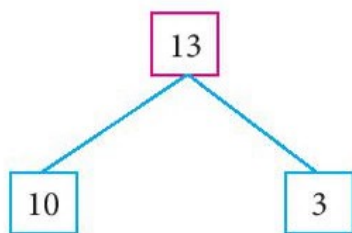
- 7 ô vuông ít hơn 12 ô vuông.
- 7 bên trái, 12 bên phải.
- 7 có một chữ số, 12 có hai chữ số.

Bài 4:

– Phân tích mẫu:

- GV giúp HS **nhận biết**

Sơ đồ tách – gộp số 13 và cách đọc



13 gồm 10 và 3.

Gộp 10 và 3 được 13.

Số chấm tròn mỗi bảng **phù hợp** với **sơ đồ** tách – gộp số.

- Học sinh **nói** yêu cầu của bài.
- Khi sửa bài, lưu ý học sinh **giải thích** cách làm.

Bài 5:

- Tìm hiểu bài:
 - Học sinh xem tranh, **nhận xét** khái quát:
 - Con đường gồm các ô gạch, có ô đã đánh số, có ô chưa đánh số.
 - 2 nhóm khủng long: có sừng và cổ dài.

Mỗi nhóm: có con đánh số, có con chưa đánh số.

HS **xác định** nhiệm vụ: **đánh số** ô gạch, **đánh số** khủng long.

- Học sinh tìm cách làm bài: Dự đoán quy luật (dãy số thêm 1, thêm 2).
- HS làm bài.
- GV lưu ý nhắc HS kiểm tra lại sau khi làm.

CỦNG CỐ

GV có thể dùng trò chơi “Cô bảo”:

- Học sinh cả lớp điểm danh từ 1 tới 20; viết số của mình vào bảng con.
- Mỗi lần chơi, giáo viên gọi 4 yêu cầu. Ví dụ:

Số gồm 10 và 4 (14)

Số gồm 10 và 9 (19)

Số lớn hơn 4 và bé hơn 6 (5)

Số lớn nhất có một chữ số (9).

Gọi tới đâu, học sinh mang bảng con chạy lên đứng trước lớp.

Có thể có 2 nhóm, ví dụ:

A	B
14; 19; 5; 9	14; 5; 9

Sau đó, giáo viên yêu cầu học sinh **sắp xếp theo thứ tự** từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé (nhóm nào nhanh sẽ thắng).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

GV nhắc HS: về nhà tập **đếm xuôi**, từ 1 đến 20,
đếm ngược từ 20 về 1.

Kể chuyện đèn Hùng, cùng người thân tìm vị trí tỉnh Phú Thọ trên bản đồ (SGK trang 157).

CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $10 + 4, 14 - 4$

(1 tiết – SGK trang 88)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Tính: 10 cộng với một số có một chữ số.

Một số từ 11 đến 19 trừ chữ số hàng đơn vị.

– Nhận biết quan hệ cộng – trừ trên các trường hợp cụ thể.

– Giải toán: Quan sát tranh – Nói tình huống xuất hiện phép tính – Viết phép tính thích hợp.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

GV & HS: 14 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Thể hiện số 14:

– HS **lấy ra** 14 khối lập phương.

– **Xếp** 10 khối lập phương vào một cột

4 khối lập phương vào một cột.

– HS chỉ 2 cột khối lập phương và **nói**: 14 gồm 10 và 4.

2. Thành lập các phép tính: $10 + 4, 14 - 4$

- $10 + 4 = ?$

GV hướng dẫn HS thực hành:

Đặt 2 cột khối lập phương trước mặt.

Tay thể hiện hành động **gộp**.

Nói: gộp 10 và 4 được 14.

Viết $10 + 4 = 14$.

• **$14 - 4 = ?$**

GV hướng dẫn HS thực hành:

Nói: có 14 khối lập phương.

Tay thể hiện hành động tách.

Nói: 14 bớt 4 còn 10.

Viết $14 - 4 = 10$.

3. HS thực hành tính (sử dụng SGK trang 88)

$$10 + 7 \qquad 10 + 5$$

$$17 - 7 \qquad 15 - 5$$

Nhắc HS luôn kiểm tra kết quả sau khi làm.

Khi sửa bài GV có thể yêu cầu học sinh giải thích.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

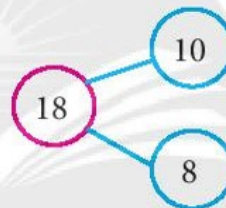
Khi sửa bài, GV nên dùng sơ đồ tách – gộp gắn kết với các phép tính.

Ví dụ: **Gộp** 10 và 8 được 18:

$$10 + 8 = 18.$$

18 **gồm** 10 và 8:

$$18 - 8 = 10.$$



Bài 2:

Mẫu: HS quan sát tranh, GV giúp HS:

– **Nói** “câu chuyện” xuất hiện phép cộng, chẳng hạn:

– **Có** 10 hộp sữa trong khay **và** 3 hộp sữa lẻ, **có tất cả** 13 hộp sữa.

– **Đọc** phép tính $10 + 3 = 13$.

– **Nói** “câu chuyện” xuất hiện phép trừ:

Có tất cả 13 hộp sữa, **trong đó có** 3 hộp sữa lẻ, **còn lại** 10 hộp sữa trong khay.

Đọc phép tính $13 - 3 = 10$.

GV giới thiệu hộp bút màu sáp: **hộp bút** có mấy cây bút? (10)

và có mấy cây bút lẻ? (2)

HS **viết** phép tính :

$$10 + 2 = 12$$

$$12 - 2 = 10$$

Khi sửa bài khuyến khích học sinh **nói** các “câu chuyện” xuất hiện phép tính.

CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $12 + 3, 15 - 3$

(1 tiết – SGK trang 90)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Tính:

Cộng – trừ số có hai chữ số trong phạm vi 20 với số có một chữ số (không nhớ).

- Dựa vào các bảng cộng – trừ trong phạm vi 10.
- Dựa vào cách đếm thêm, đếm bớt.

– Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ cộng – trừ trong các trường hợp cụ thể.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học (sử dụng các ngón tay).

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV & HS: 15 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Dạy biện pháp tính

• $12 + 3$

HS thực hành:

Lấy các khối lập phương thể hiện phép tính.

Động tác tay thể hiện **gộp**, **nói**: có 12 thêm 3 được 15.

Viết và **đọc** phép tính: $12 + 3 = 15$.

GV giới thiệu cách tính:

2 cộng 3 bằng 5

10 cộng 5 bằng 15. Vậy 12 cộng 3 bằng 15.

• $15 - 3$

HS thực hành:

Nói: có 15 khối lập phương.

Động tác tay thể hiện **tách**, **nói**: 15 bớt 3 còn 12.

Viết và **đọc** phép tính: $15 - 3 = 12$.

GV giới thiệu cách tính:

5 trừ 3 bằng 2

10 cộng 2 bằng 12. Vậy 15 trừ 3 bằng 12.

2. Thực hành (SGK trang 90)

HS tính

$$13 + 4$$

$$11 + 5$$

$$17 - 4$$

$$16 - 5$$

Khi sửa bài, HS nói cách tính.

LUYỆN TẬP

Bài 1: Khi sửa bài, HS nói cách tính.

Bài 2:

a) GV hướng dẫn HS sử dụng ngón tay để cộng bằng cách đếm thêm

$$14 + 3 = ?$$



Khi sửa bài HS nói cách cộng (có thể chọn một trong hai cách: dùng bảng cộng trong phạm vi 10 như phần bài học hoặc dùng đếm thêm).

b) GV hướng dẫn HS sử dụng ngón tay để trừ bằng cách đếm bớt

$$17 - 3 = ?$$



Khi sửa bài, HS nói cách trừ (một trong hai cách).

Lưu ý HS khi **kiểm tra** kết quả của phép tính có thể dựa vào:

– Dùng cách tính này để thử cách tính kia (ví dụ: dùng đếm thêm để thử cách dùng bảng hoặc ngược lại).

– Dùng quan hệ cộng – trừ.

Bài 3:

Khi sửa bài, lưu ý HS nhận biết sự liên quan giữa các kết quả 15, 12 và hình ảnh ngôi nhà, khu rừng.

Mở rộng (Tự nhiên và Xã hội):

Chó sói, heo rừng (lợn lòi), vẹt trời (các con có kết quả 12) thường sống ở rừng.

Chó nhà, heo nhà, vẹt nhà (các con có kết quả 15) thường sống quanh nhà do con người nuôi.

CHIẾC ĐỒNG HỒ CỦA EM

(2 tiết – SGK trang 92)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Làm quen biểu tượng đại lượng thời gian:

– Nhìn đồng hồ: đọc, viết được thời điểm giờ đúng (kim phút chỉ số 12).

Liên hệ với các thời điểm sinh hoạt hằng ngày.

– Sử dụng thuật ngữ với đại lượng thời gian: lúc.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học; giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: trách nhiệm (biết quý trọng thời gian), nhân ái (quan tâm, giúp đỡ).

B. Thiết bị dạy học

GV: Đồng hồ để bàn (loại chỉ có kim giờ, kim phút).

HS: Mặt đồng hồ bằng bìa có kim ngắn, kim dài.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV có thể tham khảo (nên chuẩn bị cho học sinh đọc thơ từ tiết trước):

Hoạt cảnh: **Đồng hồ – Thời gian**

HS đọc bài thơ *Chiếc đồng hồ* (từ “Em đang say ngủ” tới “Đi cho đúng giờ”).

GV: Làm sao biết mấy giờ để đi học đúng giờ?

HS : Xem đồng hồ

GV: Tích tắc, tích tắc

HS: Kim ngắn chỉ giờ

Kim dài chỉ phút.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu mặt đồng hồ và hướng dẫn xem đồng hồ (SGK trang 92)

GV dùng đồng hồ để bàn giới thiệu giúp HS **nhận biết**

– Mặt đồng hồ có:

Kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút (các kim quay theo chiều từ số bé tới số lớn).

Mười hai số từ số 1 tới số 12.

HS **nhận biết kim giờ, kim phút** và **đọc** các số trên mặt đồng hồ ở SGK.

GV hướng dẫn xem đồng hồ:

Ví dụ: Khi kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 7, đọc là: 7 giờ.

2. Thực hành

Bài 1: HS **đọc** giờ ở các đồng hồ và **giải thích**.

Ví dụ: đồng hồ màu hồng chỉ chín giờ, vì kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 9.

Bài 2: Xác định vị trí kim phút, kim giờ (thực hành trên mô hình đồng hồ).

Ví dụ: GV nói “9 giờ”.

HS **xoay kim** và **mô tả** “kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 9”.

Tương tự với 2 giờ và 12 giờ

Bài 3: Nói theo tranh:

– HS **quan sát** tranh, thảo luận để nói một “câu chuyện”.

(GV cung cấp các thuật ngữ: xuất phát, chạy trên đường, tới nơi).

Ví dụ: Xe xuất phát lúc mấy giờ? (7).

Tới nơi lúc mấy giờ? (9).

– Khuyến khích HS **giải thích**.

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ (nếu đến đây hết 1 tiết)

GV giúp HS:

– **Nhận biết** một số “việc nhà” phù hợp với các em.

– Cách dùng đồng hồ để “**canh**” giờ làm việc (9 giờ dọn dẹp nhà cửa, 10 giờ phụ mẹ làm bếp).

GV có thể lồng nội dung quý trọng thời gian, thói quen đúng giờ và ý thức quan tâm giúp đỡ người thân trong gia đình.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

Khi tìm hiểu bài, lưu ý:

– GV giới thiệu: Các bức tranh nói về hoạt động của các bạn vào một giờ cụ thể trong ngày.

– GV cùng HS **phân tích** một bức tranh, **nhận biết** việc phải làm:

- **Đọc** giờ, gắn với hoạt động

Ví dụ: lúc 8 giờ, các bạn chơi thú nhún.

Bài 2:

– Tìm hiểu bài:

- GV giới thiệu: Các bức tranh nói về các hoạt động của em trong một ngày.

– HS **quan sát** từng bức tranh rồi nói theo mẫu :

a) Lúc 8 giờ, em học trong lớp.

b) Em ăn trưa lúc mấy giờ?

Tương tự với tranh c, d.

Khám phá: Giáo viên giải thích bài.

Mẹ bắt đầu làm bếp lúc mấy giờ?

Mẹ nấu ăn xong lúc mấy giờ?

Học sinh trả lời bằng cách **xoay** kim đồng hồ cá nhân.

CỦNG CỐ

GV có thể dùng Trò chơi: Ai nhanh?

Giáo viên đưa đồng hồ: Học sinh đọc giờ.

Giáo viên đọc giờ: Học sinh xoay kim đồng hồ.

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

(1 tiết – SGK trang 96)

A. Mục tiêu

1. Ôn tập

– Đếm, đọc, viết số, cấu tạo số, thứ tự và so sánh các số trong phạm vi 20.

– Tính nhẩm dạng $10 + 4$, $14 - 4$, $12 + 3$, $15 - 3$.

– Nhận dạng, phân biệt các hình đã học.

– Sắp dãy số thứ tự (nhóm 4 số).

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

LUYỆN TẬP

Bài 1: – Khi tìm hiểu bài, lưu ý HS:

- **Quan sát** các hình trên nền vàng, **nhận biết:**

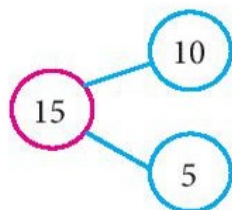
Về **hình dạng**, có 4 loại: Hình vuông, hình chữ nhật, ...

Về **màu sắc**, có 4 màu: xanh dương, xanh lá cây, đỏ, cam.

- HS **xác định** được việc phải làm.

– Sau khi sửa bài, cho HS luyện tập về cấu tạo số và các phép tính liên quan:

Ví dụ: **Viết** sơ đồ tách gộp số 15



Nói: 15 hình màu xanh gồm 10 hình vuông và 5 khối lập phương.

Viết: $10 + 5 = 15$

$$15 - 5 = 10$$

Khuyến khích HS **nói** theo cấu trúc:

Có 10 hình vuông xanh dương

và 5 khối lập phương xanh lá cây.

Có **tất cả** 15 hình màu xanh.

...

Bài 2:

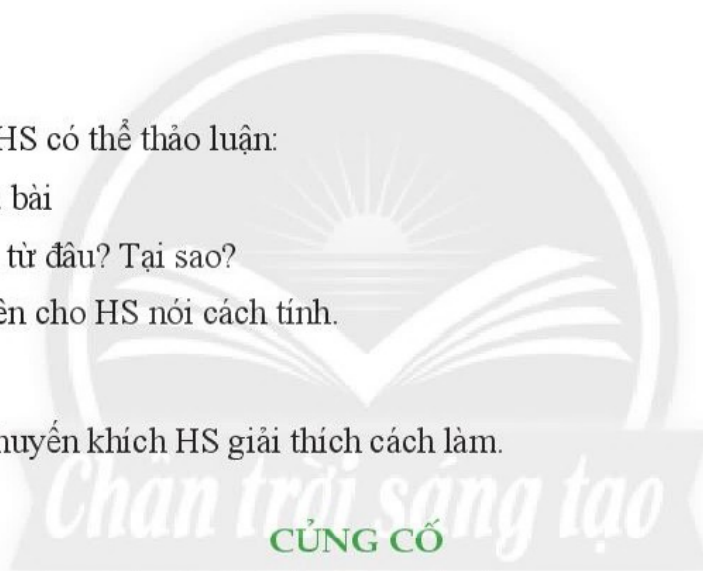
– Tìm hiểu bài, HS có thể thảo luận:

- Yêu cầu của bài
- Nên bắt đầu từ đâu? Tại sao?

– Khi sửa bài, nên cho HS nói cách tính.

Bài 3:

– Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm.



GV có thể tham khảo TRÒ CHƠI: ĐÚNG THỨ TỰ

– Cả lớp điểm danh từ 9 tới 20.

Học sinh viết số của mình ra bảng con.

Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 12 bạn (từ 9 tới 20).

– Chọn một nhóm bất kì, làm theo yêu cầu của GV, chẳng hạn: Theo thứ tự từ bé đến lớn.

Giáo viên gọi số nào, bạn đó chạy lên đứng trước lớp.

Giáo viên gọi không theo thứ tự. Ví dụ: 14, 10, 17, 19, 9, ...

Học sinh phải tự sắp xếp theo hàng ngang theo thứ tự từ bé đến lớn.

– Khi đã đứng đúng, cả lớp vỗ tay hoan nghênh.

KIỂM TRA

A – TRẮC NGHIỆM

I – Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1: Có tất cả bao nhiêu quả bóng bay?

- A. 10
- B. 12
- C. 20

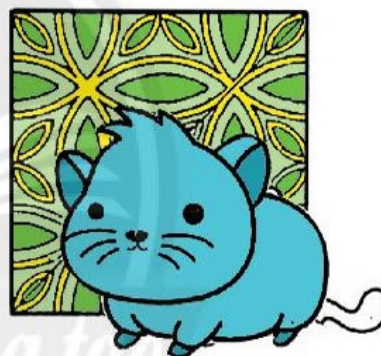


Câu 2: Số bóng bay này

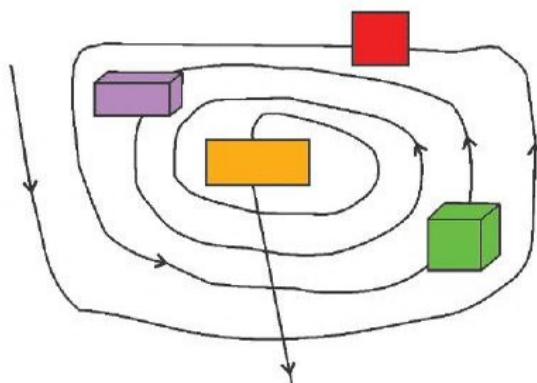
- A. ít hơn 10
- B. nhiều hơn 10
- C. nhiều hơn 12

Câu 3: Viên gạch có dạng hình gì?

- A. Hình tròn
- B. Hình vuông
- C. Hình chữ nhật



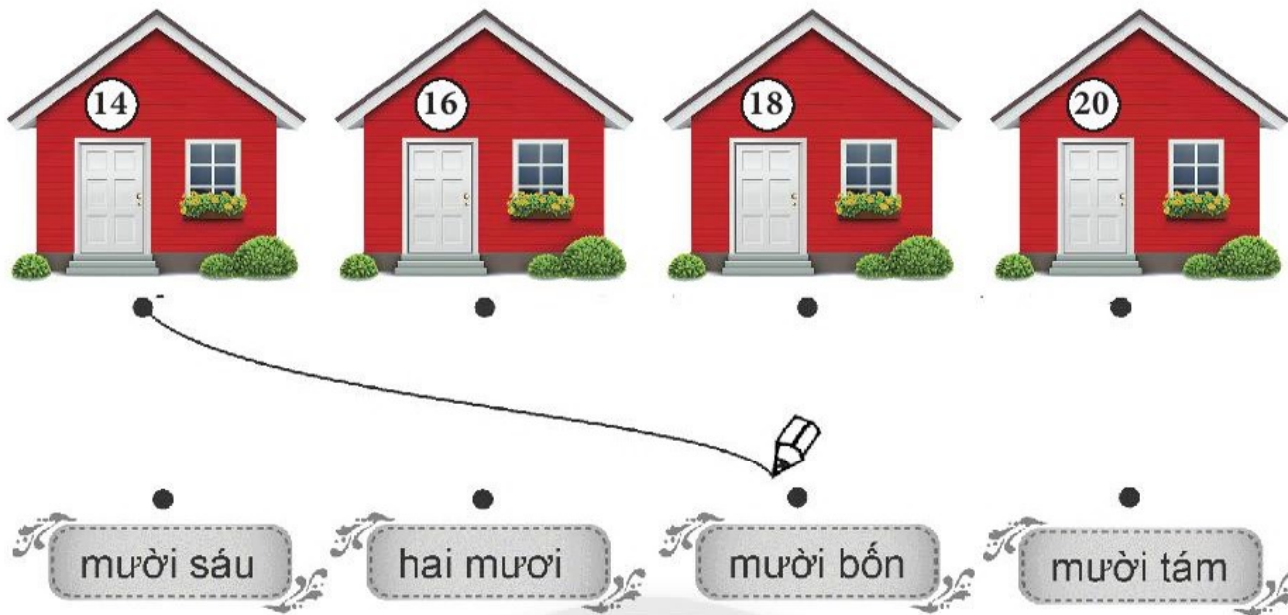
Câu 4: Thứ tự các hình khi đi theo mũi tên là:



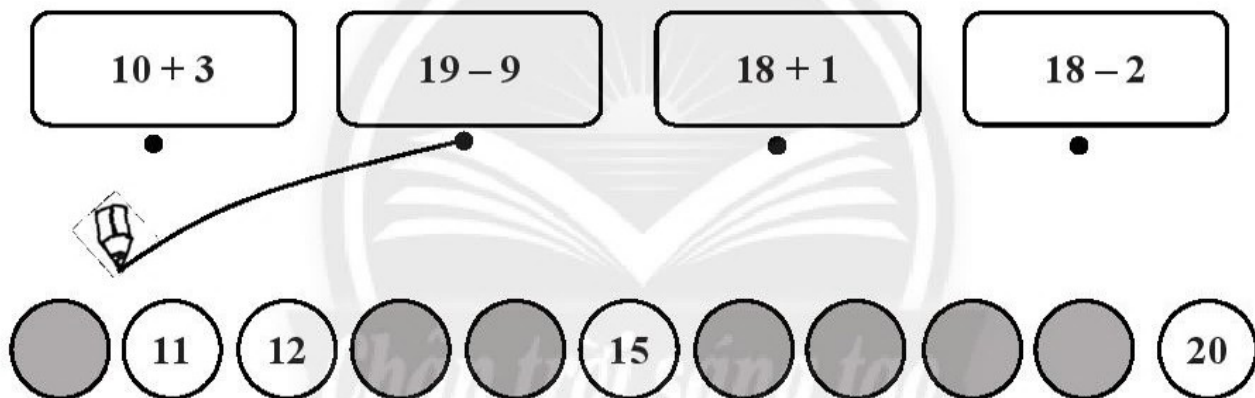
- A.    
- B.    
- C.    

II – Nói (theo mẫu).

Câu 1:

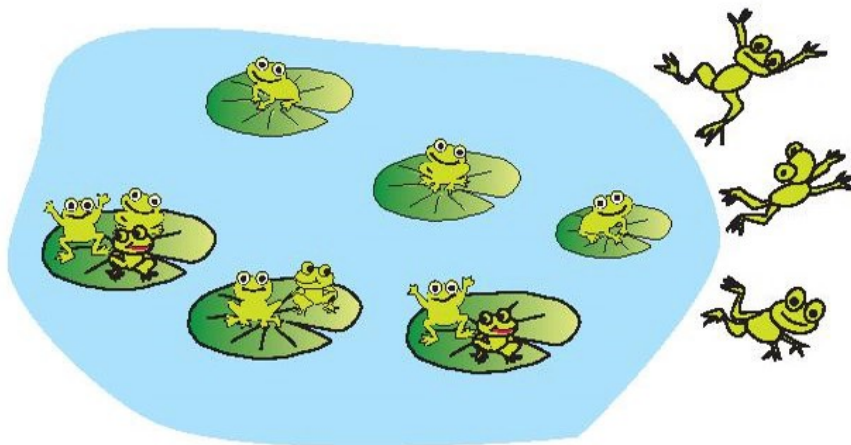


Câu 2:

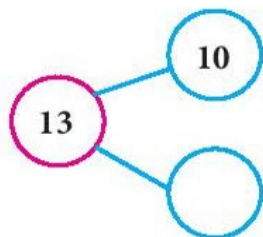


B – TỰ LUẬN

Câu 1: Xem tranh.



a) Số?



b) Viết một phép tính phù hợp với sơ đồ tách – gộp số ở câu a.

Câu 2: Số?

			
			
... giờ	... giờ	... giờ	... giờ

Chân trời sáng tạo

5. CÁC SỐ ĐẾN 100

CHỤC – SỐ TRÒN CHỤC

(2 tiết – SGK trang 98)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết các số tròn chục trong phạm vi 100.
- Vận dụng thứ tự các số tròn chục, dự đoán quy luật, viết dãy số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Toán học và cuộc sống, Mĩ thuật, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

GV: 10 thanh, mỗi thanh 10 khối lập phương.

HS: 10 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu 1 chục (SGK trang 98)

- Học sinh **quan sát** tranh, GV giới thiệu lá súng (Tự nhiên và Xã hội).
- Học sinh **đếm** số lá súng: vừa đếm vừa **làm dấu** bằng các khối lập phương.

– Giới thiệu 1 chục:

- HS **gắn** 10 khối lập phương thành 1 cột.
- GV nói: 10 còn gọi là 1 chục.
- GV nói **mười**, HS nói **một chục** và ngược lại.

Ví dụ: mười cái lá

– một chục cái lá

mười khối lập phương

– một chục khối lập phương

một chục quả trứng

– mười quả trứng.

...

– Đếm theo chục

- Nhóm hai HS **đếm** 2 thanh chục (theo **hai cách**):

Một chục, hai chục – có hai chục khối lập phương

Mười, hai mươi – có hai mươi khối lập phương.

- GV gắn lần lượt các thanh chục lên bảng, gắn tới đâu HS đếm tới đó:

Một chục, hai chục, ba chục, ..., mười chục – có mười chục khối lập phương

Mười, hai mươi, ba mươi, ..., một trăm – có một trăm khối lập phương.

2. Giới thiệu số tròn chục

– GV giới thiệu:

10, 20, 30, ..., 100 là các **số tròn chục**.

– Cách đọc: Mười, hai mươi, ba mươi, ..., một trăm.

HS **đọc** các số tròn chục trong SGK (đọc xuôi, đọc ngược).

– Cách viết: Các số từ 10 đến 90 đều có hai chữ số và chữ số thứ hai là 0.

Số 100 có ba chữ số.

GV **hướng dẫn** viết số 30.

HS **viết** vài số tròn chục theo yêu cầu của GV.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– GV giới thiệu các thuật ngữ: vĩ trụng, chồng lon, hũ bi (Tiếng Việt).

– HS **nhận biết** mỗi vĩ, mỗi chồng lon, mỗi hũ đều có 10, từ đó tìm cách **đếm nhanh**.

– Mở rộng: sau khi sửa bài, GV có thể chọn một câu, phân tích số theo tranh, chẳng hạn:

Câu b, về màu sắc: 90 lon **gồm** 50 lon đỏ **và** 40 lon xanh,

về vị trí : 90 lon **gồm** 60 lon ở hàng trên **và** 30 lon ở hàng dưới.

Tích hợp: Học sinh nói lại tác dụng của việc để trụng theo vĩ 10 (khó vỡ, dễ đếm).

Bài 2:

a) HS **nhận biết** mỗi nhóm gà có 10 con gà: **xác định** từng chục để đếm nhanh.

b) Sau khi sửa bài (nếu còn thời gian) có thể cho HS **đếm** từng con để **kiểm tra** lại (một, hai, ba, ..., bốn mươi).

Bài 3:

– **Dự đoán** quy luật (các số tròn chục từ 10 tới 100, từ 100 về 10).

– Sau khi sửa bài, lưu ý HS **nhận biết**:

10, 20, 30, ..., 100 là dãy số tròn chục từ bé đến lớn.

100, 90, 80, ..., 10 là dãy số tròn chục từ lớn đến bé.

CỦNG CỐ

GV có thể tham khảo: TRÒ CHƠI KẾT ĐOÀN

– **Điểm danh** cả lớp từ 1 tới 10.

Cứ 10 em vào 1 nhóm, các em còn lại vào 1 nhóm.

Mỗi em cầm 1 **thanh chục** (khối lập phương).

– Mỗi lần chơi, GV gọi 1 nhóm đứng thành hàng ngang trước lớp.

GV: kết đoàn, kết đoàn!

HS: kết mấy, kết mấy?

GV nói một số tròn chục trong phạm vi 100.

Ví dụ: kết **ba chục** khối lập phương.

HS đi chuyển, kết thành mỗi nhóm 3 bạn.

Nhóm nào đủ thì hô: **ba mươi** khối lập phương.

HS nào lẻ nhóm, phải trả lời một câu hỏi của giáo viên.

Ví dụ: Đọc dãy số tròn chục từ bé đến lớn.

Trong các số: 70, 20, 40 số nào bé nhất?

...

CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $30 + 20$, $50 - 20$

(1 tiết – SGK trang 101)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số tròn chục trong phạm vi 100 (tính nhẩm).
- Nhận biết quan hệ giữa phép cộng và phép trừ, tính chất giao hoán của phép cộng trong các trường hợp cụ thể.
- Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng và trừ.

2. Năng lực chú trọng: giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV: 50 khối lập phương.

HS: 20 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Nhóm 4: Dùng các khối lập phương lập số 20 và số 30.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp cộng (nhẩm) các số tròn chục trong phạm vi 100

Có thể tiến hành theo hình thức: **Dạy học thông qua Giải quyết vấn đề.**

Bước 1: **Tìm hiểu vấn đề**

Các nhóm quan sát phép tính $30 + 20 = ?$

Thảo luận, trình bày nhận biết:

Ta phải tính $30 + 20$.

Bước 2: **Lập kế hoạch:**

– GV gợi ý

- Dùng các thanh chục đã xếp ở phần khởi động **thể hiện phép tính $30 + 20$.**

- HS nhận biết muốn tính $30 + 20$ phải **gộp** 3 thanh và 2 thanh để tìm số khối lập phương có **tất cả**.
- Các nhóm thảo luận, nêu cách thức giải quyết, nêu tên cách làm: **Đếm** hay **Tính**.
Các khả năng **có thể** xảy ra:
 - **Đếm:**
Đếm trên các khối lập phương (đếm thêm 1, thêm 10, ...)
Đếm trên các ngón tay
Đếm trên hình vẽ tự tạo ra ( ,  , ...)
 - **Tính:**
 $3 \text{ chục} + 2 \text{ chục} = 5 \text{ chục} (50)$
 $3 + 2 = 5$ nên $30 + 20 = 50$.

...

Bước 3: **Tiến hành kế hoạch**

- Các nhóm thực hiện kế hoạch
Viết các phép tính đã hoàn thiện ra bảng con: $30 + 20 = 50$.
- Khuyến khích một vài nhóm **trình bày** cách thức giải quyết.
Làm bằng cách nào (đếm hay tính)?
Đếm thế nào?
Tính thế nào?
- Giáo viên tổng kết ngắn gọn cách làm của các nhóm, khen ngợi động viên.
- GV **giới thiệu biện pháp tính** kết hợp thao tác trên thiết bị dạy học.
 $3 \text{ chục} + 2 \text{ chục} = 5 \text{ chục}$
 $30 + 20 = 50$
(Chưa khái quát hoá biện pháp tính cho học sinh lớp 1).

Bước 4: **Kiểm tra**

Cả lớp cùng **đếm** theo chục (đếm thêm 10) trên thiết bị dạy học để khẳng định kết quả đúng.

2. Xây dựng biện pháp trừ (nhẩm) các số tròn chục trong phạm vi 100

- GV đặt vấn đề: $50 - 20 = ?$
- GV sử dụng thiết bị dạy học có sẵn trên bảng thể hiện phép trừ bằng thao tác tách 2 thanh chục sang một bên, còn lại 3 thanh chục là kết quả.
- HS nói cách tính:
 $5 \text{ chục} - 2 \text{ chục} = 3 \text{ chục}$
 $50 - 20 = 30$.
- GV giúp HS kiểm tra đúng sai, có thể bằng cách:
 - **Đếm bớt 10**
GV bớt từng chục trên thiết bị dạy học, HS đếm (50, 40, 30)
 - Dùng quan hệ cộng trừ:
 $50 - 20 = 30$ vì $30 + 20 = 50$.

LUYỆN TẬP

Bài 1: Khi sửa bài, HS nói cách tính. GV lưu ý cặp phép tính cột thứ hai ($20 + 60$ cũng bằng $60 + 20$).

Bài 2: GV hướng dẫn làm từ trái qua phải, HS **chỉ cần viết kết quả cuối cùng**.

Mở rộng: GV giúp HS nhận biết và gọi đúng tên các con vật trong tranh (SGK trang 101): bò sữa, heo, gà trống, gà con – chó, mèo, dê – ngựa, lừa, cừu, thỏ).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

Nhắc HS về nhà cùng người thân đếm từ 1 tới 100.

Cùng người thân đếm tất cả các con vật trong bức tranh (SGK trang 101), lưu ý đếm theo một trình tự nhất định, không bỏ sót, không trùng lặp.

Sau khi đếm xong, HS cùng phụ huynh đưa ngón tay (SGK trang 101) để thể hiện 1 chục và 3 đơn vị.

CHỤC – ĐƠN VỊ (2 tiết – SGK trang 102)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức kĩ năng:

- Nhận biết tên gọi **chục**, **đơn vị**; quan hệ giữa **chục** và **đơn vị**.
Sử dụng các thuật ngữ chục, đơn vị khi lập số và phân tích số.
- Làm quen: Đếm, lập số, đọc, viết số, phân tích cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 40.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: 30 khối lập phương.

HS: 20 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Đếm từ 1 tới 40. (HS đã biết đếm trước khi học số).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 17 – Chục, Đơn vị (SGK trang 102)

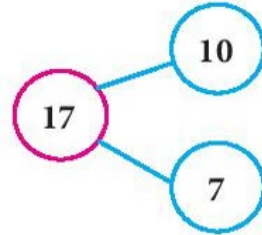
HS thực hành theo nhóm đôi.

- HS **đếm** từng trái xoài (từ 1 tới 17) và **nói**: có 17 trái xoài.

- HS dùng các khối lập phương **thể hiện** số 17.
Sau đó **nói**: có 1 chục và 7 (khối lập phương).
GV giới thiệu: có 1 **chục** và 7 **đơn vị**, ta có số 17.
HS chỉ vào mô hình khối lập phương, lặp lại lời GV.
GV giới thiệu cách viết (miệng nói, tay viết): Số mười bảy được viết bởi hai chữ số: chữ số 1 ở **bên trái (chỉ số chục)**, chữ số 7 ở **bên phải (chỉ số đơn vị)**.
HS **viết** và **đọc** số.

– **Phân tích** số:

- HS chỉ vào từng chữ số và nói:
17 gồm 1 chục và 7 đơn vị.
HS viết sơ đồ tách – gộp số.



2. Số 30

- Nhóm đôi học sinh tự thực hành tương tự số 17.
(Đếm – Lập số – Viết – Đọc số – Phân tích số).

3. Quan hệ giữa chục và đơn vị

- HS quan sát mô hình thanh chục, nhận biết:

10 đơn vị bằng 1 chục

1 chục bằng 10 đơn vị.

- GV chỉ vào mô hình 3 thanh chục:

Có mấy chục? (3 chục)

Tức là bao nhiêu đơn vị? (30 đơn vị).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- GV hướng dẫn mẫu, giúp HS **nhận biết** thứ tự các việc cần làm:
 - **Đếm** (từng cái) – **viết** số – **đọc** số
 - **Xác định** từng chục,
nói: hai mươi bảy có hai chục và bảy đơn vị.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều em nói.
(Nếu cần thiết, GV dùng mô hình các thanh chục và đơn vị để minh họa).

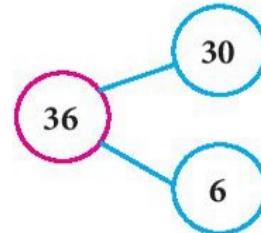
Bài 2:

- GV giúp HS **tìm hiểu** mẫu:
 - Có mấy chục? (1 chục), nên viết **chữ số 1** (để chỉ 1 chục).
 - Có mấy đơn vị? (1 đơn vị), nên viết **chữ số 1** (để chỉ 1 đơn vị).
 - Có 1 chục và 1 đơn vị, gộp lại được số mấy? (11), ta viết **chữ số 1** và **chữ số 1** lần lượt ở **chục** và **đơn vị**.
 - Đọc** số: mười một.
 - Nói**: Gộp một chục và một đơn vị được mười một.

- Sau khi sửa bài, HS **phân tích số** (nói)
Gộp một chục và chín đơn vị được mười chín.
Gộp hai chục và không đơn vị được hai mươi.

CỦNG CỐ

- Đếm từ 1 tới 40.
- Phân tích số 36 (36 gồm 3 chục và 6 đơn vị).
Viết sơ đồ tách – gộp số.



CÁC SỐ ĐẾN 40

(2 tiết – SGK trang 104)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số, phân tích, tổng hợp số theo cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 40.
- Vận dụng thứ tự các số trong phạm vi 40, dự đoán quy luật, hoàn thành dãy số.
- Mở rộng tính nhẩm dạng $10 + 4$, $14 - 10$ trong phạm vi 40.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: 40 khối lập phương.

HS: 20 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHOẢNG ĐỘNG

- **Đếm** (Nhóm đôi)
 - Dùng các khối lập phương: **đếm** từ 1 tới 40.
 - Không dùng khối lập phương:
 - Đếm xuôi** từ 1 tới 40.
 - Đếm ngược** từ 40 về 1.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 25 – Lập số, cấu tạo thập phân của số (SGK trang 104)

HS thực hành theo nhóm đôi.

- HS **đếm** từng cái bánh (từ 1 tới 25) và **nói**: có 25 cái bánh.

– HS dùng các khối lập phương **thể hiện** số 25.

Sau đó **nói**: có 2 chục và 5 đơn vị.

GV giới thiệu: có 2 **chục** và 5 **đơn vị**, ta có số 25.

HS chỉ vào mô hình khối lập phương, lặp lại lời GV.

GV giới thiệu cách viết (miệng nói, tay viết): Số hai mươi lăm được viết bởi hai chữ số: chữ số 2 ở **bên trái (chỉ số chục)**, chữ số 5 ở **bên phải (chỉ số đơn vị)**.

HS **viết** số 25 (bảng con).

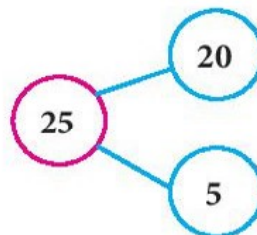
Nhận xét: chữ số 2 bên trái chỉ số chục, tức là 2 chục (hay 20)

chữ số 5 bên phải chỉ số đơn vị, tức là 5.

– **Viết** sơ đồ tách – gộp số:

Nói: 25 **gồm** 2 chục **và** 5 đơn vị.

Gộp 2 chục **và** 5 đơn vị **được** 25.



2. Đếm, đọc, viết số trong phạm vi 40

– **Đọc** số: HS **đọc** các số từ 21 tới 40 (SGK trang 104)

- Lưu ý: Cách đọc 21, 31 – 25, 35

24, 34 (24 có hai cách đọc: hai mươi bốn, hai mươi tư).

– **Viết** số:

- HS **nhận xét** chữ số hàng chục của các số: từ 21 tới 29, từ 30 tới 39.
- HS **viết** (bảng con) theo yêu cầu của giáo viên.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS quan sát mẫu, GV giúp HS **nhận biết**:

Có 2 chục và 8 đơn vị, ta có số 28

28 **gồm** 20 **và** 8

$$20 + 8 = 28$$

$$28 - 8 = 20.$$

Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói như trên.

Bài 2:

– Lưu ý HS, **quy luật** mà các em áp dụng **phải phù hợp với tất cả các số đã có sẵn** trong dãy số.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS tập **nói**, chẳng hạn:

- Dãy nước ngọt: các số đếm thêm 1.
- Dãy bánh chữ nhật: các số đếm thêm 1
- Dãy miếng dưa hấu: các số tròn chục từ bé đến lớn.
- Dãy bánh vuông: đếm thêm 5.
- Dãy miếng cam: đếm bớt 1...

Bài 3: Khi sửa bài, yêu cầu HS nói cách tính $16 + 3$, $80 - 50$.

Bài 4:

– GV lưu ý HS **suy nghĩ** để tìm cách đếm cho nhanh.

– Sửa bài: cả lớp đồng thanh **đếm**:

a) Cách 1: 2, 4, 6, ..., 36.

Cách 2: (3 hàng đầu, mỗi hàng có 10) **10, 20, 30, 32, 34, 36**.

b) Cách 1: (mỗi nhóm có 5) **5, 10, 15, ..., 40**.

Cách 2: (mỗi cột có 10) **10, 20, 30, 40**.

– Mở rộng (nếu còn thời gian): GV đưa ra các hình ảnh **thực tế** để học sinh đếm (**thêm 2, thêm 5, thêm 10**).

CỦNG CỐ

GV có thể tham khảo TRÒ CHƠI: ĐÚNG CHỖ – SAI CHỖ

– Cả lớp **điểm danh** từ 21 đến 40.

– Mỗi bạn **viết** số của mình ra bảng con.

– Mỗi lần GV đưa ra 4 yêu cầu về số, các bạn được gọi **mang theo bảng con, chạy lên** trước lớp, đứng **thành 2 đội** (trong mỗi đội, không có hai số giống nhau).

– GV yêu cầu mỗi đội **sắp xếp** theo một trình tự nào đó.

Ví dụ, GV ra lệnh:

- Số gồm 2 chục và 8 đơn vị

Số gồm 20 và 6

Số lớn hơn 26 nhưng bé hơn 28

Số được viết bởi chữ số 3 ở hàng chục, chữ số 0 ở hàng đơn vị.

- Xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, ví dụ:

Đội A	Đội B
26, 27, 28, 30	26, 28, 27, 30

- Cả lớp đồng thanh: Đúng chỗ, đúng chỗ (nếu đúng đúng).
Sai chỗ, sai chỗ (nếu đúng sai) – các bạn sửa lại.

SO SÁNH CÁC SỐ

(2 tiết – SGK trang 107)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

– Hệ thống cách so sánh số.

Nhận biết được cách so sánh hai số: So sánh số chục, số đơn vị.

– Xếp thứ tự các số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội.

B. Thiết bị dạy học

GV: 50 khối lập phương.

HS: 20 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. So sánh số chục, số đơn vị

– Dựa vào biểu tượng **nhiều hơn, ít hơn**:

Nhóm 3 học sinh

- Mỗi học sinh **chọn** một trong ba số: 14, 17, 21 **viết** vào bảng con.

14	17	21
A	B	C

- Mỗi bạn dùng các khối lập phương **thể hiện** số của mình.
- So sánh số lượng** khối lập phương để đưa ra **quan hệ** ($>$, $<$) giữa các số:

A **ít hơn** B, B **ít hơn** C

$$14 < 17 \quad 17 < 21$$

C **nhiều hơn** B, B **nhiều hơn** A

$$21 > 17 \quad 17 > 14$$

– So sánh các số bằng cách **so sánh số chục, số đơn vị**:

GV **giới thiệu**

- So sánh 14 và 17

1 chục **bằng** 1 chục

4 **bé hơn** 7

Vậy **$14 < 17$**

$$17 > 14.$$

- So sánh 17 và 21

1 chục **bé hơn** 2 chục

Vậy **$17 < 21$**

$$21 > 17.$$

– Tìm số **bé nhất, lớn nhất** trong các số 14, 17, 21

14 **bé hơn** 17, 17 **bé hơn** 21. Vậy 14 **bé nhất**

21 **lớn hơn** 17, 17 **lớn hơn** 14. Vậy 21 **lớn nhất**.

Chú ý: chưa yêu cầu học sinh lớp 1 nêu quy tắc khái quát khi so sánh hai số có hai chữ số.

2. Thực hành so sánh số (dùng thẻ chữ số và thẻ dấu hoặc bảng con)

Dùng các dấu $>$, $<$, $=$ để so sánh:

25 và 31 39 và 30

Lưu ý HS luôn kiểm tra xem đặt hoặc viết dấu có đúng không.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- GV đưa tay giả làm miệng cá sấu.



HS đồng thanh: “Hả họng bên nào, bên đó lớn”.

- Khi sửa bài, khuyến khích các em **giải thích** cách làm.

Bài 2: Khi sửa bài, GV khuyến khích các em giải thích cách làm.

Bài 3:

- a) **Quan sát** tranh, bằng **trực giác** nói ngay số mèo mập (béo) nhiều hơn hay số mèo ốm (gầy) nhiều hơn.

Những em sai có thể do lẫn lộn “nhiều hơn” và “bự hơn” (to hơn).

- b) **Đếm** số mèo ở từng tranh.

Lưu ý: với mèo ốm khuyến khích đếm nhanh.

5, 10, 15, 20, 25, 26, 27.

- c) **So sánh** $27 > 9$

Liên hệ với câu a, mèo ốm nhiều hơn là đúng.

CỦNG CỐ

GV có thể dùng trò chơi: ĐÚNG CHỖ – SAI CHỖ (tham khảo bài Các số đến 40).

CÁC SỐ ĐẾN 100

(3 tiết – SGK trang 109)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số, phân tích, tổng hợp số theo cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 100.
- Luyện tập các dạng phép cộng, trừ đã học; nhận biết quan hệ cộng, trừ; tính chất giao hoán của phép cộng trong trường hợp cụ thể.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

Phẩm chất: nhân ái (tôn trọng sự khác biệt giữa các dân tộc).

B. Thiết bị dạy học

GV: 100 khối lập phương.

HS : 20 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Đếm từ 1 tới 100.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 54 (nhóm bốn), (SGK trang 109)

– **Đếm** ong

Có thể đếm từng con hay đếm theo chục. Nếu cần, sử dụng các khối lập phương làm dấu.

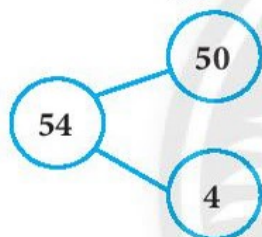
– Dùng các khối lập phương **thể hiện** số 54:

5 thanh chục và 4 khối lập phương.

– **Viết** 54 (bằng con)

Đọc số: năm mươi bốn (hay năm mươi tư).

– **Viết** sơ đồ tách – gộp số:



Nói: 54 **gồm** 5 chục **và** 4 đơn vị.

Gộp 5 chục **và** 4 đơn vị **được** 54.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS **nhận biết** các việc cần làm:

Đếm: có thể đếm từng trái (cà chua, măng cụt) hoặc đếm theo chục.

Viết số, **đọc** số.

– Khi sửa bài, GV hướng dẫn cách đếm nhanh.

Ví dụ: a) **Nhận biết** có một số nhóm đều có 10.

Đếm: 10, 20, 30, 40, 50, 51, 52, 53, ..., 63.

Bài 2:

– HS **phân tích** mẫu để **nhận biết:**

Có 4 thanh chục và 5 khối lẻ.

Có **4 chục** và **5 đơn vị**.

Ta có số **45**.

– Khi sửa bài, GV lưu ý sự **khác nhau** của **72** và **27**:

Mặc dù đều được viết bởi hai chữ số 7 và 2 nhưng **72** gồm **7 chục** và **2 đơn vị**

27 gồm **2 chục** và **7 đơn vị**.

Bài 3:

- Học sinh **quan sát** mẫu và **nhận biết** tại sao chọn bóng số 67.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** tại sao trong mỗi trường hợp, không chọn hai số còn lại.

Bài 4:

- HS **quan sát** mẫu, **nhận biết** trình tự làm:
số – viết **số chục**, **số đơn vị** vào bảng – viết **sơ đồ** tách – gộp số.
- Khi sửa bài, GV giúp HS **phân biệt**:
 - Cách viết **số chục** vào bảng chục – đơn vị
 - Cách viết **số chục** vào sơ đồ tách – gộp số.

Bài 5: Khi sửa bài, có thể yêu cầu HS **viết** sơ đồ tách – gộp số.

Bài 6: Khi phân tích mẫu, GV lưu ý HS **đọc** theo hai cách:

- 58 **gồm** 50 và 8
- **Gộp** 50 và 8 **được** 58.

Bài 7:

- HS **quan sát** mẫu, **nhận biết**:
Có 6 tấm bìa, mỗi tấm bìa có 10 chấm tròn nên có 60 chấm tròn.
Có 1 tấm bìa 5 chấm tròn.
Có tất cả 65 chấm tròn.
Ta viết $65 = 60 + 5$.
- Sau khi sửa bài, GV có thể cho HS **xếp thứ tự** các số: 65, 47, 29 từ bé đến lớn, **giải thích** cách làm.

Bài 8: Sửa bài, HS **nói** cách tính.

Bài 9:

- Tìm hiểu bài, HS **nhận biết**: dựa vào **cấu tạo** (thập phân) của số để biết đúng, sai.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn như vậy.
Ví dụ: $35 = 3 + 5$ sai, vì $35 = 30 + 5$
hay $3 + 5 = 8$
 $35 = 5 + 30$ đúng, vì $5 + 30 = 30 + 5 = 35$.

Bài 10:

HS làm việc nhóm sáu (bài mở rộng, HS khá, giỏi giúp các bạn khác).

- Tìm hiểu bài, HS **nhận biết**:
 - Các phép tính có thể viết theo **hàng ngang**, **cột dọc**
(**đọc** các phép tính theo hàng ngang: $30 + \square = 80 \dots$
đọc các phép tính theo cột dọc : $30 + 60 = \square \dots$)
 - Cần **chọn** số điền vào các ô “?” để có phép tính đúng.

- Nên bắt đầu từ dòng hoặc cột nào biết “**hai trong ba**” (thành phần của phép tính).

– Học sinh làm:

30	+	50	=	80
+		+		–
60	–	10	=	50
=		=		=
90	–	60	=	30

– Sửa bài:

- Hai nhóm, mỗi nhóm sáu bạn (4 bạn làm phép tính, 2 bạn kiểm tra) lần lượt lên hoàn thiện các phép tính (mỗi nhóm một bảng kẻ sẵn).
- Khi đọc lại các phép tính, GV nên cho HS đọc theo các cặp liên quan để kiểm tra đúng, sai.

Ví dụ: $30 + 60 = 90$

$90 - 60 = 30$.

Bài 11:

– GV giải thích giúp HS **nhận biết** yêu cầu của bài.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích các em **giải thích** tại sao em viết số đó (dựa vào cấu tạo số, đếm thêm,...).

GV có thể dùng sơ đồ tách – gộp số để minh họa.

– Tích hợp:

HS **nhận biết** các con vật ngủ ban ngày (mèo, dơi), ban đêm (gà, vịt).

CỦNG CỐ

GV có thể tham khảo trò chơi: BẠN LÀ AI?

HS: Bạn là ai? Bạn là ai?

GV: Tôi là số gồm 9 chục và 7 đơn vị.

HS viết (bảng con): 97, đưa bảng lên.

GV: đúng rồi !

Cả lớp vỗ tay.

Lưu ý: GV thay đổi nội dung, cách nói:

Ví dụ: Số gồm 2 và 60.

Số tròn chục lớn hơn 40 nhưng bé hơn 60.

ĐẤT NƯỚC EM

– GV giới thiệu:

Đây là các con tem. Mỗi con tem tượng trưng cho một dân tộc của nước Việt Nam.

Nước ta có bao nhiêu dân tộc?

– Học sinh đếm và trả lời: nước ta có **54 dân tộc**.

– Giáo viên liên hệ thực tế ở lớp

Ví dụ: Có ... bạn dân tộc Kinh

Có ... bạn dân tộc Chăm

Có ... bạn dân tộc Hoa

...

Các dân tộc như anh em một nhà, các bạn phải biết thương yêu, giúp đỡ nhau.

...

BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100

(3 tiết – SGK trang 116)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Hệ thống dãy số từ 1 tới 100:

Đọc, viết số, nhận biết thứ tự các số trong phạm vi 100.

– So sánh hai số trong phạm vi 100.

Khái quát hoá cách so sánh ba số trong phạm vi 100 (qua ví dụ cụ thể, không yêu cầu HS nói quy tắc).

Vận dụng thứ tự các số trong dãy số, dự đoán quy luật, hoàn thiện dãy số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Tìm hiểu bảng các số từ 1 đến 100 (SGK 116)

HS **quan sát** bảng, **thảo luận** (nhóm đôi), **nhận biết**:

– Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn (từ trái sang phải, từ trên xuống dưới).

– Các số trong cùng một hàng: số bên trái bé hơn số bên phải.

Các số trong cùng một cột: số trên bé hơn số dưới.

GV có thể dùng hình thức “hỏi nhanh, đáp gọn”, cho HS **so sánh** các cặp số trong cùng một hàng hay cùng một cột.

2. Đọc số

– **Đọc** lần lượt các số **từ bé đến lớn** (từ 1 đến 100)

– **Đọc** lần lượt các số **chẵn từ bé đến lớn** (từ 2 đến 100)

– **Đọc** các số ở ba cột tô màu:

- **Một**, mười **một**, hai mươi **một**, ..., chín mươi **một**
- **Bốn**, mười **bốn**, hai mươi **bốn**, ..., chín mươi **bốn**
(hay: **Bốn**, mười **bốn**, hai mươi **tư**, ..., chín mươi **tư**)
- **Năm**, mười **lăm**, hai mươi **lăm**, ..., chín mươi **lăm**.

3. Đếm

Dựa vào bảng, HS **đếm thêm** (thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10)
đếm bớt (bớt 1, bớt 10).

Ví dụ:

- Đếm thêm 1
GV chọn số 45
HS đếm từ 45 đến 100
từ 1 đến 45
từ 45 về 1
- Đếm thêm 2 (2, 4, 6, 8, ... hay 1, 3, 5, 7, ...)
- Đếm thêm 5 (5, 10, 15, ...)
- Đếm thêm 10 (7, 17, 27, ...)
Đếm bớt 10 (97, 87, 77, ...).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

Sửa bài, HS **đọc** dãy số và **nói** dãy số được xếp theo thứ tự nào.

Bài 2:

GV đọc số, HS **viết** số.

Bài 3:

– HS nhóm đôi tìm hiểu bài, **nhận biết**:

- Mỗi mảnh giấy là một phần của bảng các số từ 1 đến 100.
- Muốn biết số nào thiếu phải nhớ các số được sắp xếp thế nào (theo hàng? theo cột?).

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm (có nhiều cách lập luận).

Bài 4:

– HS nhóm đôi tìm hiểu bài, **nhận biết**:

- Mỗi hàng trong bình có 5 viên kẹo, đếm số kẹo có trong mỗi bình.
- So sánh để nhận ra thêm 2 viên kẹo vào bình 1 thì được bình 2, thêm 2 kẹo vào bình 2 thì được bình 3, ... bình cuối cùng có 41 viên kẹo.

Hoặc: số kẹo trong bình là dãy đếm thêm 2: 31; 33; 35; 37; 39; **41**.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm (có nhiều cách lập luận).

Bài 5:

– Nếu cần, HS lại **nói** câu: “Hả hòng bên nào, bên đó lớn”. Nhắc HS kiểm tra xem viết dấu có đúng không.

– Khi sửa bài, HS **giải thích** cách so sánh.

Với hai bài cột 3, có thể lập luận:

$$90 + 4 \text{ cũng bằng } 4 + 90$$

$$40 + 2 > 40 + 1 \text{ vì “cộng 2 sẽ được kết quả lớn hơn cộng 1”}.$$

Bài 6:

Nếu HS sử dụng bảng con, GV có thể hướng dẫn theo trình tự:

– **Xác định** yêu cầu cuối cùng của bài (sắp xếp các số từ lớn đến bé).

– **Viết** dấu phẩy (bảng con) để xác định vị trí ba số sẽ viết

,	,
---	---

– **So sánh** ba số:

- **So sánh số chục: 62, 58, 67**

5 chục bé hơn **6 chục** nên **58 bé nhất**

Viết bảng con

,	,	58
---	---	-----------

- **So sánh số đơn vị: 62, 67**

2 bé hơn **7** nên **62 bé hơn 67**

67 lớn nhất

Viết bảng con

67, 62, 58

– **Kiểm tra:** có đúng thứ tự từ lớn đến bé không?

Bài 7:

– HS **quan sát** tranh, **thảo luận** nhóm đôi, **nhận biết:**

Bên trái là hình ảnh **Ba, Ông** và **Cháu**.

Bên phải là **số tuổi** mỗi người (sắp xếp thế nào?).

Cần phải **tìm** xem mỗi người bao nhiêu tuổi.

– Khi sửa bài:

- GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

- GV lưu ý HS: Càng già thì tuổi càng lớn.

Không lẫn lộn chiều cao với số tuổi.

Bài 8:

– Tìm hiểu bài

- HS **quan sát** tranh, **nhận biết** tên gọi:

Kính khí cầu

Xe hơi (xe ô tô)

Thuyền buồm.

- GV giới thiệu:

Đây là một số phương tiện giao thông: đường không, đường bộ, đường thủy.

- HS nhận ra mỗi dãy phương tiện là một dãy số, cần phải tìm số còn thiếu.

– Lưu ý HS, xong một dãy số phải kiểm tra bằng cách đọc lại toàn bộ dãy số xem có phù hợp quy luật.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói tên dãy số (quy luật).

Ví dụ:

- Dãy số tròn chục từ bé đến lớn (dãy số đếm thêm 10)
- Dãy số đếm thêm 2
- Dãy số đếm thêm 5.

CỦNG CỐ TRÒ CHƠI: BẠN LÀ AI ?

Tham khảo: GV có thể ra các lệnh với nội dung về viết, đọc số, thứ tự số, cấu tạo số.

Ví dụ:

- Tôi là số lớn nhất trong bảng các số từ 1 đến 100.
- Tôi là số có hai chữ số giống nhau mà khi đọc có tiếng “lăm”.
- Tôi là số có 7 đơn vị và 2 chục.
- ...

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

GV nhắc HS về nhà cùng người thân tập đếm thêm, đếm bớt.

CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $34 + 23$, $57 - 23$

(3 tiết – SGK trang 120)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100 (đặt tính, tính).
- Nhận biết quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong các trường hợp cụ thể.

- Tính nhẩm cộng, trừ với các dạng đã học.
- Làm quen với việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ.
- Làm quen việc so sánh kết quả các phép tính.

2. Năng lực chú trọng: giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

GV: 57 khối lập phương.

HS: 20 khối lập phương.

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

KHỞI ĐỘNG

Nhóm 4: Dùng các khối lập phương **lập số** 34 và số 23.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 100

Có thể tiến hành theo hình thức: **Dạy học thông qua Giải quyết vấn đề.**

Bước 1: **Tìm hiểu vấn đề**

- Các nhóm **quan sát** phép tính $34 + 23 = ?$
- Thảo luận, **trình bày** nhận biết:

Ta phải **tính** $34 + 23$.

Bước 2: **Lập kế hoạch**

- GV gợi ý
 - Dùng các khối lập phương đã xếp ở phần khởi động **thể hiện phép tính $34 + 23$** .
 - HS **nhận biết** muốn tính $34 + 23$ phải **gộp** 3 thanh chục và 4 khối lập phương với 2 thanh chục và 3 khối lập phương để tìm số khối lập phương có **tất cả**.
- Các nhóm thảo luận, nêu cách thức giải quyết, nêu tên cách làm: **Đếm** hay **Tính**.

Các khả năng **có thể** xảy ra:

- **Đếm:**

Đếm trên các khối lập phương (đếm các thanh chục rồi đếm thêm các khối lập phương rời).

Đếm trên các ngón tay.

...

- **Tính:** $30 + 20 = 50$, $4 + 3 = 7$, $50 + 7 = 57$ nên $34 + 23 = 57$,
hoặc : $4 + 3 = 7$, $30 + 20 = 50$, $7 + 50 = 57$ nên $34 + 23 = 57$, ...

Bước 3: **Tiến hành kế hoạch**

- Các nhóm thực hiện kế hoạch

Viết phép tính đã hoàn thiện ra bảng con: $34 + 23 = 57$.

– Khuyến khích một vài nhóm **trình bày** cách thức giải quyết:

Làm bằng cách nào? (đếm hay tính)

Đếm thế nào?

Tính thế nào?

Giáo viên tổng kết ngắn gọn cách làm của các nhóm.

– GV **giới thiệu biện pháp tính**.

Để thực hiện phép cộng: $34 + 23$ ta có thể làm như sau:

- **Đặt tính:** viết số 34 rồi viết số 23 dưới số 34 sao cho các chữ số chục thẳng cột với nhau, các chữ số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu cộng, kẻ vạch ngang.
- **Tính** từ phải sang trái

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 23 \\ \hline 57 \end{array} \quad \begin{array}{l} 4 \text{ cộng } 3 \text{ bằng } 7, \text{ viết } 7 \\ 3 \text{ cộng } 2 \text{ bằng } 5, \text{ viết } 5. \\ \text{Vậy: } 34 + 23 = 57. \end{array}$$

(Các thao tác trên, GV vừa nói vừa viết.)

Cho vài HS **nêu** lại cách thực hiện phép cộng như trên.

Bước 4: **Kiểm tra**

Cả lớp cùng **đếm** theo chục trên các khối lập phương và đếm tiếp các khối lập phương rồi để khẳng định kết quả đúng.

2. Xây dựng biện pháp trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100

– GV đặt vấn đề: $57 - 23 = ?$

– Cho HS thực hiện phép trừ trên khối lập phương bằng thao tác tách 2 thanh chục và 3 khối lập phương sang một bên, còn lại 3 thanh chục và 4 khối lập phương rồi nói: $57 - 23 = 34$.

– GV **giới thiệu biện pháp tính**

GV hướng dẫn cho HS cách đặt tính trừ rồi tính như cách làm phép cộng ở trên

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline 34 \end{array} \quad \begin{array}{l} 7 \text{ trừ } 3 \text{ bằng } 4, \text{ viết } 4 \\ 5 \text{ trừ } 2 \text{ bằng } 3, \text{ viết } 3. \\ \text{Vậy: } 57 - 23 = 34. \end{array}$$

Cho vài HS **nêu** lại cách thực hiện phép trừ như trên.

GV giới thiệu thuật ngữ “Tính viết”

Việc thực hiện các phép tính bằng cách đặt tính như trên còn gọi là “tính viết”.

Nếu chỉ tính toán trong đầu thì gọi là “tính nhẩm”.

3. Thực hành (SGK trang 120, HS làm trên bảng con)

– Với mỗi phép tính, HS **thực hiện** từng bước:

- Đặt tính
- Tính

- Khi sửa bài
 - GV cho HS **nói** lại cách đặt tính và tính.
 - Hướng dẫn HS nói cách tính các bài ở cột 3.

Chẳng hạn: $40 + 50$

40 0 cộng 0 bằng 0, viết 0

+ 50 4 cộng 5 bằng 9, viết 9.

90 Vậy: $40 + 50 = 90$.

Lưu ý HS có thể cộng nhầm, đối chiếu kết quả với cộng viết.

- **GV có thể dùng một hình thức vui để lưu ý HS tránh sai lầm khi đặt tính.**

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS **nhắc lại** cách tính.
- Khi sửa bài, GV có thể cho HS **nói** lại cách tính câu cuối:

5 trừ 5 bằng 0, viết 0

3 trừ 2 bằng 1, viết 1.

Vậy $35 - 25 = 10$.

Bài 2:

- Khi phân tích mẫu lưu ý HS, ví dụ: “Tại sao phải viết chữ số 7 dưới chữ số 0?”.

GV đặt tính, nói cách tính theo mẫu như SGK trang 121, vừa nói vừa viết rồi cho HS nhắc lại (lần lượt từng phép tính).

- Khi sửa bài, GV có thể cho HS **nói** lại cách tính.

Bài 3:

- HS nhận biết yêu cầu của bài:
 - **Xác định** số bút màu trong mỗi hình tròn nhỏ, sau đó **xác định** tổng số bút màu trong hai hình tròn đó bằng cách **đếm**.
 - Viết bốn phép tính thích hợp từ ba số trên.
- Khi sửa bài, GV có thể yêu cầu mỗi tổ HS **đặt tính** và **tính** để kiểm tra lại kết quả.

Bài 4:

- Lưu ý HS **kiểm tra** đúng, sai sau mỗi bài.
- Khi sửa bài, GV lưu ý HS hai bài cột thứ hai (mỗi quan hệ cộng – trừ).

Bài 5: Khi sửa bài, GV cho HS nêu lại cách thực hiện (*tính từ trái sang phải*). Lưu ý, chỉ cần viết kết quả cuối cùng.

Bài 6: GV cần lưu ý HS cách **đặt tính** các phép tính $23 + 6$, $4 + 75$, $57 - 4$, $89 - 5$.

Bài 7:

- GV giúp HS nhận biết thứ tự làm: Tính rồi so sánh – Chọn dấu thích hợp.
- Để so sánh các kết quả, HS có thể thực hiện bằng các cách khác nhau:

- Tính ra kết quả rồi so sánh.
- Lập luận, chẳng hạn:
45 bớt 5 được số bé hơn 45
Vậy $45 - 5 < 45$.

GV cần đề ý rằng, những lập luận trên nhiều khi là những cảm nhận mà HS chưa nói được rành mạch, GV là người giúp các em nói lên những suy nghĩ của mình.

Bài 8:

- GV giúp HS nhận biết thứ tự làm: Đếm số trứng từng loại, gộp, viết phép tính.

CỦNG CỐ

HS nói lại cách đặt tính và tính khi cộng, trừ các số trong phạm vi 100.

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

Chim sáo

(2 tiết – SGK trang 123)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

– Ôn tập: đếm, đọc, viết số, phân tích, tổng hợp số theo cấu tạo thập phân của số, đọc giờ đúng.

– Giải quyết vấn đề:

- Làm quen với sơ đồ tách – gộp số dưới hình thức tóm tắt bài toán (lưu ý chưa dùng thuật ngữ “bài toán”).
- Dựa vào tranh vẽ, nói tình huống phù hợp sơ đồ tách – gộp số.
- Viết phép tính thích hợp.

– Làm quen: sắp xếp thứ tự thời gian trong ngày.

– Lắp, ghép, xếp hình theo yêu cầu.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Có trách nhiệm với bản thân: sinh hoạt nền nếp, rèn luyện thân thể.
- Yêu nước.

Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. Thiết bị dạy học

GV: Bộ xếp hình.

HS: Bộ xếp hình, đồng hồ.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

LUYỆN TẬP

Bài 1: (SGK trang 123)

HS **quan sát** tranh, **nhận biết**

– Tranh vẽ trâu và chim sáo.

– Chim **sáo bay** và chim **sáo đậu** (trên lưng trâu, để bắt ve cho trâu).

a) Lưu ý HS **đếm theo nhóm**, mỗi nhóm theo một **trình tự** nhất định.

b)

– Tìm hiểu bài:

- Dựa vào **tranh vẽ** và **sơ đồ** tách – gộp số, GV giúp HS **nói** một tình huống sử dụng câu hỏi để tìm “tất cả”.

Ví dụ: **Có 20** con sáo bay **và 8** con sáo đậu.

Hỏi tất cả có bao nhiêu con sáo? (chỉ tay vào dấu hỏi).

- HS **nhận biết** phải **viết phép cộng** để tìm số con sáo có tất cả.

– HS có thể **viết** phép tính: $20 + 8 = 28$ hay $8 + 20 = 28$.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích**: chọn phép **cộng** vì **gộp** 20 và 8 được “ ? ”

c)

– GV giúp HS **nói** tình huống, chẳng hạn:

Có tất cả 28 con sáo, **trong đó có 8** con sáo đậu.

Hỏi có bao **nhiều con bay**?

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích**: chọn phép **trừ** vì **tách** 28 thành 8 và “ ? ”.

Bài 2:

– Lưu ý HS, **quy luật** mà các em áp dụng **phải phù hợp với tất cả các số đã có sẵn** trong dãy số.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS tập **nói**, chẳng hạn:

- Dãy số tròn chục từ bé đến lớn.
- Dãy số đếm thêm 1.
- Dãy số đếm bớt 1.

Bài 3:

a)

– GV đưa tay giả làm miệng cá sấu.

HS đồng thanh: “Hả họng bên nào, bên đó lớn”.

– Khi sửa bài, khuyến khích các em **giải thích** cách làm.

b)

- GV giúp HS nhận biết thứ tự làm: Tính rồi so sánh – Chọn dấu thích hợp.
- Để so sánh các kết quả, HS có thể thực hiện bằng các cách khác nhau:
 - Tính ra kết quả rồi so sánh.
 - Lập luận, chẳng hạn:

75 bớt 2 được số bé hơn 75

Vậy $75 - 2 < 75$.

GV cần để ý rằng, những lập luận trên nhiều khi là những cảm nhận mà HS chưa nói được rành mạch, GV là người giúp các em nói lên những suy nghĩ của mình.

Bài 4: Khi sửa bài, khuyến khích các em **giải thích** cách làm.

Bài 5: HS **xoay kim** và **mô tả** “8 giờ: kim phút chỉ số 12, kim giờ chỉ số 8”;...

Bài 6:

- GV giải thích yêu cầu của bài.
- HS **thảo luận** nhóm bốn, **viết** đáp án (c, b, d, a) ra bảng con.
- Sửa bài, khuyến khích HS giải thích.

Chẳng hạn:

- Gà gáy, mặt trời đang mọc: Buổi sáng
- Mặt trời lên cao, nắng quá gà phải đứng dưới bóng cây: Buổi trưa
- Mặt trời đang lặn, gà chui vào chuồng: Buổi chiều
- Trăng, sao, gà đang ngủ: Buổi tối.

Bài 7: HS xếp hình theo mẫu.

Lưu ý HS **tưởng tượng**: cánh bướm, cánh hoa sen, cuống hoa.

ĐẤT NƯỚC EM

Nếu còn thời gian: GV giới thiệu về bông sen, đặc biệt là vẻ đẹp của những bông sen nở ở vùng Tháp Mười. GV có thể giới thiệu về công dụng của sen.

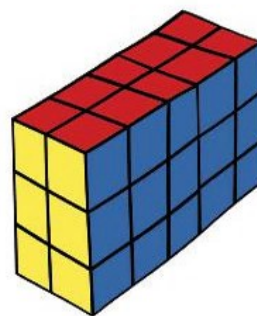
KIỂM TRA

A – TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

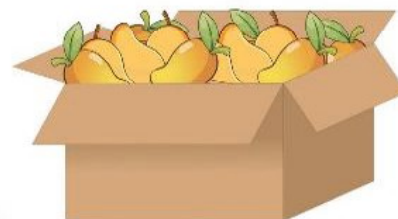
Câu 1: Hình bên có bao nhiêu khối lập phương nhỏ ()?

- A. 10
- B. 20
- C. 30



Câu 2: Thùng xoài có nhiều hơn 33 quả, ít hơn 35 quả. Vậy thùng xoài có:

- A. 33 quả
- B. 34 quả
- C. 35 quả



Câu 3: Chú thỏ nằm trong hộp có dạng hình:

- A. Khối hộp chữ nhật
- B. Khối lập phương
- C. Hình vuông

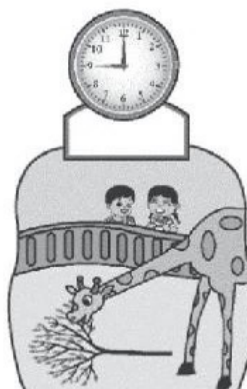
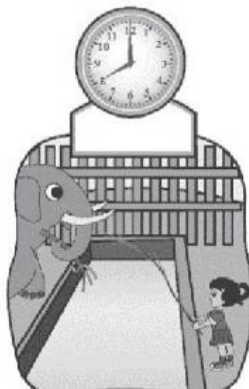


Câu 4: Phép tính nào có kết quả là 45?

- A. $50 + 4$
- B. $5 + 40$
- C. $45 - 5$

Câu 5: Trong hình vẽ dưới đây, lúc 9 giờ các bạn làm gì?

- A. Lên xe đi về.
- B. Cho voi ăn.
- C. Xem hươu cao cổ.



Câu 6: Năm nay, bác Tư 52 tuổi, anh Hai 25 tuổi, bà Sáu 70 tuổi.

- A. Bác Tư lớn tuổi nhất
- B. Anh Hai lớn tuổi nhất
- C. Bà Sáu lớn tuổi nhất

Câu 7: Số 75 đọc là

- A. Bảy năm
- B. Bảy mươi năm
- C. Bảy mươi lăm

Câu 8:

- A. 75 gồm 7 chục và 5 đơn vị
- B. 75 gồm 70 chục và 5 đơn vị
- C. 75 gồm 7 đơn vị và 5 chục

B – TỰ LUẬN

Câu 1: Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

57, 98, 89, 54.

Câu 2:

a) Tính nhẩm.

$$50 + 30 - 60 =$$

$$90 - 20 + 10 =$$

b) Đặt tính rồi tính.

$$41 + 27$$

$$58 - 26$$

$$5 + 73$$

CÁC NGÀY TRONG TUẦN

(1 tiết – SGK trang 126)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ. Nói được câu đơn giản liên quan đến việc sử dụng tên các ngày trong tuần.
- Làm quen với việc sử dụng các từ: tuần trước, tuần này, tuần sau.

2. Năng lực chú trọng: giao tiếp toán học, tư duy và lập luận toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt, Mĩ thuật.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

GV: 7 bảng con ghi sẵn tên 7 ngày trong tuần.

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu tên các ngày trong tuần lễ

a) Hệ thống lại tên các ngày trong tuần

Có thể làm như sau:

- GV hỏi: Em có nhớ tên các ngày trong tuần?
- HS nào **trả lời** đúng (mỗi HS chỉ nói tên một ngày) thì **chạy lên, cầm** bảng con đã ghi sẵn ngày đó (do GV đưa), lần lượt đủ 7 bạn rồi **xếp** theo thứ tự hàng ngang từ thứ hai đến chủ nhật (mặt nhìn xuống dưới lớp).

– GV giới thiệu:

- Mỗi tuần lễ có 7 ngày.
- Đây là tên các ngày trong tuần.
- HS **đọc** lần lượt từ thứ hai đến chủ nhật và ngược lại.

b) Nhận biết một tuần có 7 ngày (không nhất thiết từ thứ hai đến chủ nhật)

Có thể tổ chức trò chơi sau: Trò chơi “ĐỦ MỘT TUẦN”.

– GV ra lệnh: “Tính tới, đủ một tuần!” đồng thời chỉ vào một HS bất kì:

- Bạn HS đó **đứng dậy** và **nói** tên một ngày trong tuần (không nhất thiết là ngày thứ hai, chẳng hạn “thứ tư”).

- Sau đó lần lượt 6 bạn, từ bạn đứng bên phải bạn HS đó **đứng dậy** và **nói** tiếp các ngày còn lại theo thứ tự: “thứ năm”, “thứ sáu”,... , “thứ ba”.
 - Khi 7 bạn đã đứng lên thì cả lớp **đồng thanh**: “ĐỦ MỘT TUẦN”.
 - GV giới thiệu: Từ thứ tư tuần này đến hết thứ ba tuần sau là một tuần.
- GV ra lệnh: “Tĩnh lui, đủ một tuần!”.

Cách làm tương tự như trên, chỉ có sự khác nhau: em thứ hai đứng lên bên trái em đầu tiên.

Khi giới thiệu, GV nói, chẳng hạn: Từ thứ sáu tuần trước đến hết thứ năm tuần này là một tuần.

2. Tập nói các hoạt động theo các ngày trong tuần (SGK trang 126)

- Tìm hiểu bài:
- GV giới thiệu: Đây là các bức tranh vẽ hoạt động của các bạn HS trong một tuần.
 - HS chỉ tay vào các bức tranh và nói: thứ hai, thứ ba,... , chủ nhật.
 - GV chọn một tranh làm mẫu, giúp HS nhận biết cấu trúc cần phải nói: Thứ mấy? Làm gì?
- HS nói theo nhóm đôi, HS nói trước lớp.
- Tham khảo một số cách nói của HS:
- Thứ hai, em đi học.
 - Thứ ba, em đọc bài.
 - Thứ tư, em tập thể dục.
 - Thứ năm, em tập hát.
 - Thứ sáu, em trồng cây.
 - Thứ bảy, em thả diều.
 - Chủ nhật, em tập bơi.

Lưu ý GV:

- Yêu cầu chính là HS nói đúng tên các ngày trong tuần.
- Có thể hỏi thêm: Em thích nhất ngày nào trong tuần? Vì sao?
- Mở rộng: GV có thể nói về lợi ích của các hoạt động ngoài trời.

3. Tập nói các ngày trong tuần theo lịch in hình trái cây (SGK trang 127)

- HS xác định yêu cầu của bài.
- GV hướng dẫn HS quan sát lịch in hình trái cây và tập nói theo mẫu.
- HS tập nói theo nhóm đôi.
- HS nói trước lớp.

Mở rộng:

- GV có thể hỏi thêm: Em thích ăn loại trái cây nào nhất? Trong các loại trái cây trên, em chưa được ăn trái cây nào? Em còn biết thêm loại trái cây nào nữa?
- GV nêu lợi ích của trái cây.

CỦNG CỐ

GV yêu cầu HS tìm một bài hát quen thuộc có đề cập đến tên các ngày trong tuần? (Bài “Cả tuần đều ngoan”). Cho cả lớp hát bài hát trên.

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một tờ lịch (loại lịch tờ hằng ngày) mà em thích để chuẩn bị cho tiết học sau.

TỜ LỊCH CỦA EM

(1 tiết – SGK trang 128)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Xác định được thứ, ngày khi xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).
- Làm quen với lịch học tập hoặc công việc cá nhân trong tuần.
- Nhận biết được một số ngày lễ lớn trong năm của Việt Nam và thế giới.
- Sử dụng các thuật ngữ: hôm qua, hôm nay, ngày mai kết hợp với tên gọi các ngày trong tuần.

2. Năng lực chú trọng: giao tiếp toán học, tư duy và lập luận toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật.

Phẩm chất: Yêu đất nước (Tự hào dân tộc).

Yêu con người (Biết ơn thầy cô, cha mẹ).

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

GV: Tranh vẽ tờ lịch theo mẫu như SGK trang 128;

Tờ lịch của ngày học hôm đó;

Bảng thời khoá biểu của lớp;

Dòng trên cùng của bảng lớp ghi: Thứ ... ngày ... (để trống những chỗ chấm).

HS: Tờ lịch ngày đã sưu tầm.

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

KHOẢNG ĐỘNG

GV hỏi: Hôm nay là thứ mấy? Ngày bao nhiêu?

GV đặt vấn đề: Nếu ta quên (thứ, ngày) thì phải làm sao? (HS có thể trả lời nhiều cách).

Cách tốt nhất là xem lịch.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu tờ lịch ngày và hướng dẫn xem lịch (SGK trang 128)

GV đưa tờ lịch (đã chuẩn bị) và giới thiệu cho HS:

- Tên: lịch tờ hằng ngày (còn gọi là lịch “bóc”).
- Công dụng: nhận biết thứ, ngày.
- Cách xem lịch (đọc lịch):

- Thứ → Ngày
- HS **tìm** thứ, ngày trên tờ lịch.

HS **đọc** lại tờ lịch: thứ ..., ngày ...

Yêu cầu: HS đọc đúng thứ tự: thứ, ngày.

2. Thực hành xem lịch

- HS đọc các tờ lịch ở thực hành 1 (thứ ..., ngày ...).
- HS (nhóm bốn), mỗi bạn đọc tờ lịch của mình và các tờ lịch của các bạn (thứ ..., ngày ...).
- Một vài HS **đọc lớn** tờ lịch của các em.
- HS **đọc đồng thanh** tờ lịch của ngày học hôm đó, GV hoàn thiện dòng đầu trên bảng lớp.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- Tìm hiểu bài, GV giúp HS nhận biết:
 - Mỗi tờ lịch vui có hai dòng: thứ, ngày (từ dưới lên).
 - Nhiệm vụ: xác định được thứ, ngày trên mỗi tờ lịch vui.
- Tìm cách làm: Nên bắt đầu từ đâu? Vì sao?
- HS làm bài.
- Khi sửa bài, GV giúp HS kiểm tra các thông tin theo hàng ngang, từ trái sang phải:
 - Thứ: có đúng thứ tự các ngày trong tuần?
 - Ngày: có phải các số đếm thêm 1?

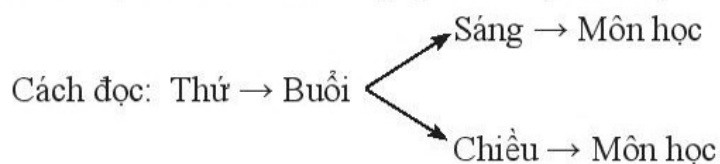
Bài 2:

- Tìm hiểu bài: HS đọc bảng, nêu yêu cầu của bài.
- Khi sửa bài, GV nên hỏi lại HS em dựa vào đâu để xác định được ngày như vậy?

Bài 3:

- GV đưa ra thời khoá biểu của lớp và giới thiệu: Đây là thời khoá biểu của lớp.

- GV giải thích cho HS hiểu tác dụng của thời khoá biểu.
- HS đọc thời khoá biểu ngày hôm nay của lớp.



Mở rộng: Đọc thời khoá biểu để biết soạn cặp hằng ngày, chuẩn bị bài chu đáo.

CỦNG CỐ

- GV có thể cho HS nghe đọc bài thơ “Ngày hôm qua đâu rồi” (Bế Kiến Quốc).
- Giáo dục HS biết quý trọng thời gian, sắp xếp thời gian học tập vui chơi hợp lí, làm những việc có ích tùy vào sức của mình.

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Em và các bạn (1 tiết – SGK trang 130)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

Luyện tập:

- Đếm (thêm 1; 2; 5 hoặc 10).
- Giải quyết vấn đề:
 - Làm quen cách tóm tắt bài toán bằng ngôn ngữ.
 - Chọn được phép tính thích hợp và thực hiện được phép tính đó (trừ không nhớ trong phạm vi 100).
- Xem giờ đúng, sử dụng tên các ngày trong tuần để nói câu thể hiện thời điểm.

Sử dụng được các thuật ngữ *hôm qua*, *hôm nay*, *ngày mai* kết hợp tên các ngày trong tuần để nói.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt (nói câu), Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

LUYỆN TẬP

Bài 1: GV có thể tổ chức để HS đếm số bạn trong nhóm cụ thể

Thực hiện như sau:

- *Chuẩn bị:* GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm có cả nam và nữ và có không quá 10 em (Số lượng HS trong các nhóm không nên bằng nhau, có thể phân 8, 9 hoặc 10 em thành 1 nhóm).

- *Tiến hành:*

GV giúp HS **nhận biết** yêu cầu của bài.

Đếm số bạn trong cả nhóm, đếm số bạn gái, đếm số bạn trai.

Viết số bạn để hoàn thiện tóm tắt.

Bài 2: Đếm số bàn tay, số ngón tay của các bạn trong nhóm cụ thể

Đếm số bàn tay, số ngón tay của các bạn trong nhóm.

Viết số bàn tay, số ngón tay.

- GV lưu ý các em:

Có **nhều cách đếm** (thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10), HS **cần nhắc** xem với mỗi trường hợp nên đếm theo mấy cách, đó là những cách nào (nên ít nhất là hai cách).

Người đếm **thường quên** không đếm bản thân mình!

- HS trong nhóm **thảo luận**, nhóm trưởng **phân việc** cho các bạn (chẳng hạn, cứ hai bạn cùng đếm theo một cách (thêm 1, thêm 2, ...), hai bạn viết kết quả đếm).
- Các nhóm **thực hiện** (GV giúp đỡ các nhóm còn lúng túng).

Thông báo kết quả, **nhận xét** đánh giá.

- GV có thể khái quát các cách đếm bằng cách:

Yêu cầu một nhóm đứng thành hàng ngang trước lớp.

HS **đếm đồng thanh** theo tay chỉ của GV (đếm theo nhiều cách).

Nhận xét cách nào đếm nhanh hơn.

Đếm bạn: thêm 1, thêm 2.

Đếm bàn tay: thêm 1, thêm 2 (mỗi bạn đều có hai bàn tay, ta chỉ cần chỉ lần lượt vào các bạn và đếm 2, 4, 6, ...).

Đếm ngón tay: thêm 1, thêm 2, thêm 5 (Tại sao?), thêm 10 (Tại sao?).

Bài 3: Mục đích của bài này:

Từ tình huống cụ thể trong lớp học, GV giúp HS thu thập các số liệu để hoàn thiện tóm tắt của bài toán (HS làm quen với tóm tắt bằng ngôn ngữ, bước đầu làm quen với cách thể hiện số liệu trên một bảng, tránh bỏ ngỏ khi học *Một số yếu tố thống kê và xác suất* ở lớp 2).

Viết được phép tính phù hợp với tóm tắt.

Dựa vào cấu trúc bài toán trong SGK, GV khéo léo tạo tình huống để các số liệu phù hợp với khả năng tính toán của HS (cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100), chẳng hạn:

– Tạo tình huống:

- GV yêu cầu một số bạn ngồi phía trên đứng dậy.
- HS trả lời các câu hỏi của GV, GV viết các số liệu đó vào bảng (đã kẻ sẵn)

Lớp mình có tất cả bao nhiêu bạn?

(giả sử có 35 bạn), GV viết:

Có bao nhiêu bạn đang đứng?

(HS đếm: 12 bạn), GV viết:

Không biết có bao nhiêu bạn ngồi?

(Không yêu cầu trả lời), GV viết:

Cả lớp	35 bạn
đứng	12 bạn
ngồi	... bạn?

– **GV yêu cầu 12 bạn ngồi xuống và hướng dẫn cả lớp tìm hiểu tóm tắt**

- Đọc bảng (theo từng hàng, từ trái sang phải), diễn đạt thành câu văn ngắn gọn:

Cả lớp có : 35 bạn

Trong đó có : 12 bạn đứng

Còn lại bao nhiêu bạn ngồi?

- HS xác định việc phải làm.

– HS thực hiện phép tính.

– HS kiểm tra lại kết quả.

– Sau khi sửa bài, GV có thể yêu cầu 12 HS vừa này đứng lên, cả lớp đếm các bạn ngồi để kiểm tra kết quả.

Lưu ý: GV có thể yêu cầu HS nói tình huống và viết phép tính thích hợp theo bảng tóm tắt trong SGK trang 130.

Bài 4:

a)

– Tìm hiểu bài:

- GV giới thiệu khái quát (Các bức tranh nói về cái gì?).

- Lưu ý HS khi quan sát tranh:

Mấy giờ? → Buổi nào? → **Thứ mấy?** → Làm gì?

- GV hướng dẫn HS một tranh làm mẫu theo cấu trúc trên.

– HS nhận biết cách làm: dựa vào tranh, dựa vào cấu trúc trên.

– HS (nhóm bốn) thảo luận, tập nói theo mẫu. Trình bày trước lớp.

– GV cùng HS kiểm tra, đánh giá.

Lưu ý: Yêu cầu chính: **Lúc ... giờ, thứ ...**

Tham khảo một số cách nói của HS:

Lúc 7 giờ sáng thứ hai, Bình và các bạn chào cờ.

Lúc 8 giờ sáng thứ ba, Bình và các bạn học toán.

Lúc 4 giờ chiều thứ tư, Bình và các bạn tan trường.

Lúc 7 giờ tối thứ năm, Bình và ba mẹ ăn cơm.

Lúc 10 giờ tối thứ sáu, Bình đi ngủ.

Lúc 12 giờ trưa thứ bảy, Bình nghe ông bà kể chuyện.

Lúc 9 giờ sáng chủ nhật, Bình và các bạn đá bóng (banh).

b) HS **tìm hiểu** bài và **tập nói** theo mẫu.

ĐỘ DÀI

(2 tiết – SGK trang 132)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Làm quen biểu tượng độ dài qua việc nhận biết “dài hơn”, “ngắn hơn”.

Sử dụng đúng các thuật ngữ:

dài hơn, ngắn hơn, dài nhất, ngắn nhất khi so sánh độ dài các vật

cao hơn, thấp hơn, cao nhất, thấp nhất khi so sánh chiều cao các vật.

– Biết so sánh độ dài các vật tùy ý bằng hai cách: so sánh trực tiếp hoặc so sánh gián tiếp qua độ dài trung gian.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

GV: 3 băng giấy màu xanh, đỏ, vàng có chiều dài khác nhau.

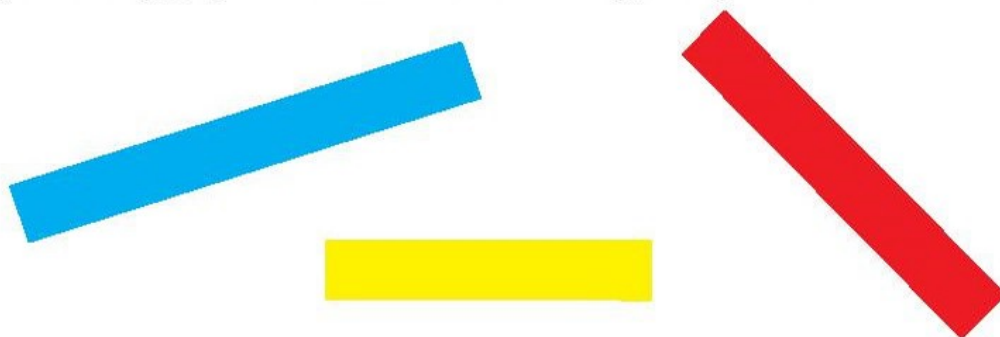
HS: Một số dụng cụ học tập: bút, kéo, thước, băng con,...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Nhận biết dài hơn, ngắn hơn

– GV gắn ba băng giấy màu sắc khác nhau lên bảng, chẳng hạn:



– Làm sao để biết, băng giấy xanh và băng giấy đỏ, băng giấy nào dài hơn, băng giấy nào ngắn hơn?

– GV hướng dẫn **hai thao tác** (khi so sánh trực tiếp)

- **Đặt** hai băng giấy sao cho một đầu bằng nhau
- Mắt **nhìn** đầu kia, **kết luận**:

Băng giấy xanh **dài hơn** băng giấy đỏ.

Băng giấy đỏ **ngắn hơn** băng giấy xanh.

(HS lặp lại nhiều lần).



– So sánh băng giấy đỏ và băng giấy vàng

- Một HS lên bảng **thực hiện** thao tác thứ nhất (đặt băng giấy vàng)
- Cả lớp **kết luận**:

Băng giấy đỏ dài hơn băng giấy vàng.

Băng giấy vàng ngắn hơn băng giấy đỏ.



2. Thực hành so sánh độ dài, chiều cao

a) Sử dụng hình ảnh trong SGK (trang 132), so sánh độ dài các cây bút chì

HS (nhóm đôi) **quan sát** hình ảnh, **nói** được các câu so sánh độ dài bằng cách sử dụng các từ: dài hơn, ngắn hơn.

b) Dài nhất, ngắn nhất

HS **quan sát** ba băng giấy, trả lời các câu hỏi:

– Băng giấy nào dài nhất?

– Băng giấy nào ngắn nhất?



c) So sánh đồ dùng học tập

HS (nhóm đôi) sử dụng đồ dùng học tập (mỗi lần 2, 3 hoặc 4 đồ dùng), **thực hành** theo hai thao tác khi so sánh trực tiếp độ dài các vật (dùng các từ: dài hơn, ngắn hơn, dài bằng, dài nhất, ngắn nhất).

3. Nhận biết và thực hành so sánh chiều cao

– HS quan sát tranh các con vật

- **Gọi** đúng tên các con vật.

- **So sánh** chiều cao các con vật, **sử dụng** các từ: **cao hơn, thấp hơn, cao nhất, thấp nhất**.

Chẳng hạn: Ngựa vằn cao hơn tê giác, tê giác thấp hơn ngựa vằn.

Hươu cao cổ cao nhất, tê giác thấp nhất.

...

– Thực hành so sánh chiều cao với các bạn

- GV chọn 3 HS có chiều cao chênh lệch rõ nhất đứng trước lớp. GV giới thiệu cách so sánh chiều cao.

Lưu ý: **Vị trí** đứng, **tư thế** đứng.

Nhìn vào đỉnh đầu để **kết luận**.

- Nhóm HS (3 hoặc 4 em) **thực hành** so sánh chiều cao (sử dụng các từ cao hơn, thấp hơn, cao bằng, cao nhất, thấp nhất).

Mở rộng

GV nghiên cứu, có thể nói về sự thích nghi của mỗi con vật trong tranh đối với môi trường sống, đặc biệt nói về nguy cơ tuyệt chủng của tê giác do nạn săn trộm để lấy sừng.

LUYỆN TẬP

Bài 1: (SGK trang 134)

– Tìm hiểu bài, GV giúp HS **nhận biết**:

Yêu cầu của bài (So sánh chiều dài 2 xe).

– HS **làm** cá nhân.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm.

Bài 2:

– HS đọc yêu cầu của bài, **nhận biết** phải so sánh chiều dài hai đoàn tàu (xanh và đỏ) và giải thích tại sao.

– HS (nhóm đôi) **thảo luận** nhanh và trả lời ngay.

– Khi sửa bài, GV giúp HS **nhận biết**:

Do hai đoàn tàu không cùng trên đường thẳng, nên mặc dù một đầu bằng nhau ta vẫn không kết luận được.

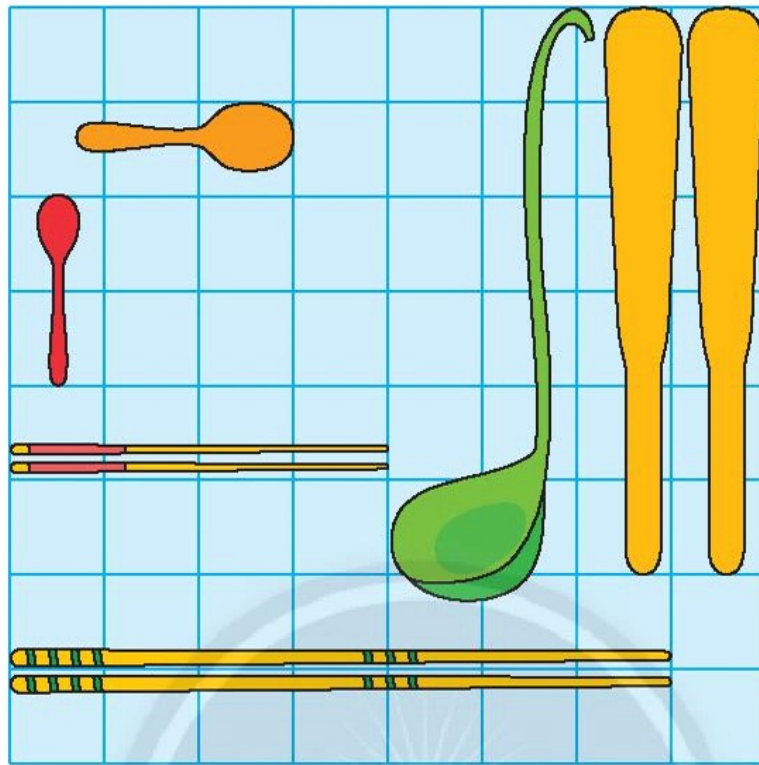
Dựa vào số toa (đều có 1 đầu tàu và 6 toa; các đầu tàu, các toa xe cùng kích cỡ, chỉ khác màu), ta biết hai đoàn tàu dài bằng nhau.

GV có thể minh họa bằng cách dùng hai HS có chiều cao như nhau; một bạn đứng thẳng, một bạn cong người cúi về phía trước.

Bài 3:

– Tìm hiểu bài

HS **nhận biết** các vật dụng trong tranh.



GV lưu ý HS **nhận biết**: các vật dụng được vẽ trên nền các ô vuông.

HS đọc yêu cầu của bài.

– HS (nhóm đôi) **thảo luận**, tập **nói** (dùng các từ đề bài yêu cầu).

Nên để HS **tự nhận biết** cần phải dựa vào số ô vuông trong các trường hợp so sánh không trực tiếp.

– Khi sửa bài, khuyến khích các em **giải thích**, chẳng hạn:

Muỗng canh dài hơn 2 ô, muỗng cà phê dài 2 ô. Muỗng canh dài hơn, muỗng cà phê ngắn hơn.

Hai đũa cả dài bằng nhau (hai đầu bằng nhau hoặc đều dài 6 ô).

...

ĐẤT NƯỚC EM

Tùy thuộc vào thời gian, GV có thể lựa chọn trong các nội dung sau:

– HS **nói** về các chất liệu để làm vật dụng nhà bếp: nhựa, inox, tre, gỗ,...

GV giới thiệu một trong những vật dụng thân thiện với môi trường: các sản phẩm từ cây dừa.

Bến Tre là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Nơi đây trồng rất nhiều loại cây ăn trái và đặc biệt trồng rất nhiều dừa nên Bến Tre có biệt danh là “Xứ dừa”.

Cây dừa có rất nhiều công dụng (GV gợi ý để HS **tìm hiểu**).

Quả dừa: nước dừa, cùi dừa, gáo dừa, vỏ quả dừa

Lá dừa

Thân dừa.

HS **xem** ảnh: một số vật dụng làm từ gáo dừa, thân dừa.

– **Xác định** vị trí tỉnh Bến Tre trên bản đồ SGK trang 157.

ĐO ĐỘ DÀI

(2 tiết – SGK trang 136)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết nhu cầu cần có đơn vị đo và nhu cầu đo độ dài.
- Làm thước đo, ước lượng, đo độ dài theo đơn vị “khối lập phương”.
- Thực hành đo và ước lượng độ dài theo một số đơn vị tự quy ước thông dụng (gang tay, sải tay, bước chân, viên gạch).

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

HS và GV: 7 khối lập phương.

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Đo độ dài

a) Tạo tình huống: Nhu cầu xuất hiện đơn vị đo

Nhóm bốn HS hoạt động theo trình tự:

– **Nhận biết** yêu cầu: xác định băng giấy ngắn nhất, băng giấy dài nhất trong 4 băng giấy (cam, hồng, xanh dương, vàng).

– HS **quan sát, thảo luận**.

– Các nhóm **trình bày** kết quả.

Lúc này có ba luồng ý kiến về băng giấy dài nhất: băng xanh dài nhất, băng vàng dài nhất, băng xanh và băng vàng dài bằng nhau và dài nhất.

b) Giới thiệu đơn vị đo tự quy ước (“khối lập phương”), dụng cụ đo và cách đo

GV nêu vấn đề:

Các băng giấy này không bóc được ra để đặt một đầu bằng nhau, không có nền các ô vuông để kết luận.

Để biết chính xác băng giấy nào dài nhất ta sẽ kiểm tra bằng cách đo.

– Có thể dùng một que đo (chẳng hạn bút chì dài).

GV hướng dẫn HS:

Dùng bút chì **đo** băng giấy vàng, **bấm** đầu móng tay ngón cái giữ làm mốc đánh dấu (có thể xoay ngược SGK để dễ đo).

Đặt bút chì (có đầu móng cái giữ mốc) vào băng giấy xanh, **kết luận**: hai băng giấy xanh và vàng dài bằng nhau và cùng dài nhất.



Tuy nhiên trong nhiều trường hợp (đo nhiều vật, cần thông báo mỗi vật dài bao nhiêu,...) thì cách đo này không thuận tiện.

– Dùng đơn vị đo: khối lập phương, đo bằng thước

- Để thuận lợi cho việc đo, người ta thường làm cây thước đo. GV hướng dẫn HS dùng 7 khối lập phương **làm** một cây thước.

- Hướng dẫn **đo** (trên một băng giấy cụ thể: băng giấy vàng).

Đặt thước: Đầu thước bằng đầu băng giấy.

Mép thước sát mép băng giấy.

Đọc kết quả đo: Đếm số khối lập phương theo chiều dài băng giấy.

Đọc kết quả: 6 khối lập phương.

Viết kết quả: Có thể viết tắt, chẳng hạn, Vàng: 6 khối.

- HS thực hành **đo** các băng giấy còn lại.

Vàng: 6 khối

Cam: 3 khối

Xanh dương: 6 khối

Hồng: 1 khối.

Quan sát số liệu mới ghi chép, HS **giải thích** một số trường hợp.

Ví dụ: Băng cam dài hơn băng hồng vì băng cam dài 3 khối, băng hồng dài 1 khối.

HS **nêu** các băng giấy theo thứ tự từ ngắn tới dài.

Hồng, cam, xanh dương và vàng **hoặc** hồng, cam, vàng và xanh dương.

2. Thực hành đo độ dài

Thực hành 1. Ước lượng, đo độ dài bằng thước khối lập phương

- Hướng dẫn mẫu: Khung long cam (cùng một con, được vẽ hai lần).
 - Hình bên trái: ước lượng (bằng mắt).
HS **quan sát** các khối lập phương trên cây thước, **tưởng tượng** từ vạch bên trái sang vạch bên phải ở hình khung long sẽ đặt được mấy khối lập phương sát cạnh nhau.
Viết số đo (chẳng hạn: 2 khối,...).
 - Hình bên phải: **đo** bằng thước.
HS dùng thước khối lập phương **đo** khung long.
 - **So sánh** kết quả đo và ước lượng, rút kinh nghiệm.
- HS làm (cá nhân) các câu còn lại. (Kết quả đo: a) 2 khối, b) 5 khối, c) 4 khối).
- Mở rộng: HS có thể đo để biết một đốt ngón tay của em có độ dài như thế nào so với một khối lập phương.

Thực hành 2. Đo độ dài bằng các đơn vị tự quy ước

Gang tay, bước chân, sải tay, viên gạch (các đơn vị thường dùng trong cuộc sống).

Với mỗi đơn vị, GV giới thiệu **Độ lớn** của đơn vị, **Thao tác đo**, một vài HS **đo** trước lớp.

- Gang tay
 - Độ dài (khoảng cách) từ đầu ngón cái tới đầu ngón giữa khi căng bàn tay.
 - Khi đo: Căng bàn tay –
Sau đó co đầu ngón cái trùng với đầu ngón giữa, rồi lại căng bàn tay.
- Bước chân
 - Độ dài từ mũi chân này tới mũi chân kia (hoặc từ gót chân này tới gót chân kia) sau một bước chân.
 - Chuẩn bị đo: Đứng chụm hai chân bằng nhau sao cho mũi chân (hay gót chân) vừa chạm vật cần đo.
Khi đo: bước chân bình thường, thoải mái.
- Sải tay
 - Độ dài giữa hai đầu ngón giữa khi dang hai cánh tay.
 - Thao tác đo tương tự khi đo bằng gang tay.
- Viên gạch
 - Chiều dài cạnh ô gạch vuông trong lớp học.

LUYỆN TẬP

GV có thể kết hợp Thực hành 2 và Luyện tập vào cùng một thời điểm.

Bài 1:

- HS (nhóm đôi) **ước lượng** và **đo** cạnh dài của bàn học.
- Khi sửa bài, GV giải thích tại sao kết quả các nhóm không giống nhau.

Bài 2: Có thể tiến hành như sau:

- Một HS có chiều cao trung bình đứng **đang tay** trước bảng lớp.
Cả lớp **ước lượng** theo sải tay của bạn đó.
- HS đó **đo** chiều dài bằng bằng sải tay.

Bài 3. So sánh kết quả đo với ước lượng.

- Cả lớp **ước lượng**.
- **Đo:** Có thể chia việc theo tổ.
Hai tổ đo theo chiều ngang (chiều rộng), hai tổ đo theo chiều dọc (chiều dài) lớp học.
GV lưu ý HS nên thực hành nhiều lần: đo ở lớp, ở nhà (vào những thời điểm thích hợp).

Khám phá

Sự liên quan giữa chiều cao và chiều dài sải tay của một người.

- Một HS nằm duỗi thẳng trên bàn GV. GV làm dấu chiều cao bạn đó.
- Vẫn HS đó được lấy dấu chiều dài sải tay trên mặt bàn GV.

So sánh hai độ dài, GV giúp HS **nhận biết**:

Thường thì chiều cao và độ dài sải tay của một người bằng nhau.

XĂNG-TI-MÉT. ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI

(2 tiết – SGK trang 140)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Làm quen với việc nhận biết thuộc tính “dài, ngắn” của một vật.
- Nhận biết được đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét: tên gọi, kí hiệu; cách đọc, cách viết; độ lớn.
- Thực hiện được việc ước lượng (phạm vi 20 cm) và đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là xăng-ti-mét (đo 1 lần, đo liên tiếp, phạm vi 100 cm).
- So sánh các độ dài theo đơn vị đo xăng-ti-mét.
- Làm quen với việc giải quyết vấn đề với các số đo theo đơn vị xăng-ti-mét (trong phạm vi 100).
- Đo và ghi nhớ số đo theo xăng-ti-mét một số bộ phận cơ thể: chiều ngang móng tay, chiều dài ngón trỏ, chiều dài bàn tay, chiều dài gang tay.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: Ham học (thích đọc sách); có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

GV và HS: thước thẳng có vạch chia thành từng xăng-ti-mét (nên sử dụng các thước thẳng có vạch chia từ 0 đến 20 cm).

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu đơn vị đo độ dài (cm) và dụng cụ đo độ dài (thước thẳng có các vạch chia thành từng xăng-ti-mét)

a) Tạo tình huống: nhu cầu xuất hiện đơn vị đo chuẩn

- Yêu cầu: đo chiều ngang phòng học bằng bước chân.
- GV chọn hai HS chênh lệch lớn về chiều cao. Mỗi HS lần lượt đo, sau đó GV đo.
- HS dưới lớp nhận xét các kết quả đo, giải thích tại sao các số đo khác nhau (bước chân mỗi người khác nhau).

b) Giới thiệu đơn vị đo

– Tên gọi

Trong cuộc sống, nhiều khi chúng ta cần những số đo độ dài chính xác, ai đo cũng cho kết quả như nhau, do đó cần có các đơn vị đo thống nhất cho mọi người.

Xăng-ti-mét là một đơn vị đo độ dài (cả thế giới đều dùng).

HS đọc: xăng-ti-mét (nhiều lần).

– Kí hiệu

Xăng-ti-mét viết tắt là cm, đọc là xăng-ti-mét.

HS viết và đọc: 5 cm, 8 cm, 12 cm.

– Độ lớn

- GV giới thiệu cây thước thẳng có chia vạch xăng-ti-mét và công dụng (kẻ, vẽ, đo).
- HS đặt ngang cây thước trên mặt bàn:

Các số ở phía trên

Số 0 phía ngoài cùng, bên trái.

- GV giới thiệu độ lớn của xăng-ti-mét, HS dùng đầu bút chì kéo từ vạch này tới vạch khác theo yêu cầu của GV, đọc độ lớn. Chẳng hạn:

Từ vạch 0 tới vạch 1: 1 cm

Từ vạch 1 tới vạch 2: 1 cm

Từ vạch 7 tới vạch 8: 1 cm

Từ vạch 0 tới vạch 2: 2 cm

Từ vạch 0 tới vạch 7: 7 cm

Từ vạch 0 tới vạch 16: 16 cm

...

- Đọc số đo băng giấy vàng, băng giấy xanh:

Băng giấy vàng: Từ vạch nào tới vạch nào?

Băng giấy vàng dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Băng giấy xanh: Từ vạch nào tới vạch nào?

Băng giấy xanh dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

2. Giới thiệu cách đo độ dài bằng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét

a) GV giới thiệu cách đo trên một mẫu cụ thể (băng giấy màu cam), HS làm theo chỉ dẫn

- **Cầm** thước: Các số ở phía trên
Số 0 phía ngoài cùng, bên trái.
- **Đặt** thước: **Vạch 0** của thước trùng với một đầu của băng giấy.
Mép thước sát mép (cần đo) của băng giấy
(luôn kiểm tra xem có đặt đúng thước theo hai yêu cầu trên không).
- **Đọc** số đo: Đầu còn lại của băng giấy trùng vạch nào trên thước thì đọc số đo theo vạch đó (mười hai xăng-ti-mét).
- **Viết** số đo: 12 cm.

b) Thực hành đo

- HS **đo** băng giấy màu xanh, băng giấy màu hồng.
- **Quan sát** hình vẽ, **nhận biết** băng giấy dài nhất, băng giấy ngắn nhất trong ba băng giấy.
Kiểm tra lại bằng các số đo.

LUYỆN TẬP

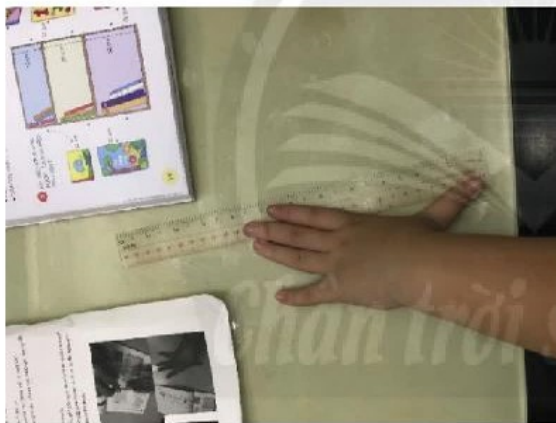
Bài 1:

- HS **nhận biết** cần ước lượng (bằng mắt) và **đo** bằng thước (đơn vị xăng-ti-mét) và **viết** số đo.
- GV lưu ý HS:
 - Ước lượng và đo theo các mũi tên màu đỏ.
 - Khi ước lượng: quan sát khoảng cách 1 cm trên thước, hình dung xem mũi tên màu đỏ gồm bao nhiêu khoảng cách đó.
(Có thể dựa vào các khoảng cách 2 cm, 3 cm, ...).
 - Kết quả ước lượng thường dùng từ “khoảng” (vì không biết có chính xác không).
- Khi sửa bài, cần đối chiếu kết quả ước lượng và đo; nếu sai lệch nhiều quá, hướng dẫn ước lượng lại.

Bài 2:

– GV giúp HS **nhận biết**:

- Chiều dài ngón trỏ: Ngửa bàn tay, đo từ nếp gấp giữa ngón trỏ và bàn tay tới đầu ngón trỏ.
- Chiều dài bàn tay: Ngửa bàn tay, đo từ nếp gấp giữa bàn tay và cổ tay tới đầu ngón giữa.
- Chiều dài gang tay: Căng gang tay, đặt úp lên thước.
- Lưu ý: Chiều ngang bụng ngón trỏ khoảng 1 cm.



– Hướng dẫn HS, khi đo nếu không đúng vạch xăng-ti-mét (các vạch dài trên thước), quan sát xem gần vạch nào thì đọc số đo theo vạch đó và dùng từ “khoảng”.

Ví dụ: móng tay rộng khoảng 1 cm.

– Sau khi đo, khuyến khích các em ghi nhớ các số đo của mình.

Bài 3:

Có thể hoạt động nhóm bốn theo trình tự:

– Tìm hiểu bài, GV giúp HS nhận biết:

- Kệ sách có ba ngăn, mỗi ngăn đều biết chiều cao.
- Sách trên kệ được xếp đứng, gáy sách xoay ra ngoài (dễ dàng khi tìm sách).
- Mỗi cuốn sách bên ngoài đều biết chiều cao.

- Yêu cầu của bài: xếp sách nào vào ngăn nào, giải thích tại sao xếp như vậy.
- Các nhóm **thảo luận**, nêu được cách làm: dựa vào chiều cao cuốn sách và chiều cao ngăn sách.
- Một vài nhóm **trình bày** bài làm.
- Các nhóm khác **bổ sung**, GV lưu ý các em dựa vào dấu hiệu: chiều cao cuốn sách bé hơn chiều cao ngăn sách để kiểm tra đúng, sai. GV có thể hỏi lại cách so sánh các số có hai chữ số.

Đây là bài toán mở, có nhiều phương án xếp sách (thỏa mãn dấu hiệu chiều cao).

Mở rộng: Ích lợi của việc đọc sách (hiểu biết về cuộc sống xung quanh)

Bảo quản sách (giữ gìn cẩn thận, xếp sách gọn gàng và đúng cách).

Bài 4:

HS tự làm bài.

Lưu ý, khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm.

VUI HỌC

- GV hướng dẫn HS dùng thước đo các băng giấy:
 - Đo mảnh giấy thứ nhất từ vạch 0 tới vạch 7.
 - Đo mảnh giấy thứ hai bắt đầu từ vạch 7 tới vạch 10.
 - Đo mảnh giấy thứ ba bắt đầu từ vạch 10 tới vạch 15.
- Kết luận: Khi chưa cắt, băng giấy dài 15 cm.

Chân trời sáng tạo **HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ**

GV có thể hướng dẫn HS làm như sau:

- Bước 1: Nhờ người thân dùng thước dây đo vòng đầu của HS → ghi lại kết quả đo.
- Bước 2: Dựa vào kết quả đo, HS cắt một băng giấy.

Chú ý kích thước:

Chiều cao (chiều rộng) băng giấy: 5 cm;

Chiều dài băng giấy phải dài hơn số đo vòng đầu 2 cm để làm mép dán.

Trang trí băng giấy: Viết tên lớp, vẽ trang trí (tự sáng tạo).

- Bước 3: Dán 2 đầu băng giấy, mép dán rộng 2 cm (phần dư ra để làm mép dán).

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

(3 tiết – SGK trang 144)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

Luyện tập:

- Đếm nhóm đôi tượng trong phạm vi 100 (đếm thêm 1, 2, 5, 10).
- Sắp xếp nhóm bốn số theo thứ tự.
- Phân tích số có hai chữ số theo cấu tạo thập phân.
- Cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.
Cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 100.
- Bước đầu làm quen với bài toán có lời văn và giải bài toán có lời văn: viết phép tính, nói câu trả lời. (Chưa chính thức giới thiệu thuật ngữ *bài toán có lời văn*).
- Đọc giờ đúng trên đồng hồ.
Giải quyết vấn đề có liên quan đến thời gian.
- Giải quyết vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài: dùng số đo gang tay theo xăng-ti-mét, tìm số đo độ dài của vật cụ thể.

2. Năng lực chú trọng: Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

Mô hình đồng hồ.

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

LUYỆN TẬP

Bài 1.

HS **quan sát** bức tường gạch, nhận biết:

- Có 4 loại gạch (theo màu).
- Số hàng gạch, số viên gạch mỗi hàng.

a) HS (nhóm bốn) **thảo luận** tìm cách đếm

Có thể **đếm** theo 4 cách: thêm 1, 2, 5, 10.

Tuy nhiên, khi sửa bài:

- GV nên khuyến khích HS đếm nhanh, ví dụ:
Số gạch tất cả: 10, 20, 30, ..., 90, 100.
Số gạch xanh lá cây: 10, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26.
- HS **viết** số gạch ra bảng con và **đọc** số: 100, 35, 24, 15, 26.
- Mở rộng: Trong thực tế, khoảng trống giữa các viên gạch là gì?

Tại sao người ta thường xếp xen kẽ các viên gạch (giữa các hàng)?

b) HS (cá nhân) **viết** các số 35, 24, 15, 26 theo thứ tự từ bé đến lớn, có thể làm bằng những cách khác nhau (tìm số bé nhất trước hay tìm số lớn nhất trước).

Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **trình bày** cách làm.

Mở rộng:

- Bốn số vừa viết có liên quan gì tới câu a?
- Hãy **nói** các loại gạch từ nhiều tới ít (đỏ, xanh lá cây, xanh dương – xanh da trời, vàng).

c) Phân tích mẫu:

- HS **đọc** sơ đồ tách – gộp số:
35 gồm 30 và 5
Gộp 30 và 5 được 35.
- GV nhắc lại: sơ đồ tách – gộp số theo các chục và đơn vị.
HS làm bài.
Ôn lại mối liên quan giữa các thành phần của sơ đồ tách – gộp số.
- Liên hệ câu a
HS **nói** và **chỉ vào** sơ đồ:
Có tất cả 24 viên gạch xanh dương gồm 2 chục viên và 4 viên.
Có 2 chục viên và 4 viên, có tất cả 24 viên.
- Các số trong hai hình tròn đen gộp lại được số trong hình tròn đỏ.
Hình tròn đỏ là “**tất cả**”.

Bài 2. Khi sửa bài, GV cho HS **nêu** lại cách thực hiện.

Lưu ý cột 2: làm từ trái sang phải, chỉ cần viết kết quả cuối cùng.

Bài 3. GV lưu ý HS cách **đặt tính** các phép tính $78 - 7$, $5 + 22$.

Khi sửa bài, khuyến khích **nói** lại cách tính.

Bài 4.

Phân tích mẫu: GV hướng dẫn HS **bước đầu** tìm hiểu và giải bài toán có lời văn.

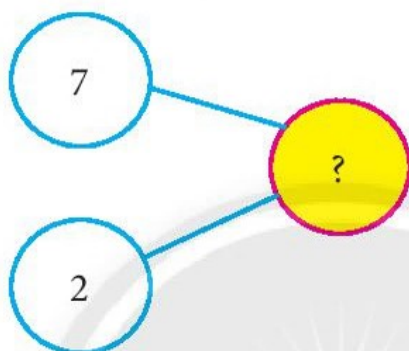
– Tìm hiểu bài toán.

- **Đọc kĩ** bài toán (thường thì GV đọc lớn 1 lần, giải thích các từ lạ đối với HS, sau đó một vài HS lần lượt đọc lớn, cả lớp đọc thầm, đọc đồng thanh).
- **Xác định:** bài toán **Hỏi gì? Biết gì?**

– Tìm cách giải

- **Viết** sơ đồ tách – gộp số để tìm hiểu cấu trúc của bài toán.

GV hướng dẫn HS viết vào sơ đồ, nên bắt đầu từ vòng tròn đỏ – thể hiện “tất cả”.



Dựa vào sơ đồ, xác định tách hay gộp, **chọn phép tính** để tìm số bạn cá ngựa có tất cả.

– Giải bài toán

- HS **viết phép tính** ra bảng con: $7 + 2 = 9$

GV giúp các em **nói câu trả lời** (GV tạo điều kiện để nhiều HS được nói).

– Kiểm tra lại

- Kiểm tra **cách làm**: xem câu trả lời và phép tính có đúng là để tìm cái mà đề bài yêu cầu.
- Kiểm tra lại việc **tính toán**.

Luyện tập

– HS (nhóm bốn) **thảo luận** và **giải** bài toán.

– Khi các nhóm trình bày, GV khuyến khích các em **nói** theo trình tự mẫu.

Bài 5.

Ở bài tập này, GV có thể tạo ra một câu chuyện “*Quê em*” và GV là người dẫn chuyện, tổ chức các hoạt động theo bài học, nhằm tạo hứng thú học tập.

a) HS **nói** theo câu: “Em đi từ nhà lúc 6 giờ, em về tới quê lúc 10 giờ”.

b) Về tới quê! Em thấy ở quê có những gì? (cây dừa, chó, cây xoài, giàn mướp,...)

– HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết** hai yêu cầu:

- **Viết** phép tính.
- **Nói** câu trả lời.

– HS (cá nhân) làm bài.

– Khi sửa bài, GV nên dẫn dắt theo trình tự mẫu (bài 4).

c) – HS **quan sát** tranh, GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi:

- Lúc đầu (SGK trang 146) có mấy con chó? (6 con)
- Bây giờ (SGK, trang 147) có mấy con? (3 con)
- Không biết còn lại mấy con nhỉ? (không cần trả lời).

– HS **đọc** yêu cầu của bài rồi thực hiện.

– Sửa bài: tương tự câu b.

d) – HS **đọc** bài toán, **nhận biết** yêu cầu của bài:

- **Xác định** số đo quả mướp (theo xăng-ti-mét)
- **Giải thích** được cách tìm ra số đo đó.

– HS có thể làm bằng nhiều cách khác nhau, chẳng hạn:

Đo liên tiếp ba lần **gang tay** theo mép bàn (nhớ làm dấu), dùng **thước thẳng** có vạch xăng-ti-mét đo theo mép bàn đã làm dấu.

...

GV có thể yêu cầu các em nhanh nhẹn giúp đỡ các bạn còn lúng túng.

Mở rộng

– GV có thể yêu cầu một số HS nói cảm xúc của mình khi về thôn quê, **khen ngợi** những cảm xúc tốt đẹp (đặc biệt tôn vinh những cảm xúc như: thương yêu, quý trọng, biết ơn,... với những người dân chất phác, hồn hậu ở thôn quê), điều chỉnh những suy nghĩ sai lệch của các em.

– Dẫn dò HS nếu về quê, cần **tìm hiểu** về cây cối, con vật, mọi thứ xung quanh (**kích cỡ, màu sắc, hình dạng, số lượng...**).

ÔN TẬP CUỐI NĂM

(7 tiết – SGK trang 148)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

Ôn tập:

– Số và phép tính:

- Đếm, lập số, đọc, viết số trong phạm vi 100.

- Sử dụng những hiểu biết về cấu tạo số:

Phân loại nhóm các đồ vật theo các tiêu chí: hình dạng, kích cỡ, màu sắc, phương hướng.

Thành lập lại các bảng cộng, trừ trong phạm vi 6, 7, 8, 9, 10.

Tìm thành phần chưa biết (trong mô hình tách – gộp số).

- Giải quyết được vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến việc so sánh số.

- Thực hiện cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.

Thực hiện cộng, trừ trong phạm vi 100 (nhẩm, viết).

Tính toán với các trường hợp có hai dấu phép tính (cộng, trừ).

- Làm quen tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.

- Giải bài toán có lời văn.

– Hình học và đo lường:

- Nhận dạng các hình phẳng và hình khối đã học.

Làm quen với việc nhận ra các hình phẳng (đã học) ở các mặt của hình khối.

Giải quyết được vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến khả năng “lăn” của một số hình khối.

- Đo đồ vật cụ thể bằng thước có vạch xăng-ti-mét.

Ghi nhớ một vài số đo các bộ phận trên cơ thể.

Giải quyết được vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến xem giờ đúng và đọc lịch (lịch tờ hằng ngày).

2. Năng lực chú trọng: phát triển cả 5 năng lực: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mỹ thuật, Tiếng Việt.

Phẩm chất: Yêu đất nước (Kính yêu và biết ơn Bác Hồ).

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

HS: thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.

GV: hình vẽ cho bài tập số 12.

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– Tìm hiểu bài

- HS đọc yêu cầu của bài, nhận biết ba yêu cầu:

Phân loại (theo hình dạng, màu sắc, kích cỡ, phương hướng).

Viết sơ đồ tách – gộp số (theo cách phân loại).

Viết một phép cộng và một phép trừ (theo sơ đồ tách – gộp số).

- Hướng dẫn thực hiện mẫu (HS **quan sát** hình ảnh, **trả lời** các câu hỏi của GV) .

Bài toán yêu cầu phân loại bánh theo **dấu hiệu** nào (hình dạng).

Hãy **phân loại** bánh: Tất cả bao nhiêu bánh, gồm những loại nào, mỗi loại có bao nhiêu? (14 cái bánh gồm 10 cái bánh có dạng hình tam giác và 4 cái bánh có dạng hình chữ nhật).

Viết sơ đồ tách – gộp số.

Viết một phép cộng và một phép trừ theo sơ đồ $(10 + 4 = 14 \text{ hay } 4 + 10 = 14$

$14 - 4 = 10 \text{ hay } 14 - 10 = 4)$.

Giải thích tại sao viết phép tính đó.

(Gộp 10 và 4 được 14, 14 tách 10 còn lại 4,...).

– HS **thực hiện** (cá nhân) từng câu, sửa bài rồi làm câu kế tiếp.

Lưu ý câu c, ô tô quay đầu sang phải hoặc sang trái.

– Khi sửa bài, yêu cầu HS **giải thích** từng việc làm.

Bài 2:

– Tìm hiểu bài:

- HS **nêu** tên các đồ vật ở cột bên trái (biển báo giao thông, con xúc xắc, bánh xe đạp, hộp sữa) và các hình vẽ ở cột bên phải (hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác, hình vuông).

- HS **đọc** yêu cầu của bài.

– HS (nhóm hai) **làm** bài.

– Khi sửa bài, yêu cầu HS **nói** lí do chọn.

HS có thể **giải thích**, chẳng hạn:

- Em chọn biển báo giao thông và hình tam giác là 1 cặp vì biển báo giao thông có dạng hình tam giác.
- Con xúc xắc và hình vuông (GV giải thích thêm: các mặt của khối lập phương là hình vuông).

- Bánh xe và hình tròn.
- Hộp sữa và hình chữ nhật (GV: các mặt của khối hộp chữ nhật này hình chữ nhật).

Bài 3:

- HS (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, **thảo luận**, **trình bày** trước lớp (Cần xếp lại: cuộn giấy, chai nước xanh đậm, quả cam).
- Khi sửa bài, yêu cầu HS **nói** lí do tại sao phải xếp lại đồ vật và xếp lại thế nào, chẳng hạn:

- Tại sao phải xếp lại cuộn giấy, chai nước, quả cam? (Để bị lăn xuống đất).

Tại sao những đồ vật này lại lăn? (Có hình tròn)

Xếp lại thế nào? (Xếp đứng lên).

GV: Chai nước, cuộn giấy, li nước, ... có đáy hình tròn, quả cam có dạng hình tròn.

Những đồ vật này dễ bị lăn.

Khi xếp, ta đặt đáy của chúng xuống mặt bàn.

Mở rộng: Khi sắp xếp đồ, lưu ý:

- Những đồ dễ lăn, dễ rớt.
- Xếp gọn gàng.

Nhắc HS thường xuyên sắp xếp bàn học ở lớp, ở nhà, dọn dẹp nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp.

Bài 4:

- Tìm hiểu bài, phân tích mẫu

HS **đọc** yêu cầu của bài, **quan sát** tranh, GV giúp các em **nhận biết** các việc cần làm:

- Viết 4 phép tính

+ Số ở cáo mẹ có liên quan gì với số ở cáo con? (mỗi cáo con và cáo mẹ tạo thành một sơ đồ tách – gộp số)

+ Cụ thể? (6 gồm 5 và 1; 6 gồm 4 và 2; 6 gồm 3 và 3)

+ Mỗi trường hợp câu tạo của số 6, ta viết được các phép cộng và phép trừ.

Từ 6 gồm 5 và 1, hãy **đọc** bốn phép tính trong SGK.

HS đọc: 6 gồm 5 và 1

$$5 + 1 = 6$$

$$1 + 5 = 6$$

$$6 - 1 = 5$$

$$6 - 5 = 1$$

+ Hai trường hợp còn lại (phương pháp nhóm mảnh ghép)

Nửa lớp **viết** bốn phép tính từ 6 gồm 4 và 2.

Nửa lớp **viết** hai phép tính từ 6 gồm 3 và 3.

- **Quan sát** hình ảnh, HS **đọc** bảng cộng trong phạm vi 6 và bảng trừ trong phạm vi 6

$$5 + 1 = 6$$

$$6 - 1 = 5$$

$$1 + 5 = 6$$

$$6 - 5 = 1$$

$$4 + 2 = 6 \quad 6 - 2 = 4$$

$$2 + 4 = 6 \quad 6 - 4 = 2$$

$$3 + 3 = 6 \quad 6 - 3 = 3$$

– Tương tự với gia đình mèo, cá, heo, gà; HS **làm** bài (GV có thể phân mỗi tổ làm một câu. Trong một tổ, mỗi em làm một trường hợp,...).

– Sau khi sửa bài, HS luân phiên **đọc** các phép tính ở bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 6, 7, 8, 9, 10.

Bài 5: Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **trình bày** cách làm.

a) Đếm số khúc gỗ

HS có thể đếm theo các cách khác nhau (đếm từng khúc gỗ; đếm theo chục và số khúc gỗ lẻ).

b) Hoàn thiện sơ đồ tách – gộp. Đọc sơ đồ (ôn cấu tạo số).

Bài 6: Lưu ý HS, xong một dãy số phải kiểm tra bằng cách đọc lại toàn bộ dãy số xem có phù hợp quy luật.

Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói tên dãy số (quy luật).

Ví dụ:

- Dãy số tròn chục từ bé đến lớn (dãy số đếm thêm 10)
- Dãy số đếm thêm 1
- Dãy số đếm bớt 1.

Bài 7:

a) – Nếu cần, HS lại **nói** câu: “Hả họng bên nào, bên đó lớn”. Nhắc HS kiểm tra xem viết dấu có đúng không.

– Sửa bài, HS **giải thích** cách so sánh.

Ví dụ: so sánh số chục (76 – 82; 70 – 59)

so sánh số đơn vị (64 – 61)

số có 1 chữ số bé hơn số có 2 chữ số (8 – 13) (khi đó 0 chục bé hơn 1 chục).

b) GV lưu ý HS tự xác định yêu cầu để làm bài và tự kiểm tra sau khi làm bài xong.

– **Xác định** yêu cầu của bài (sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé).

– **Kiểm tra:** có đúng thứ tự từ lớn đến bé không?

Bài 8:

– Tìm hiểu bài.

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (Có ba xe chở dưa hấu, số lượng quả dưa hấu mỗi xe được ghi trên xe.)
- Bài toán yêu cầu gì? (HS đọc yêu cầu của bài.)

– HS (nhóm đôi) **làm** bài (làm miệng).

– Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **trình bày**.

- Cách **so sánh** để tìm số lớn nhất.
- **Lập luận** vì sao xe xanh lá chở nhiều nhất.

GV hỏi để hệ thống lại cách so sánh số có hai chữ số: So sánh số chục, số đơn vị.

Bài 9:

Trước khi làm bài, yêu cầu HS **nhắc lại** một số lưu ý:

– **Đặt tính** (số chục dưới số chục, số đơn vị dưới số đơn vị).

– **Tính** (từ phải sang trái).

– **Kiểm tra** kết quả (kiểm tra các số và dấu phép tính có đúng như đề bài cho, kiểm tra cách tính toán – lưu ý có thể dùng phép cộng để kiểm tra phép trừ, dùng tính chất giao hoán để thử phép cộng).

Bài 10:

– HS tính từ trái sang phải.

Tuy nhiên, khuyến khích các cách làm trên cơ sở hiểu tính chất phép tính.

Ví dụ: $90 - 20 - 30 = 40$

Học sinh có thể lập luận: Trừ 20 rồi trừ 30 tức là trừ 50, 90 trừ 50 bằng 40.

– HS chỉ cần viết kết quả cuối cùng.

Bài 11:

– HS (nhóm đôi) thảo luận và thực hiện.

– Khi sửa bài, yêu cầu HS giải thích theo hai tiêu chí: Đặt tính và Tính.

- Bài thứ nhất: **đ** vì đặt tính đúng, tính đúng.
- Bài thứ hai: **s** vì đặt tính đúng nhưng tính sai (nhầm phép tính: trừ nhưng làm thành cộng).
- Bài thứ ba: **s** vì đặt tính sai (3 đơn vị viết dưới 9 chục).
- Bài thứ tư: **đ** vì đặt tính đúng, tính đúng.

Bài 12:

– Tìm hiểu bài

- GV giới thiệu:

Có bốn chồng gạch được sắp xếp như hình vẽ.

Các viên gạch màu đậm đã có số, các viên gạch màu nhạt chưa có số.

- Yêu cầu của bài là gì? (**Tìm số** cho các viên màu nhạt).

– HS (nhóm bốn) **thảo luận, tìm quy luật** xếp gạch.

– Các nhóm thực hiện (GV nhắc các nhóm sau khi làm xong, **kiểm tra** lại xem có đúng như quy luật đưa ra).

Các nhóm **trình bày** trước lớp (GV khuyến khích các em **nêu** quy luật, **thể hiện** nội dung bài làm ở hình ảnh đã được vẽ sẵn trên bảng).

- Sửa bài: GV khái quát (Dùng chồng gạch thứ nhất minh hoạ).
- Các số trong ba viên gạch này có liên quan với nhau không?

HS có thể **trả lời** theo nhiều cách, chẳng hạn:

Giống sơ đồ tách – gộp số

Cộng hai số dưới thì được số trên

...

GV lưu ý HS chỉ có ba viên gạch sắp xếp như vậy (viên hàng trên nằm giữa hai viên hàng dưới) thì mới giống sơ đồ tách – gộp số.

- GV dùng tay che một trong ba ô, HS **nói** cách tìm số bị che dựa vào hai số không che.
- Cả lớp **kiểm tra** bài đã làm của các nhóm ở trên bảng.

Bài 13: GV nhắc lại trình tự làm (bài 4 SGK trang 176).

HS thực hiện (cá nhân).

Khi sửa bài, GV nên dẫn dắt theo trình tự.

Bài 14: Trò chơi

- GV hướng dẫn HS cách chơi (SGK trang 154).
- GV gọi hai HS lên bảng **chơi** trước lớp.
- HS **chơi** trò chơi theo nhóm đôi và **ghi** lại kết quả chơi.

Bài 15:

– Tìm hiểu bài

- HS **đọc** câu hỏi và các yêu cầu cần thông báo về số đo.
(Khi đọc, thay “?” bằng từ “bao nhiêu”. Ví dụ: Ngón trỏ dài khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?)
- Sau mỗi câu hỏi, GV minh hoạ cụ thể (bằng cách dùng bàn tay, bước chân, sải tay).
Ví dụ: Chiều dài ngón tay là khoảng cách từ đâu tới đâu (minh hoạ trên ngón tay GV).
- HS **nhận biết** cần phải viết các số đo theo yêu cầu (4 số đo đầu, đơn vị là xăng-ti-mét; số đo cuối cùng, đơn vị là gang tay).

– HS (nhóm đôi) **thực hiện**

- **Nhớ** được số đo nào thì **viết** ngay, sau đó **đo** lại để kiểm tra.
- Các số đo không nhớ hoặc chưa đo bao giờ (bước chân, sải tay), các HS giúp nhau **đo**. Nếu cần, GV giúp đỡ.

– HS **thông báo** các số đo.

Với số đo gang tay, có thể tiến hành như sau:

- Gọi một HS có số đo trung bình **nói** số đo của mình (chẳng hạn, bạn Nam nói: Gang tay em dài 15 cm).
- Các bạn nào có gang tay **dài bằng** bạn Nam? (Một số em đưa tay)
- Các bạn nào có gang tay **ngắn hơn** bạn Nam? (Trung: 14 cm, Toàn: 13 cm,...)
- Lớp ta, bạn nào có gang tay **ngắn nhất**? (Bạn Hùng: 12 cm)
- Các bạn nào có gang tay **dài hơn** bạn Nam? (...)
- Lớp ta, bạn nào có gang tay **dài nhất**? (...)

– GV nhắc HS ghi nhớ ít nhất hai số đo: gang tay, bước chân.

Lưu ý: GV luôn nhắc lại độ lớn 1 cm khoảng chiều ngang móng tay ngón trỏ.

Bài 16:

– Tìm hiểu bài

- HS **đọc** yêu cầu.
- Quan sát hình vẽ để bước đầu **nhận biết** hai kích thước của hộp bút (chiều dài, chiều rộng).
- **Cầm** hộp bút bằng một tay, dùng ngón trỏ bàn tay còn lại **vuốt** theo mép hộp bút, nói: dài, rộng (GV có làm mẫu).
- HS không có hộp bút, **thay thế** bằng SGK Toán 1.
- HS **nhận biết**, cần phải đo hai cạnh hộp bút và viết số đo.

– HS **thực hiện** (cá nhân).

GV nhắc HS **lưu ý** vạch số 0 khi đặt thước.

– HS **thông báo** kết quả đo, có thể cho các em nhận xét hộp bút nào dài nhất.

Bài 17:

a) – Tìm hiểu bài.

HS đọc yêu cầu, **nhận biết** cần **đọc** hai thông tin theo thứ tự: Thứ, ngày (đọc tất cả các tờ lịch).

– HS (nhóm đôi) **quan sát** tờ lịch thứ nhất, tìm: thứ, ngày (từ dưới lên trên).

– Hai bạn **đọc** lịch cho nhau nghe.

– Khi sửa bài, HS **đọc** lớn các tờ lịch.

Nếu HS lúng túng hoặc sai “Thứ”, GV yêu cầu **đọc** các “Thứ” lần lượt từ trái sang phải và dừng lại ở tờ lịch đọc sai.

Ví dụ: thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật, thứ hai, thứ ba.

Nếu HS đọc sai “Ngày”, cũng yêu cầu **đọc** các ngày từ trái sang phải và dừng lại ở ngày đọc sai.

GV cũng có thể gợi ý để HS **nhận biết**: 7 tờ lịch tương ứng với 7 ngày liên tiếp, đó cũng là số ngày của một tuần.

b) – Tìm hiểu bài

- HS đọc yêu cầu, **nhận biết** hai việc cần làm:

Đọc thông báo.

Xác định xem thứ mấy đi tham quan.

- Chẳng hạn, hôm nay có thông báo viết trên bảng lớp.

Dòng đầu tiên trên bảng viết gì? (Thứ, ngày)

Thứ, ngày của hôm nào? (Hôm nay)

Hãy nói rõ, Hôm nay là thứ mấy, ngày nào?

(Hôm nay là thứ sáu, ngày 14).

- Trong các tờ lịch ở câu a

Hãy tìm tờ lịch ngày hôm nay (Tờ lịch đầu tiên)

Tờ lịch nào là ngày 19? (tờ lịch áp cuối/áp chót)

– HS (nhóm đôi) **đọc** kĩ thông báo, **thảo luận**, **xác định** “Thứ” đi tham quan.

– Khi sửa bài:

- HS **đọc** đầy đủ thông báo.
- **Giải thích** tại sao lại là thứ tư (Dựa vào tờ lịch ngày 19).

Mở rộng:

– 19 – 5 là ngày gì? (Ngày sinh của Bác Hồ)

– Tại sao lại đi tham quan bến Nhà Rồng? (Đây là khu di tích lịch sử : Nơi Bác Hồ xuống tàu vào ngày 5 – 6 – 1911, sang Pháp để tìm đường cứu nước).

– GV nói vắn tắt công lao to lớn của Bác Hồ và tình cảm của Bác dành cho thiếu nhi.

c) Tới thứ tư, ngày 19 rồi, cả lớp mình cùng đi tham quan bến Nhà Rồng.

– Tìm hiểu bài

HS **quan sát**, **nói** nội dung từng bức tranh (theo gợi ý của bạn Ong).

Chẳng hạn:

- Lúc 7 giờ, xe khởi hành từ trường
- Lúc 8 giờ, tới bến Nhà Rồng
- Lúc 10 giờ, lên xe ra về
- Lúc 11 giờ, về tới trường.

HS **đọc** tiếp yêu cầu, nhận biết cần **xác định** những chỗ trống được viết gì.

– Dựa vào hình vẽ và nội dung từng bức tranh, HS **thực hiện** các yêu cầu của bài rồi **trình bày** trước lớp.

– Khi sửa bài, GV lưu ý HS **giải thích**:

- Lúc đi: Có mặt tại trường trước 7 giờ. Tại sao phải có mặt **trước** 7 giờ.
- Lúc 9 giờ em đang ở Bến Nhà Rồng. Tại sao?

ĐẤT NƯỚC EM

Giới thiệu vịnh Nha Trang:

Vịnh Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hoà có rất nhiều bãi biển đẹp; được bao bọc bởi nhiều đảo lớn, nhỏ; là một quần thể thiên nhiên đặc sắc, đa dạng; một địa điểm du lịch nổi tiếng ở nước ta, thu hút nhiều du khách trong nước cũng như quốc tế. Vịnh Nha Trang còn được mệnh danh là hòn ngọc của Biển Đông, viên ngọc xanh vì giá trị thiên nhiên, vẻ đẹp cũng như khí hậu của nó.

Em đã đi du lịch ở Nha Trang chưa?

Giáo dục HS yêu thiên nhiên, giữ vệ sinh môi trường,...

– Nếu còn thời gian, xác định vị trí tỉnh Khánh Hoà trên bản đồ (SGK trang 157).

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Ong và hoa

(1 tiết – SGK trang 156)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng:

Ôn tập:

- Đọc, đếm các số trong phạm vi 100.
- Đếm thêm 2, đếm thêm 5, đếm thêm 10.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HS **quan sát** tranh và **trả lời** câu hỏi: Tranh vẽ gì? (tổ ong, trên đó có ghi những con số các bông hoa màu đỏ, hồng).

Bài 1:

– HS đọc yêu cầu, **nhận biết**:

Số bé nhất trong hình (số 1), số lớn nhất trong hình (số 100).

Cần đọc theo thứ tự : 1, 2, 3, 4, 5, ..., 100.

– HS (nhóm đôi) **tìm** và **đọc** số (vừa **đọc** vừa **chỉ** tay vào số).

Mở rộng

Ong sống theo đàn, mỗi đàn đều có ong chúa, ong thợ, ong non... và có sự phân công công việc rõ ràng. Ong làm việc rất chăm chỉ, hút mật hoa, lấy phấn hoa.

Bài 2:

– Tìm hiểu bài

- HS **đọc** yêu cầu.
- HS **viết** dãy số từ 50 đến 59 vào bảng con.

– HS **trình bày** trước lớp.

– GV nhận xét, đánh giá.

– Mở rộng: GV có thể yêu cầu HS nhận xét về số chục, số đơn vị của dãy số.

Cách đọc các số: 51; 54; 55

Nói tách – gộp số (cấu tạo một số tùy ý)

Bài 3:

– Tìm hiểu bài

- HS **quan sát** tranh vẽ các bông hoa quanh tổ ong, **nhận biết**:

Các bông hoa có hai màu

Các bông hoa đều có đặc điểm: 5 cánh.

- Nhiệm vụ: **đếm nhanh**.

– HS (nhóm đôi) **tìm cách** đếm nhanh, **thực hành** đếm và ghi lại kết quả.

- Số bông hoa.
- Số cánh hoa đỏ.

– HS **trình bày** kết quả đếm và cách đếm, các nhóm **bổ sung**.

GV nhận xét, đánh giá và hệ thống lại cách đếm nhanh ở bài này.

- Đếm số bông hoa.

Do luôn có hai bông hoa cùng màu xếp cạnh nhau nên đếm thêm 2.

Cả lớp cùng đếm (lưu ý thao tác “làm dấu” khi đếm bằng cách đặt hai đầu ngón trỏ và ngón giữa vào cặp hoa đang đếm).

- Đếm số cánh hoa đỏ.

Do mỗi bông hoa có 5 cánh, hai bông hoa cùng màu kế nhau có 10 cánh nên ta đếm thêm 10.

Cả lớp cùng đếm (thao tác “làm dấu” giống như trên).

– Mở rộng:

Để đếm nhanh, khi nào nên đếm thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10, cho ví dụ.

- Thêm 1: Số lượng trong phạm vi 10.
- Thêm 2: Số lượng lớn hơn 10, đặc biệt khi xuất hiện các “cặp”.

Ví dụ: Đếm chân của nhiều con vật 2 chân (gà, vịt, chim,...)

- Thêm 5: Khi có các nhóm 5

Ví dụ: Mỗi hộp có 5 cái bánh,...

- Thêm 10: Những thứ để thành từng chục.

Ví dụ: Bó hoa, xâu bánh ú, chục trứng, hộp bút sáp 10 cái,...



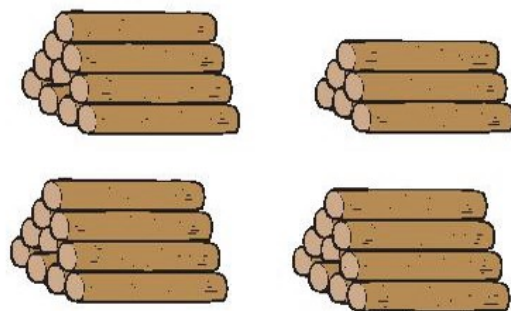
KIỂM TRA CUỐI NĂM

A – TRẮC NGHIỆM

I – Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1: Có bao nhiêu khúc gỗ?

- A. 40
- B. 31
- C. 36

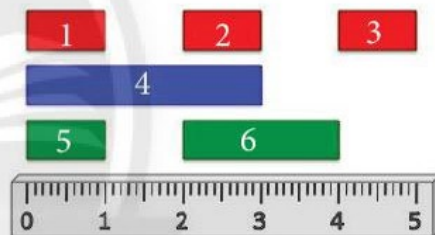


Câu 2: Cho ba số: 58, 85, 59. Số lớn nhất trong ba số trên là:

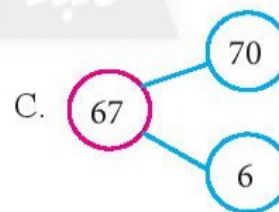
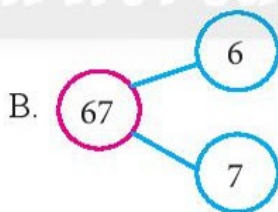
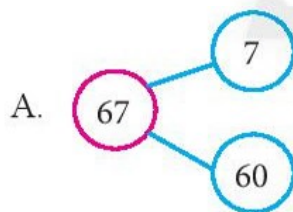
- A. 58
- B. 85
- C. 59

Câu 3: Băng giấy nào dài nhất?

- A. Băng giấy số 3
- B. Băng giấy số 4
- C. Băng giấy số 6



Câu 4: Sơ đồ tách – gộp số nào đúng?



Câu 5: Đồng hồ nào chỉ 5 giờ?



A.

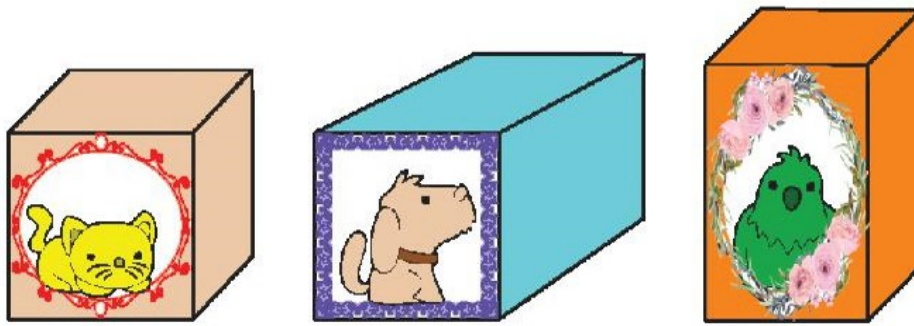


B.



C.

Câu 6:



- A. Nhà của mèo có cửa hình tròn.
- B. Nhà của chó là khối lập phương.
- C. Nhà của chim có cửa hình tròn.

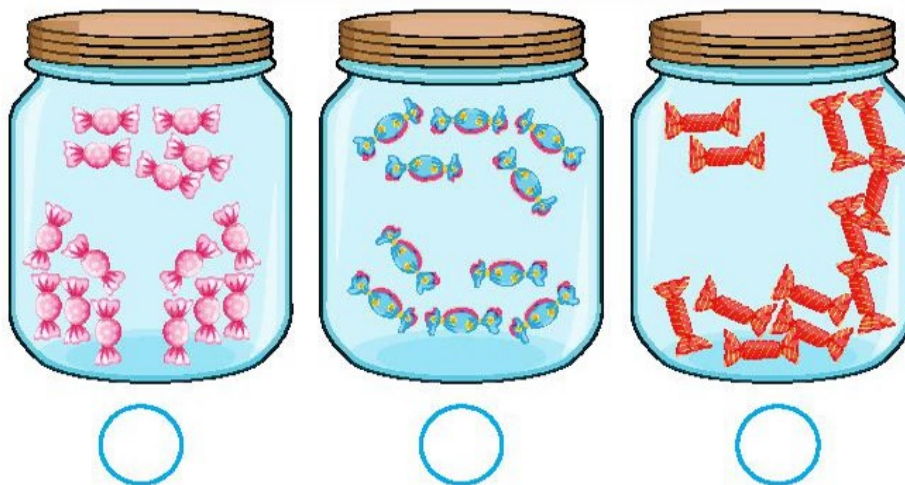
II – Viết số vào ô trống.

Câu 1:

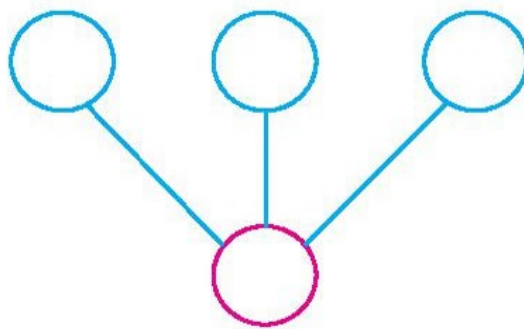
- a) 38 — 39 — — — 42 —
- b) — 70 — 75 — — 85 —
- c) 50 — — 70 — 80 — —

Câu 2: Quan sát hình dưới đây.

- a) Viết số kẹo trong mỗi hũ.



b) Viết sơ đồ tách – gộp số.



B – TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

$94 - 14$

$32 + 4$

$87 - 6$

.....

.....

.....

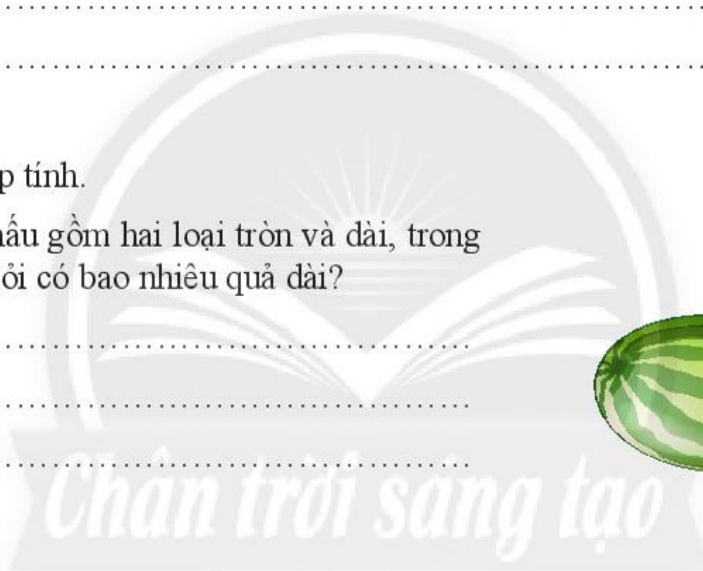
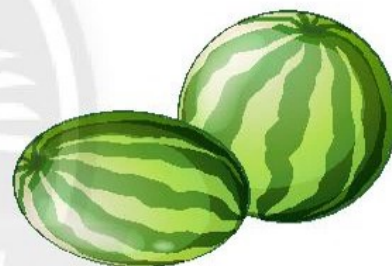
Câu 2: Viết phép tính.

Có 45 quả dưa hấu gồm hai loại tròn và dài, trong đó có 34 quả tròn. Hỏi có bao nhiêu quả dài?

.....

.....

.....



*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: TRẦN THANH HÀ – HOÀNG NGỌC PHƯƠNG

Thiết kế sách: BÙI XUÂN DƯƠNG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh hoạ: HÀ TUỆ HƯƠNG

Sửa bản in: TRẦN THANH HÀ – HOÀNG NGỌC PHƯƠNG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển
thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản
Giáo dục Việt Nam.

TOÁN 1 — SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG1T001M20

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 496-2020/CXBIPH/8-184/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-21763-9